|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | Ngày dạy : |  |

**Tiết 1-2-3**

**ÔN TẬP TRUYỆN ĐỒNG THOẠI**

**I- MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

- Một số yếu tố của truyện đồng thoại (cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện, lời nhân vật) và người kể chuyện ngôi thứ nhất.

- Đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ của nhân vật.

- Tính chất của truyện đồng thoại được thể hiện trong hai văn bản “*Bài học đường đời đầu tiên*” và *“ Nếu cậu muốn có một người bạn”*

**2. Năng lực:**

- Năng lực chung: năng lực tự chủ và tự học; năng lực giao tiếp.

- Năng lực chuyên biệt:

+ Nhận biết được một số yếu tố của truyện đồng thoại (cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện, lời nhân vật) và người kể chuyện ngôi thứ nhất.

+ Nhận biết và phân tích được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ của nhân vật.

**3. Phẩm chất**: sống khiêm tốn, chan hòa, tôn trọng tình bạn.

**II- CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH:**

**1. Giáo viên:** SGK, Bài soạn

**2. Học sinh**: SGK, vở ghi, ôn tập các kiến thức có liên quan.

**III- CÁC HOẠT ĐỘNG TRÊN LỚP**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **GV hướng dẫn HS củng cố những kiến thức cơ bản về thể loại và văn bản.**  **- Hình thức vấn đáp.**  **- HS trả lời.**  **- GV chốt kiến thức**  **GV hướng dẫn HS hoàn thiện bảng mẫu** | **I. Kiến thức chung về thể loại**  **1. Truyện và truyện đồng thoại**   * Truyện là loại tác phẩm văn học kể lại một câu chuyện, có cốt truyện, nhân vật, không gian, thời gian, hoàn cảnh diễn ra các sự việc. * Truyện đồng thoại lả truyện viết cho trẻ em, có nhân vật thường là loài vật hoặc đồ vật được nhân cách hoá. Các nhân vật này vừa mang những đặc tính vốn có cùa loài vật hoặc đồ vật vừa mang đặc điểm của con người.   **2. Cốt truyện**   * Cốt truyện là yếu tố quan trọng cùa truyện kể, gồm các sự kiện chinh được sắp xếp theo một trật tự nhất định: có mờ đầu, diễn biến và kết thúc.   **3. Nhân vật**   * Nhân vật là đối tượng có hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, cảm xúc, suy nghĩ,... được nhà văn khắc hoạ trong tác phẩm. Nhân vật thường lá con người nhưng cũng có thể là thần tiên, ma quỷ, con vật. đồ vật,...   **4. Người kể chuyện**  Người kể chuyện là nhân vật do nhà văn tạo ra để kể lại câu chuyện:  + Ngôi thứ nhất;  + Ngôi thứ ba.  **5. Lời người kế chuyện và lời nhân vật**   * Lời người kể chuyện đảm nhận việc thuật lại các sự việc trong câu chuyện, bao gồm cà việc thuật lại mọi hoạt động cùa nhân vật vả miêu tả bối cảnh không gian, thời gian của các sự việc, hoạt động ấy.   Lời nhân vật là lời nói trục tiếp cùa nhân vật (đối thoại, độc thoại), có thể được trinh bày tách riêng hoặc xen lẫn với lời người kề chuyện.  **II. Kiến thức chung về văn bản“*Bài học đường đời đầu tiên*” và *“ Nếu cậu muốn có một người bạn”*** |
| |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Văn bản** | **Bài học đường đời đầu tiên** | **Nếu cậu muốn có một người bạn** | | **Thể loại** | - “Bài học đường đời đầu tiên”(tên do người biên soạn đặt) trích từ chương I của “Dế Mèn phiêu lưu kí” ( 1941) | Đoạn trích: *“Nếu cậu muốn có một người bạn”* (chương XXI) của tác phẩm *Hoàng tử bé* (tên tiếng Pháp: Le Petit Prince). Xuất bản năm 1943. | | **Xuất xứ** | - “Bài học đường đời đầu tiên”(tên do người biên soạn đặt) trích từ chương I của “Dế Mèn phiêu lưu kí” ( 1941) | Đoạn trích: *“Nếu cậu muốn có một người bạn”* (chương XXI) của tác phẩm *Hoàng tử bé* (tên tiếng Pháp: Le Petit Prince). Xuất bản năm 1943. | | **Nội dung** | - Miêu tả vẻ đẹp của Dế Mèn cường tráng nhưng tính nết còn kiêu căng, xốc nổi.  - Sau khi bày trò trêu chị Cốc, gây ra cái chết cho Dế Choắt, Dế Mèn hối hận và rút ra bài học đường đời đầu tiên cho mình. | - Kể về cuộc gặp gỡ bắt ngờ giữa hoàng tử bé và một con cáo trên Trái Đất. Cuộc gặp gỡ này đã mang đến cho cả hai những món quà quý giá. | | **Nghệ thuật** | - Cách kể chuyện theo ngôi thứ nhất tự nhiên, hấp dẫn  - Nghệ thuật miêu tả loài vật sinh động, đặc sắc  - Ngôn ngữ chính xác, giàu tính tạo hình.  - Miêu tả loài vật sinh động, nghệ thuật nhân hoá, ngôn ngữ miêu tả chính xác  - Xây dựng hình tượng nhân vật gần gũi với trẻ thơ. | - Kể kết hợp với miêu tả, biểu cảm  - Xây dựng hình tượng nhân vật phù hợp với tâm lí, suy nghĩ của trẻ thơ.  - Nghệ thuật nhân hoá đặc sắc. | | **Ý nghĩa** | - Không quá đề cao bản thân rồi rước hoạ.  - Cần biết lắng nghe, quan tâm, giúp đỡ mọi người xung quanh. | **-** Bài học về cách kết bạn cần kiên nhân và dành thời gian cho nhau; về cách nhìn nhận, đánh giá và trách nhiệm với bạn bè. | | |
| **GV phát PHT, hướng dẫn HS làm bài.** | **III. Luyện tập- vận dụng**  **Bài tập 1**  **Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi 1,2,3,4:**     “*Bởi tôi ăn uống điều độ và làm việc có chừng mực nên tôi chóng lớn lắm. Chẳng bao lâu tôi đã trở thành một chàng dế thanh niên cường tráng. Ðôi càng tôi mẫm bóng. Những cái vuốt ở chân, ở khoeo cứ cứng dần và nhọn hoắt. Thỉnh thoảng, muốn thử sự lợi hại của những chiếc vuốt, tôi co cẳng lên, đạp phanh phách vào các ngọn cỏ. Những ngọn cỏ gãy rạp, y như có nhát dao vừa lia qua. Ðôi cánh tôi, trước kia ngắn hủn hoẳn bây giờ thành cái áo dài kín xuống tận chấm đuôi. Mỗi khi tôi vũ lên, đã nghe tiếng phành phạch giòn giã. Lúc tôi đi bách bộ thì cả người tôi rung rinh một màu nâu bóng mỡ soi gương được và rất ưa nhìn. Hai cái răng đen nhánh lúc nào cũng nhai ngoàm ngoạp như hai lưỡi liềm máy làm việc. Sợi râu tôi dài và uốn cong một vẻ rất đỗi hùng dũng. Tôi lấy làm hãnh diện với bà con vì cặp râu ấy lắm. Cứ chốc chốc tôi lại trịnh trọng và khoan thai đưa cả hai chân lên vuốt râu”*  *(*“*Bài học đường đời đầu tiên*” –*Tô Hoài)*  **Câu 1**: Xác định ngôi kể và phương thức biểu đạt của đoạn trích.  **Câu 2**: Những chi tiết nào miêu tả hình dáng, hành động, ý nghĩ của nhân vật?  **Câu 3**: Liệt kê các phép so sánh được sử dụng trong đoạn văn và nêu tác dụng?  **Câu 4**: Đoạn văn đề cập tới vẻ đẹp ngoại hình của Dế Mèn, có ý kiến cho rằng: “Dế Mèn có vẻ đẹp của một thanh niên cường tráng”. Em có đồng ý với ý kiến đó không, hãy chứng minh.  **Gợi ý:**  **Câu 1:**  - Văn bản kể theo ngôi thứ nhất.  - PTBĐ: Tự sự + Miêu tả  **Câu 2:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Hình dáng | Hành động | Ý nghĩ | | *- chàng dế thanh niên cường tráng*  *+ càng: mẫm bóng*  *+ vuốt: cứng, nhọn hoắt*  *+ cánh: dài tận chấm đuôi*  *một màu nâu bóng mỡ*  *+ đầu: to, rất bướng*  *+ răng: đen nhánh*  *+ râu: dài, cong* | *- đạp phanh phách*  *- vũ lên phành phạch*  *- nhai ngoàm ngoạp*  *- trịnh trọng vuốt râu* | - *lấy làm* *hãnh diện* |   **Câu 3:**  - Các phép so sánh được sử dụng trong đoạn văn:  + *Những ngọn cỏ gãy rạp, y như có nhát dao vừa lia qua.*  *+ Hai cái răng đen nhánh lúc nào cũng nhai ngoàm ngoạp như hai lưỡi liềm máy làm việc.*   * Phép so sánh được sử dụng gợi hình ảnh khỏe khoắn của Dế Mèn, đem đến ấn tượng về một chàng dế thanh niên hùng dũng, có sức mạnh, mang sự cường tráng   **Câu 4:**   * Em đồng ý với ý kiến đó * Chứng minh: Sự cường tráng thể hiện qua hình dáng và hành động   + Hình dáng: Đôi càng nhẵn bóng; vuốt: cứng, nhọn hoắt; đôi cánh: dài; đầu to nổi từng tảng; hai răng đen nhánh; râu dài uốn cong.  + Hành động: Đạp phanh phách, vỗ cánh phành phạch, nhai ngoàm ngoạp, trịnh trọng vuốt râu.   * Vẻ đẹp cường tráng, trẻ trung, đầy sức sống, tự tin, yêu đời của Dế Mèn.   **Bài tập 2**  **Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi 1,2,3,4**  *“- Cuộc sống của mình thật đơn điệu. Mình săn gà, con người săn mình. Mọi con gà đều giống nhau. Mọi con người đều giống nhau. Cho nên mình hơi chán. Bởi vậy, nếu bạn cảm hóa mình, xem như đời mình đã được chiếu sáng. Mình sẽ biết thêm một tiếng chân khác hẳn mọi bước chân khác. Những bước chân khác chỉ khiến mình chốn vào lòng đất. Còn bước chân của bạn sẽ gọi mình ra khỏi hang, như tiếng nhạc. Và nhìn xem! Bạn thấy không, cách đồng lúa mì đằng kia? Mình không ăn bánh mì. Lúa mì chả có ích gì cho mình. Những đồng lúa mì chẳng gợi nhớ gì cho mình cả. Mà như vậy thì buồn quá! Nhưng bạn có mái tóc vàng óng. Nếu bạn cảm hóa mình thì thật là tuyệt vời! Lúa mì vàng óng ả sẽ làm mình nhớ đến bạn. Và mình sẽ thích tiếng gió trên đồng lúa mì...”*  (Hoàng tử bé, *Ăng- toan- đơ Xanh-tơ Ê-xu-be-ri)*  **Câu 1:**Đoạn văn trên là lời của ai nói với ai, trong hoàn cảnh nào?  **Câu 2:** Nghĩa của từ “*đơn điệu*” được dùng trong đoạn văn trên là gì?  **Câu 3:** Chỉ ra phép tu từ và nêu tác dụng của phép tu từ đó trong câu văn *“*Còn bước chân của bạn sẽ gọi mình ra khỏi hang, như tiếng nhạc”.  **Câu 4:** Từ đoạn văn và trải nghiệm thực tế của bản thân, theo em cần làm gì để có một tình bạn đẹp.  **Gợi ý**  **Câu 1:**Đoạn văn trên là lời của con cáo nói với hoàng tử bé, trong hoàn cảnh cuộc trò chuyện cởi mở của cáo với hoàng tử khi hoàng tử vừa xuống Trái Đất để tìm bạn bè.  **Câu 2:** Nghĩa của từ “*đơn điệu*” được dùng trong đoạn văn trên là: chỉ có một sự lặp đi lặp lại, ít thay đổi. Cuộc sống đơn điệu  **Câu 3:**  - Phép tu từ so sánh: tiếng bước chân của hoàng tử bé với tiếng nhạc một âm thanh du dương, mang cảm xúc.  **-** Tác dụng:  + So sánh như vậy để thấy được tiếng bước chân của hoàng tử bé gần gũi, ấm áp, quen thuộc với cáo. Như vậy nhờ sự gắn bó yêu thương , những điều tưởng như nhạt nhẽo “ai cũng giống ai” lại trở nên đặc biệt và đầy ý nghĩa.  + Làm cho câu văn thêm sinh động, gợi hình, gợi cảm.  + Tác giả muốn ca ngợi ý nghĩa của tình bạn: có tình bạn thế giới xung quanh cáo trở nên rực rỡ, tỏa sáng, ấm áp, rộng mở, đáng yêu. Nhấn mạnh vẻ đẹp của nhân vật con cáo: hiểu biết, giàu tình cảm, chân thành, khao khát được gần gũi, yêu thương và luôn hoàn thiện bản thân.  **Câu 4:** Đế có một tình bạn đẹp, mỗi chúng ta cần:   * Phải hiểu và cảm thông, chia sẻ trong mọi vui buồn của cuộc sống. * Giúp đỡ nhau cùng tiến bộ. * Tin tưởng nhau, có thể hi sinh vì nhau... |

**BTVN :**

- GV khắc sâu cho HS cách đọc- hiểu truyện đồng thoại:

+ Cần biết rõ tên tác phẩm, tên tác giả, tìm hiểu những thông tin liên quan đến tác giả, tác phẩm.

+ **Cần hiểu nhân vật trong tác phẩm là ai (con người), là sự vật gì (con vật, sự vật nào...được nhân hóa ra sao)**

+ Đọc kĩ câu chuyện ( nếu là đoạn trích tác phẩm cần tìm hiểu kĩ về cả tác phẩm: nhân vật nào, bối cảnh câu chuyện, tóm tắt được sự việc chính, ý nghĩa của câu chuyện)...

**+ Chỉ ra đặc điểm của nhân vật chính được kể qua các chi tiết về ngoại hình, tâm trạng, cảm xúc, tính cách, hành động, lời nói...theo diễn biến cốt truyện.**

**+ Tìm và phân tích những chi tiết đặc sắc (được miêu tả, trong lời thoại, ...) giàu ý nghĩa của văn bản, để rút ra bài học cuộc sống về tình bạn, tình người...**

**+ Phát hiện và tìm được những thành công về phương diện nghệ thuật của văn bản: Ngôi kể, cách kể, cách xây dựng nhân vật, câu văn, từ ngữ, phép tu từ...**

**+ Qua câu chuyện, tác giả gửi đến người đọc thông điệp gì?**

- Yêu cầu HS về đọc thêm văn bản “ Những người bạn” ( SGK/34-38).

- Xem lại nội dung về từ đơn, từ phức.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | Ngày dạy : |  |

**Tiết 4-5-6**

**ÔN TẬP TỪ ĐƠN VÀ TỪ PHỨC**

**NGHĨA CỦA TỪ**

**PHÉP SO SÁNH**

**I- MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

- Khái niệm từ đơn, từ phức (từ ghép và từ láy), hiểu được tác dụng của việc sử dụng từ láy.

- Nghĩa của từ; phép so sánh, tác dụng của phép so sánh.

**2. Năng lực:**

- Năng lực chung: năng lực tự chủ và tự học; năng lực giao tiếp.

- Năng lực chuyên biệt:

+ Nhận biết được từ đơn, từ phức (từ ghép và từ láy), hiểu được tác dụng của việc sử dụng từ láy.

+ Nhận biết phép so sánh, tác dụng của phép so sánh.

+ Biết giải nghĩa của từ.

**3. Phẩm chất**: yêu quý, trân trọng sự giàu đẹp của tiếng Việt.

**II- CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH:**

**1. Giáo viên:** SGK, Bài soạn

**2. Học sinh**: SGK, vở ghi, ôn tập các kiến thức có liên quan.

**III- CÁC HOẠT ĐỘNG TRÊN LỚP**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **GV hướng dẫn HS củng cố những kiến thức cơ bản về từ đơn, từ phức; nghĩa của từ; phép tu từ so sánh.**  **- Hình thức vấn đáp.**  **- HS trả lời.**  **- GV chốt kiến thức** | **I. Kiến thức chung**  **1. Từ đơn, từ phức**  a. Từ đơn là từ chỉ có một tiếng.  Ví dụ: tôi, đi, chơi,...   1. Từ phức   - Khái niệm: là từ có hai tiếng trở lên.  - Phân loại: Từ phức gồm 2 loại: từ láy và từ ghép  + Từ ghép: là những từ phức được tạo nên bằng cách ghép các tiếng, giữa các tiếng có quan hệ với nhau về nghĩa.  Ví dụ: *ăn uống, cá chép, cá cờ, sông núi,....*  + Từ láy: là những từ phức mà các tiếng chỉ có quan hệ với nhau về âm (lặp lại âm đầu, vần hoặc lặp lại cả âm đầu và vần).  - Ví dụ: *chăm chỉ, thật thà, lim dim, lủi thủi, từ từ,...*  (Xem lại Kiến thức Ngữ văn, Trang 20/SGK)  **2. Nghĩa của từ:**  - Để giải thích nghĩa thông thường của từ ngữ, có thể dựa vào từ điển.  - Giải thích nghĩa của từ trong câu, cần dựa vào từ ngữ đứng trước và từ ngữ đứng sau.  Ví dụ:  Hãy giải nghĩa của từ **mưa**  - *Mưa dầm sùi sụt:* **mưa nhỏ**, rả rích, kéo dài không dứt.  - *Điệu hát mưa dầm sùi sụt:* **điệu hát nhỏ**, kéo dài, buồn, ngậm ngùi, thê lương.  **3. Biện pháp tu từ so sánh**  - So sánh là đối chiếu sự vật hiện tượng này với sự vật hiện tượng khác dựa trên những điểm tương đồng để làm tăng sức gợi hình gợi cảm cho sự diện đạt.  Ví dụ:  - *Mỏ Cốc như cái rùi sắt, chọc xuyên cả đất.* |
| **GV giao BT, hướng dẫn HS làm bài.**  **Bài 1. Tìm và lập danh sách các từ đơn, từ ghép, từ láy trong hai câu sau:**  a) Sứ giả / vừa / kinh ngạc, / vừa / mừng rỡ, / vội vàng / về / tâu / vua.  (Thánh Gióng)  b) Từ / ngày / công chúa / bị / mất tích, / nhà vua / vô cùng / đau đớn.  (Thạch Sanh)    **Bài 2:**  **a. Tìm từ ghép trong đoạn thơ sau:**  *Những bạn nào nhút nhát*  *Thì giống như thỏ con*  *Trông đáng yêu đấy chứ*  *Sao không yêu, lại còn...?*  (Trích *Bắt nạt*, Nguyễn Thế Hoàng Linh)    b. Tìm các từ láy có trong đoạn thơ sau:  *Lặng yên bên bếp lửa*  *Vẻ mặt Bác trầm ngâm*  *Ngoài trời mưa lâm thâm*  *Mái lều tranh xơ xác*  *Anh đội viên nhìn Bác*  *Càng nhìn lại càng thương*  *Người Cha mái tóc bạc*  *Đốt lửa cho anh nằm*  *(*Trích *“Đêm nay Bác không ngủ” -* Minh Huệ)  *c. Chỉ ra nghĩa của một từ và tác dụng của một từ láy đối với việc thể hiện nội dung mà tác giả muốn biểu đạt.*  **Bài 3: Xác định nghĩa của các từ**chân, chạy **trong mỗi trường hợp dưới đây:**  **a)**Tôi thở hồng hộc, trán đẫm mồ hôi khi trèo lên xe, tôi rúi cả hai chân lại. **(Nguyên Hồng)**  **b)**Dù ai nói ngả, nói nghiêng Lòng ta vẫn vững như kiềng ba chân.  **(Ca dao)**  **c)***Đám tàn quân giẫm đạp lên nhau chạy trốn, tráng sĩ đuổi đến chân núi Sóc. (Thánh Gióng)*  **d)**Thằng Khìn chạy lon ton quanh sân... **(Cao Duy Sơn)**  **e)**Xe chạy chậm chậm. **(Nguyên Hồng)**  **g)**Vào Thanh Hóa đi, tao chạy cho tiền tàu. **(Nguyên Hồng)**  **h)**Bãi cát trắng phau, chạy dài hàng mấy nghìn thước. **(Mộng Tuyết)**  **Bài 4:**  Chỉ ra và phân tích các biện pháp tu từ trong các câu sau:  *a.*  *"Những ngôi sao thức ngoài kia*  *Chẳng bằng mẹ đã thức vì chúng con*  *Đêm nay con ngủ giấc tròn*  *Mẹ là ngọn gió của con suốt đời.*  (Mẹ - Trần Quốc Minh)  b.  Công cha như núi ngất trời,  Nghĩa mẹ như nước ở ngoài Biển Đông.  Núi cao biển rộng mênh mông, Cù lao chín chữ ghi lòng con ơi!  (Ca dao)  **Bài 5:**  **Viết đoạn văn (5-7 câu) trình bày cảm nhận của em về nhân vật hoàng tử bé, hoặc nhân vật cáo, trong đó có sử dụng 2 từ ghép, 2 từ láy.**  Nhóm 1+ 2: Viết đoạn văn**) trình bày cảm nhận của em về nhân vật hoàng tử bé.**  Nhóm 3+ 4: Viết đoạn văn **trình bày cảm nhận của em về nhân vật cáo** GV hướng dẫn HS cách viết.  Gợi ý cách làm: T**rình bày cảm nhận của em về nhân vật hoàng tử bé, hoặc nhân vật cáo, trong đó có sử dụng 2 từ ghép, 2 từ láy.**  Gợi ý cách làm: T**rình bày cảm nhận của em về nhân vật hoàng tử bé, hoặc nhân vật cáo, trong đó có sử dụng 2 từ ghép, 2 từ láy.**  **1. Yêu cầu:**  **- Yêu cầu nội dung: bày cảm nhận của em về nhân vật hoàng tử bé, hoặc nhân vật cáo.**  **- Yêu cầu hình thức: 1 đoạn văn 5-7 câu, có sử dụng 2 từ ghép, 2 từ láy**  **2. Các bước tiến hành viết đoạn văn:**  a.Tìm ý  - Xác định chủ đề của tác phẩm, tác giả  - Xác định được nhân vật: tên, đặc điểm, tính cách, hoàn cảnh xuất hiện...  - Tìm và xác định ý nghĩa của những chi tiết, lời nói, ý nghĩa, hành động của nhân vật  - Ghi nhanh những cụm từ thể hiện ý tưởng trên.  b. Lập dàn ý.  Sắp xếp các ý theo trình tự cảm xúc thành một dàn ý gồm 3 phần:  \*Mở đoạn: Giới thiệu về tác phẩm, tác giả và cảm xúc chung về nhân vật.  \* Thân đoạn:  Trình bày chi tiết, đặc điểm, tính cách hoặc diễn biến tâm lí nhân vật mà em ấn tượng. Những đặc sắc trong cách xây dựng nhân vật  \* Kết đoạn: Khẳng định lại cảm xúc về nhân vật và ý nghĩa của nó đối với bản thân.  - HS hoàn thiện ở nhà, tiết sau báo cáo. | **III. Luyện tập- vận dụng**   1. **Luyện tập về từ đơn, từ phức**  |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Từ đơn** | **Từ ghép** | **Từ láy** | | *về, tâu, vua*  *ngày* | *Sứ giả, kinh ngạc, mừng rỡ*  *công chúa, mất tích, nhà vua, vô cùng,* | *vội vàng, đau đớn* |   **Bài 2:**  a. Các từ ghép được sử dụng trong đoạn thơ: thỏ non, đáng yêu  b.Các từ láy được sử dụng trong đoạn thơ: *trầm ngâm, lâm thâm, xơ xác*  c. Từ láy *“trầm ngâm” trong câu thơ “Vẻ mặt Bác trầm ngâm:*  - Nghĩa của từ “trầm ngâm”: chỉ dáng vẻ đang suy nghĩ, nghiền ngẫm điều gì  - Tác dụng: Từ láy có tác dụng tạo hình, gợi ra dáng vẻ đầy lo nghĩ của Bác trong đêm khuya, qua đó càng làm nổi bật tấm lòng bao dung, vĩ đại, hết lòng vì dân vì nước của Người.    **Bài 3: Xác định nghĩa của các từ chân, chạy trong mỗi trường hợp dưới đây:**  **a)** → Từ chân chỉ **bộ phận cơ thể người.**  **b)**→ Từ chân chỉ **bộ phận đồ vật.**  **c)** → Từ chân chỉ **bộ phận của núi** nối núi với đất liền.  **d)** → Từ chạy chỉ **hành động con người.**  **e)**→ Từ chạy chỉ **hoạt động của xe.**  **g)**→ Từ chạy chỉ **hành động lo (cho)**tiền tàu.  **h)**→ Từ chạy chỉ **độ dài**của bãi cát.  **Bài 4:**  a. - Phép so sánh:  +) Những ngôi sao thức - mẹ thức: Những ngôi sao thức suốt đêm nhưng cũng không bằng mẹ đã thức vì cả cuộc đời của con, sự hi sinh thầm lặng.  +) Mẹ - ngọn gió: Mẹ là nơi mát mẻ, yên bình của con suốt đời.  - Tác dụng: Tác giả sử dụng biện pháp so sánh để thể hiện:  + Ca ngợi tấm lòng yêu thương, sự hi sinh thầm lặng của người mẹ đối với người con  + Tác giả bày tỏ lòng biết ơn, yêu kính với mẹ.  + Làm cho câu thơ sinh động, gợi hình, gợi cảm.  b.”  - Phép so sánh:  + “Công cha” so sánh với “ *Núi ngất trời*”  + *“nghĩa mẹ*” được so sánh với “nước ở ngoài biển Đông”  - Tác dụng: Tác giả sử dụng biện pháp so sánh để thể hiện:  + Hình ảnh so sánh cụ thể, lấy cái to lớn, mênh mông, vô tận, vĩnh hằng của thiên nhiên để so sánh với công lao cha mẹ. Tác giả khẳng định tình yêu thương bao la của cha mẹ với con cái. Đồng thời, bài ca dao còn c**a ngợi công lao to lớn, những hi sinh không thể đo đếm của cha mẹ với chúng ta.**  **+ Từ đó, mỗi người con cần phải biết ơn, yêu kính, hiếu thảo với cha mẹ.**  + Làm cho câu thơ sinh động, gợi hình, gợi cảm.  **Bài 5:**  ***a. Viết đoạn văn cảm nhận về nhân vật hoàng tử bé trong VB “Nếu cậu muốn có một người bạn”***  - **Mở đoạn:** Giới thiệu về tác phẩm “Hoàng tử bé”, tác giả Ăng- toan- đơ Xanh-tơ Ê-xu-be-ri và cảm xúc chung về nhân vật hoàng tử bé.  **- Thân đoạn:**  + Ấn tượng về hoàn cảnh, tâm trạng của hoàng tử bé khi bắt đầu gặp cáo; về lời nói chân thành, cởi mở với cáo ngay khi bắt đầu gặp hoàng tử đáp lại lời chào của cáo, “Bạn là ai?”, “Bạn dễ thương quá!”  + Ấn tượng về cách cư xử của hoàng tử bé với cáo lịch sự, thân thiện.  + Cảm nhận về ý nghĩ của việc hoàng tử bé lắng nghe cáo giải thích về cảm hóa, đồng ý cảm hóa cáo.  + Làm rõ được ý nghĩa cao đẹp của tình bạn qua những thay đổi trong tình cảm, và thái độ của nhân vật hoàng tử bé với bông hồng duy nhất, lời từ biệt của cáo...  + Đánh giá đặc sắc trong nghệ thuật kể chuyện và xây dựng nhân vật hoàng tử bé của nhà văn: ngôn ngữ đối thoại sinh động, phong phú, cách xây dựng nhân vật thông qua nhiều chi tiết miêu tả lời nói, suy nghĩ, cảm xúc  **- Kết đoạn**: Đánh giá khái quát về nhân vật hoàng tử bé và cảm nghĩ của em.  **b. *Viết đoạn văn cảm nhận về nhân vật con cáo trong VB “Nếu cậu muốn có một người bạn”***  - **Mở đoạn:** Giới thiệu về tác phẩm “Hoàng tử bé”, tác giả Ăng- toan- đơ Xanh-tơ Ê-xu-be-ri và cảm xúc chung về nhân vật con cáo.  **- Thân đoạn:**  + Ấn tượng về cuộc sống của cáo trước khi gặp hoàng tử bé, đó là cuộc sống của cáo cô đơn, buồn bã. Cáo đang bị săn đuổi, sự hãi, trốn con người.  + Cảm nhận được vẻ đẹp tâm hồn của cáo: khao khát được đón nhận, được thấu hiểu, được sống đẹp đẽ, được thay đổi, hoàn thiện bản n qua các chi tiết : thái độ ứng xử với hoàng tử, cách giải thích cho hoàng tử bé về cảm hóa, ...  + Cảm nhận nét đẹp của chi tiết: Cảm nhận khác nhau của cáo về tiếng bước chân và cánh đồng lúa mì, bí mật lúc chia tay ...  **- Kết đoạn:** Đánh giá khái quát về nhân vật cáo (đặc điểm, cách xây dựng nhân vật) và cảm nghĩ của em về ý nghĩa của tình bạn.. |
| **\* Đoạn văn tham khảo**  Nhân vật hoàng tử bé trong văn bản “Nếu cậu muốn có một người bạn”  *Chương XXI của tiểu thuyết “Hoàng tử bé” của nhà văn Ăng- toan- đơ Xanh-tơ Ê-xu-be-ri đã để lại trong lòng người đọc nhiều cảm xúc* ***đẹp đẽ*** *về một cậu bé trong sáng, thánh thiện, luôn tin cậy và hướng đến phần đẹp đẽ tốt lành (1).**Vừa đến Trái Đất, hoàng tử bé gặp một con cáo, cả hai cùng trò truyện hết sức thân mật, cởi mở, lịch sự, hoàng tử bé khen cáo “Bạn dễ thương quá” cùng lời đề nghị “bạn đến đây chơi với mình đi”(2). Điều đó khiến cho ta thấy cậu bé ngây thơ, trong sáng, luôn tin cậy và hướng tới những điều tốt lành của cuộc sống(3). Khi nghe cáo nói đến “cảm hóa”, cậu bé đã hỏi “cảm hóa có nghĩa là gì?” và cậu lắng nghe lời giải thích của cáo và chợt nhận ra mình đã được một bông hồng cảm hóa(4). Và rồi cáo dạy cho hoàng tử cách cảm hóa mình, hoàng tử bé đồng ý cảm hóa cáo(5). Vì hoàng tử bé nhận ra ý nghĩa của tình bạn mà cáo giảng giải qua từ cảm hóa: là kết bạn, tạo dựng mối quan hệ* ***gần gũi****, gắn kết tình cảm, biết quan tâm gắn bó với nhau(6). Nhờ gặp được cáo, hoàng tử bé hiểu biết về bản thân về cuộc sống, trách nhiệm với những gì mình* ***gắn bó****,* ***yêu thương****, hiểu được ý nghĩa thực sự của tình bạn(7).*  - Từ ghép: **gắn bó, yêu thương,...**  - Từ láy: **đẹp đẽ**, **gần gũi.**  **\* Đoạn văn tham khảo**  **Nhân vật cáo** trong văn bản “Nếu cậu muốn có một người bạn”  *Chương XXI của tiểu thuyết “Hoàng tử bé” của nhà văn Ăng- toan- đơ Xanh-tơ Ê-xu-be-ri đã để lại trong lòng người đọc những ấn tượng đẹp đẽ về vẻ đẹp của tâm hồn* ***khao khát được đón nhận, thấu hiểu, được sống với phần tốt lành*** *(1). Trước khi gặp hoàng tử bé, cuộc sống của cáo cô đơn, buồn bã, cáo đang bị săn đuổi, sự hãi, trốn con người: “Cuộc sống của mình thật đơn điệu. Mình săn gà, con người săn mình’(2). Lúc đầu, cáo không dám lại gần vì nhận ra mình chưa được cảm hóa, cáo đã giải thích cho hoàng tử bé về cảm hóa là gì(3). Khi chưa cảm hóa, hoàng tử bé và cáo là xa lạ, chẳng cần gì đến nhau, khi được cáo cảm hóa thì “tụi mình cần đến nhau”, và mỗi người sẽ “trở thành duy nhất trên đời”(4). Cáo nói về việc nếu nó được hoàng tử bé cảm hóa, cuộc sống của cáo sẽ thay đổi, cáo sẽ được sống trong tình yêu thương, sự đồng cảm, cáo không cô đơn, sợ hãi, cuộc sống sẽ tràn đày ý nghĩa(5). Cáo nói cho hoàng tử bé biết về ý nghĩa tiếng bước chân của hoàng tử bé, tiếng bước chân vang lên như tiếng nhạc gọi cáo ra cửa hang, cánh đồng lúa mì hóa thân thương ấm áp như màu vàng óng của mái tóc hoàng tử bé, rồi cáo đã chỉ cho hoàng tử bé cách cảm hóa mình(6). Nhân vật con cáo được nhà văn kể theo lối nhân hóa là con cáo hiểu biết, giàu tình cảm, chân thành, khao khát được gần gũi, yêu thương và luôn hoàn thiện bản thân, nhờ đó người đọc nhận ra ý nghĩa của tình bạn, có tình bạn thế giới xung quanhtrở nên rực rỡ, tỏa sáng, ấm áp, rộng mở, đáng yêu (7).* | |

**BTVN :**

- GV yêu cầu HS về nhà hoàn thiện đoạn văn theo gợi ý.

- Xem lại kĩ năng viết bài văn kể lại một trải nghiệm của em.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | Ngày dạy : |  |

**Tiết 7-8-9**

**RÈN KĨ NĂNG**

**VIẾT BÀI VĂN KỂ LẠI MỘT TRẢI NGHIỆM CỦA EM**

**I- MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

- Yêu cầu đối với bài văn kể lại một trải nghiệm.

- Các bước viết bài văn kể lại một trải nghiệm.

**2. Năng lực:**

- Năng lực chung: năng lực tự chủ và tự học; năng lực giao tiếp.

- Năng lực chuyên biệt: biết viết một bài văn kể lại trải nghiệm ở ngôi thứ nhất.

**3. Phẩm chất**: chăm chỉ.

**II- CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH:**

**1. Giáo viên:** SGK, Bài soạn

**2. Học sinh**: SGK, vở ghi, ôn tập các kiến thức có liên quan.

**III- CÁC HOẠT ĐỘNG TRÊN LỚP**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **GV hướng dẫn HS củng cố những kiến thức cơ bản về kiểu bài viết bài văn kể lại một trải nghiệm ở ngôi thứ nhất.**  **- Hình thức vấn đáp.**  **- HS trả lời.**  **- GV chốt kiến thức** | **I. Ôn tập cách viết bài văn kể lại một trải nghiệm của em.**  **1. Yêu cầu đối với bài văn kể một trải nghiệm**  - Được kể từ người kể chuyện ngôi thứ nhất.  - Giới thiệu được trải nghiệm đáng nhớ.  - Tập trung vào sự việc đã xảy ra.  - Sắp xếp sự việc theo một trình tự hợp lí  - Thể hiện được cảm xúc của người viết trước sự việc được kể.  **2. Hướng dẫn quy trình viết**  **a. Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết.**  **\* Chọn lựa đề tài**  Chọn đề tài mà câu chuyện hướng đến: tình bạn, tình mẹ con, tình yêu quê hương, tình thầy trò,...  Để xác định được đề tài, em có thể hồi tưởng lại những kỉ niệm đáng nhớ. Ví dụ:  - Một kỉ niệm sâu sắc với gia đình, bạn bè.  - Một lỗi lầm của bản thân.  - Khám phá một vùng đất hoặc quyển sách mới.  - Khi chuyển đến một ngôi trường mới, làm quen với bạn mới...  **\* Thu thập tư liệu**  Em hãy tìm tư liệu cho bài viết bằng một số cách sau:  - Nhớ lại những sự việc, trải nghiệm đã để lại cho em kỉ niệm sâu sắc.  - Đọc lại câu chuyện *Bài học đường đời đầu tiên, Nếu cậu muốn có một người bạn* và bài văn ở mục **Phân tích bài tham khảo: Người bạn nhỏ**  để học cách các tác giả kể trải nghiệm của họ.  - Tìm lại những hình ảnh đã lưu giữ có liên quan đến câu chuyện.  **b. Bước 2:** **Tìm ý, lập dàn ý**  ***\* Tìm ý***  **- Sự việc chính:**  + Đó là chuyện gì? (tên sự việc được kể)  + Xảy ra ở đâu ? (nghĩ đến không gian, địa điểm diễn ra câu chuyện định kể)  + khi nào? ( nghĩ đến thời gian cụ thể: kì nghỉ hè, buổi chiều...)  - **Nhân vật**  + Những ai đã tham gia vào câu chuyện? (nhận vật ông, bà, bố mẹ, cô giáo, bạn ....Trừ người thân, các nhân vật cần có tên riêng, lai lịch...)  + Họ như thế nào? ( trang phục, nét ngoại hình nổi bật như vọc dáng, làn da, mái tóc, đôi mắt, nụ cười, giọng nói...)  + Họ đã có lời nói, hành động, cử chỉ gì? (nhân vật và em nói chuyện gì, lời nói cụ thể, cử chỉ, hành động của người ấy ra sao...)  - **Cốt truyện:**  + Diễn biến của câu chuyện: Điều gì đã xảy ra? Theo thứ tự như thế nào?  (sự việc mở đầu, sự việc phát triển, sự việc kết thúc)  - Ý nghĩa: Vì sao câu chuyện lại xảy ra như vậy? (Trải nghiệm cho em nhận thức được kiến thức gì, bài học nào sâu sắc).  - Cảm xúc của người kể: Cảm xúc của em như thế nào khi câu chuyện diễn ra và khi kể lại? (biểu cảm trực tiếp hoặc gián tiếp)  **\* Lập dàn ý bằng cách dựa vào các ý đã tìm được, sắp xếp lại theo ba phần lớn của bài văn, gồm:**  **+ Mở bài:** Dùng ngôi thứ nhất để kể, giới thiệu sơ lược về trải nghiệm.  Dẫn dắt chuyển ý, gợi sự tò mò, hấp dẫn với người đọc.  **+ Thân bài: Kể lại diễn biến của câu chuyện** theo trình nhất định (tự thời gian, không gian, các sự việc đã sắp xếp theo trình tự hợp lí chưa, làm nổi bật nhân vật, sự việc chính)  **+ Kết bài:** Nêu cảm nghĩ về câu chuyện vừa kể.  **c. Bước 3: Viết**  Dựa vào dàn ý, viết thành bài văn kể về trải nghiệm của mình.  **d. Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.**  - Đọc kĩ bài viết của mình và khoanh tròn những lỗi chính tả, lỗi sử dụng từ ngữ (nếu có). Sau đó sửa lại các lỗi đó.  - Gạch chân những câu sai ngữ pháp bằng cách phân tích cấu trúc ngữ pháp và sửa lại cho đúng (nếu có). |
| **GV giao BT, hướng dẫn HS làm bài.** | **II. Luyện tập- vận dụng** |
| **Đề 1:** **Kể về một lần em được về thăm người thân ở quê nhà.**  **a. Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết.**  -  **Đọc và xác định yêu cầu đề bài**, **lựa chọn trải nghiệm** mà em có ấn tượng sâu sắc về một người thân (cha, mẹ, ông, bà,...).  - **Nhớ lại các chi tiết**về trải nghiệm và **cảm xúc, suy nghĩ** của em qua trải nghiệm,  - **Tìm các tư liệu, tranh, ảnh** liên quan để minh họa cho trải nghiệm (nếu thấy cần thiết).  **b. Bước 2:** **Tìm ý, lập dàn ý**  ***\* Tìm ý***  **- Sự việc chính:**  + Đó là sự việc: em từ thành phố trở về quê thăm ông nội sau bao ngày xa cách.  + không gian, địa điểm diễn ra: nơi đầu làng ông ra đón, cảnh tượng quê nhà hiện lên cánh đồng, lũy tre, con đường làng, cây đa, tháp chuông nhà thờ...  + thời gian cụ thể: kì nghỉ hè, buổi chiều...  - **Nhân vật**  + Hình ảnh ông em ngóng đợi nơi đầu làng. Ông hiện ra trước mắt em với vóc dáng, trang phục, mái tóc, ...thân quen xúc động ra sao  + Em và ông đã có lời nói, hành động, cử chỉ gì? (chào hỏi, âu yếm ngắm nhìn, ngỡ ngàng nhận ra những đổi thay của ông, ...  - **Cốt truyện:**  + Diễn biến của câu chuyện: Điều gì đã xảy ra? Theo thứ tự như thế nào?  (sự việc mở đầu, sự việc phát triển, sự việc kết thúc)  - Ý nghĩa: Trải nghiệm về thăm quê, thăm ông cho em nhận ra tình yêu thương, những hi sinh của ông quê hương là nơi trở về..  - Cảm xúc của người kể: Cảm xúc của em khi câu chuyện diễn ra và khi kể lại: xúc động, hạnh phúc, sung sướng...  **\* Lập dàn ý**  **- Mở bài:** Giới thiệu trải nghiệm về thăm quê trong kì nghỉ hè của mình. Nhân vật: ông nội, sự việc chính là về thăm quê trong kì nghỉ hè.  **- Thân bài: Kể lại diễn biến của câu chuyện** theo trình nhất định (tự thời gian, không gian, các sự việc đã sắp xếp theo trình tự hợp lí chưa, làm nổi bật nhân vật, sự việc chính)  + Kỉ niệm diễn ra theo trình tự thời gian: lúc bắt đầu có ý tưởng về quê thăm ông, đến lúc trên đường về, lúc gặp ông, những ngày ở trên quê, khi kì nghỉ kết thúc...  +Không gian: ở thành phố ồn ào, trên đường về quê, lúc ở trên quê nơi đầu làng, bến sông...  + Trải nghiệm thú vị nào:  + + được đi xe khách một mình  + + Được ông ra đầu làng đón, cảm nhận về vẻ đẹp của thiên nhiên làng quê, về hình ảnh người ông mộc mạc giàu tình cảm.  + + Được tham gia nhiều hoạt động trong kì nghỉ: như chăm vườn cây, nấu ăn, câu cá cùng ông, chạy lúa hộ bác...  + + Nhân vật ông được hiện lên trong lời kể: từ vóc dáng, đôi bàn tay, mái tóc; đến những cử chỉ ánh nhìn, lời khen với cháu. Hình ảnh ông hiện lên giản dị, cháu cảm nhận được vẻ đẹp của tình cảm ông cháu.  + Bài học sâu sắc cháu nhận ra: tình ông cháu, bài học về tình người, giá trị của hòa bình....  + Cảm xúc nhân vật cháu: bộc lộ qua tâm trạng háo hức khi về quê, xúc động trước tình yêu và sự quan tâm của ông...  **- Kết bài:** Nêu cảm nghĩ về hình ảnh người ông, về trải nghiệm thăm quê.  **Đề 2:** **Kể về một trải nghiệm của em với một con vật nuôi mà em yêu thích.**  **a. Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết.**  -  **Đọc và xác định yêu cầu đề bài**, **lựa chọn trải nghiệm** mà em có ấn tượng sâu sắc về một **con vật nuôi mà em yêu thích: chú chó Milo**  - **Nhớ lại các chi tiết**về trải nghiệm và **cảm xúc, suy nghĩ** của em qua trải nghiệm: Milo đã cứu em thoát chết  - **Tìm các tư liệu, tranh, ảnh** liên quan để minh họa cho trải nghiệm (nếu thấy cần thiết).  **b. Bước 2:** **Tìm ý, lập dàn ý**  **\* Tìm ý**  **- Sự việc chính:**  + Đó là sự việc: em đi tắm sông, bị chuột rút chân, chìm xuống, em được Milo cứu.  + không gian, địa điểm diễn ra: con sông trước cửa nhà em  + thời gian cụ thể: kì nghỉ hè, buổi chiều...  - **Nhân vật**  + Hình ảnh chú chó Milo: giống chó, bộ lông, huyền đề ở chân, đôi mắt...  + Em và Milo đã có sự gắn bó thế nào: cảm nhận của em về ý nghĩ, hành động, cử chỉ gì của Milo lúc ở nhà, lúc ở bến sông? (chào hỏi khi đi học về, âu yếm ngắm nhìn, lấm lét nhìn trộm khi bị em quát, lo lắng khi thấy em bơi...  - **Cốt truyện:**  + Diễn biến của câu chuyện: Điều gì đã xảy ra? Theo thứ tự như thế nào?  (sự việc mở đầu, sự việc phát triển, sự việc kết thúc)  - Ý nghĩa: Trải nghiệm Milo cứu em thoát chết, em nhận ra tình yêu thương, sự dũng cảm, sẵn sàng hi sinh vì bạn của Milo...  - Cảm xúc của người kể: Cảm xúc của em khi câu chuyện diễn ra và khi kể lại: xúc động, hạnh phúc, sung sướng...  **\* Lập dàn ý**  **- Mở bài:** Giới thiệu trải nghiệm với chú chó Milo của mình. Nhân vật: Milo, sự việc chính là em được Milo cứu.  **- Thân bài: Kể lại diễn biến của câu chuyện** theo trình nhất định (tự thời gian, không gian, các sự việc đã sắp xếp theo trình tự hợp lí chưa, làm nổi bật nhân vật, sự việc chính)  + Kỉ niệm diễn ra theo trình tự thời gian: lúc bà tặng, lúc đi học về, khi xảy ra sự việc đi tắm sông, sau sự việc được cứu...  + Không gian: bên bờ sông, ồn ào...  + Trải nghiệm thú vị nào:  ++ được đi tắm sông, thi bơi với các bạn  + + Ngắm nhìn Milo lúc đang bơi, cảm nhận thấy khó khăn khi bơi.  + + Nhiều người vây quanh khi tỉnh lại. Xúc động vì được Milo cứu...  + + Nhân vật Milo được hiện lên trong lời kể: Miêu tả về bộ lông, chân huyền đề, động tác vui mừng, lúc sợ hãi của nó....  + Bài học sâu sắc cháu nhận ra: tình yêu động vật, ý nghĩa của tình bạn  + Cảm xúc nhân vật cháu: bộc lộ qua tâm trạng vui sướng khi được chơi cùng Milo, hạnh phúc, biết ơn Milo...  **- Kết bài:** Nêu cảm nghĩ về trải nghiệm với con vật nuôi, bài học về cách đối xử với động vật.  **- Bước 3: Viết bài : HS dựa vào dàn ý để viết.**  **- Bước 4: Kiểm tra và chỉnh sửa:**  - Đọc kĩ bài viết của mình và khoanh tròn những lỗi chính tả, lỗi sử dụng từ ngữ (nếu có). Sau đó sửa lại các lỗi đó.  - Gạch chân những câu sai ngữ pháp bằng cách phân tích cấu trúc ngữ pháp và sửa lại cho đúng (nếu có). | |

**BTVN :**

- GV yêu cầu HS về nhà hoàn thiện bài viết theo dàn ý đã lập.

- Xem kiến thức về thơ.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | Ngày dạy : |  |

**Tiết 10-11-12**

**ÔN TẬP VỀ THƠ**

**I- MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

- Một số đặc điểm của thơ.

*-* Nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ; nêu được tác dụng của các yếu tố tự sự và miêu tả trong thơ.

**2. Năng lực:**

- Năng lực chung: năng lực tự chủ và tự học; năng lực giao tiếp.

- Năng lực chuyên biệt:

+ Nhận biết được một số đặc điểm của thơ.

+Nhận biết và nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ; nêu được tác dụng của các yếu tố tự sự và miêu tả trong thơ.

**3. Phẩm chất**:

- Có phẩm chất, tình cảm tốt đẹp, biết yêu thương trân trọng, vun đáp tình cảm gia đình, tình yêu thương con người

- Luôn có ý thức rèn luyện bản thân để có lối sống tích cực, hướng thiện.

- Có ý thức ôn tập nghiêm túc.

**II- CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH:**

**1. Giáo viên:** SGK, Bài soạn

**2. Học sinh**: SGK, vở ghi, ôn tập các kiến thức có liên quan.

**III- CÁC HOẠT ĐỘNG TRÊN LỚP**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **GV hướng dẫn HS củng cố những kiến thức cơ bản về thể loại và văn bản.**  **- Hình thức vấn đáp.**  **- HS trả lời.**  **- GV chốt kiến thức** | **I. Kiến thức chung về thể loại**  **1. Thơ là gì?**  là một hình thức sáng tác văn học phản ánh cuộc sống với những cảm xúc chất chứa, cô đọng, với những tâm trạng dạt dào, với những tưởng tượng mạnh mẽ, ngôn ngữ hàm súc, giàu hình ảnh, giàu nhạc điệu  **2. Một số đặc điểm của thơ:**  - Mỗi bài thơ thường được sáng tác theo một thể thơ nhất định, với những đặc điểm riêng về số tiếng mỗi dòng, số dòng mỗi câu.  + Vần: là phương tiện để tạo tính nhạc và tính liên kết trong một dòng thơ và giữa các dòng dựa trên sự lặp lại phần vần của tiếng ở những vị trí nhất định.  **.** Vần chân: Vần được gieo ở tiếng cuối của dòng thơ . Vần chân rất đa dạng khi liên tiếp, khi gián cách  **.** Vần lưng: vần được gieo ở tiếng giữa dòng thơ  + Nhịp: là chỗ ngừng ngắt trong một dòng thơ trên sự lặp đi lặp lại của chu kì số lượng các tiếng. Mỗi thể thơ có một nhịp điệu riêng.  + Thanh: là thanh tính của âm tiết, Tiếng Việt có 6 thanh:thanh ngang, thanh sắc, thanh ngã, thanh huyền, thanh hỏi, thanh nặng.  + Âm điệu: là đặc điểm chung của âm thanh trong bài thơ.  - Ngôn ngữ thơ cô đọng hàm súc, giàu nhạc điệu giàu hình ảnh, sử dụng nhiều biện pháp tu từ (so sánh, ẩn dụ, điệp ngữ...)  - Nội dung chủ yếu của thơ là thể hiện tình cảm, cảm xúc của nhà thơ trước cuộc sống. Thơ có yếu tố miêu tả, tự sự nhưng những yếu tố đó chỉ là phương tiện để nhà thơ bộc lộ tình cảm, cảm xúc.  - Nhân vật trữ tình: là hình tượng nhà thơ xây dựng để bộc lộ tình cảm, cảm xúc. |
| **GV tổ chức cho HS làm việc nhóm, ghi kết quả ra bảng nhóm, cử đại diện trình bày.**  **Nhiệm vụ:**  **Nhóm 1: Nội dung và nghệ thuật của văn bản “ Chuyện cổ tích về loài người”.**  **Nhóm 2: Nội dung và nghệ thuật của văn bản “ Mây và sóng”.**  **HS trình bày, nhận xét, bổ sung.**  **GV nhận xét, KL.** | **II. Khái quát kiến thức các văn bản thơ đã học.**  **1. Chuyện cổ tích về loài người.**  **a. Nghệ thuật:**  - Thể thơ 5 chữ, với giọng thơ tâm tình, thủ thỉ, yêu thương.  - Dùng yếu tố tự sự kết hợp miêu tả trong tác phẩm trữ tình.  - Ngôn ngữ, hình ảnh thơ thân thuộc, bình dị, với trí tưởng tưởng bay bổng, tác giả dùng yếu tố hoang đường, kì ảo tạo ra màu sắc cổ tích, suy nguyên tăng sức hấp dẫn cho bài thơ.  - Sử dụng nhiều phép tu từ so sánh, nhân hóa, điệp ngữ đặc sắc  **b. Nội dung:**  - Từ những lí giải về nguồn gốc loài người, nhà thơ nhắc nhở mọi người cần yêu thương, sự chăm sóc, chở che, nuôi dưỡng trẻ em cả về thể xác và tâm hồn.  - Bài thơ thể hiện tình yêu thương trẻ thơ, tấm lòng nhân hậu yêu thương con người của nhà thơ.  **2. Mây và sóng**  **a. Nghệ thuật:**  - Thể thơ văn xuôi, kết hợp các yếu tố tự sự và miêu tả để làm nổi bật cảm xúc, tình cảm yêu mến của nhà thơ với trẻ thơ.  - Giọng điệu tâm tình trò truyện, cách thức lặp lại biến đổi trong cấu trúc bài thơ.  - Sử dụng nhiều phép tu từ nhân hóa, điệp ngữ, ẩn dụ đặc sắc.  **. Nội dung**  - Bài thơ ca ngợi tình mẫu tử thiêng liêng, bất diệt.  - Bài thơ thể hiện tình yêu thương trẻ thơ, tấm lòng nhân hậu yêu thương con người của nhà thơ.  - Bài thơ có ý nghĩa triết lí sâu sắc |
| **GV phát PHT, hướng dẫn HS làm bài.**  **Bài tập 1:** Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi:  Nhưng còn cần cho trẻ Tình yêu và lời ru  Cho nên mẹ sinh ra  Để bế bồng chăm sóc  Mẹ mang về tiếng hát  Từ cái bống cái bang  Từ cái hoa rất thơm  Từ cánh cò rất trắng  Từ vị gừng rất đắng  Từ vết lấm chưa khô  Từ đầu nguồn cơn mưa  Từ bãi sông cát vắng...  *(Trích Chuyện cổ tích về loài người, Xuân Quỳnh)*  **Câu 1:** Xác định các phương thức biểu đạt của đoạn thơ.  **Câu 2:** Trong lời ru của mẹ dành cho trẻ, những hình ảnh nào được gợi ra?  **Câu 3:** Chỉ ra và nêu tác dụng của phép tu từ điệp ngữ trong đoạn thơ trên?  **Câu 4:** Ngày nay, khi khoa học công nghệ phát triển, người ta có thể dùng nôi điện, smartphone, mở đĩa ghi âm bài hát ru cho trẻ. Việc làm này sẽ thay thế cho lời ru của mẹ. Em có đồng ý với quan điểm đó không? Vì sao?  **Bài tập 2:**  **Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi:**  Ru cho mềm ngọn gió thu Ru cho tan đám sương mù lá cây Ru cho cái khuyết tròn đầy Cái thương cái nhớ nặng ngày xa nhau.  Bàn tay mang phép nhiệm mầu Chắt chiu từ những dãi dầu đấy thôi.  Ru cho sóng lặng bãi bồi Mưa không dột chỗ ngoại ngồi vá khâu Ru cho đời nín cái đau  À ơi... Mẹ chẳng một câu ru mình.  (Trích “À ơi tay mẹ” – Bình Nguyên)  **Câu 1:** Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ?  **Câu 2:** Nêu nội dung chính của đoạn thơ  **Câu 3:** Tìm và nêu tác dụng của hình ảnh ẩn dụ trong hai câu thơ sau:  Ru cho cái khuyết tròn đầy Cái thương cái nhớ nặng ngày xa nhau.  **Câu 4:** Đọc đoạn thơ, em rút ra những thông điệp nào cho bản thân?  **Bài tập 3:**  Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi:  Mẹ ơi, trên mây có người gọi con:  “Bọn tớ chơi từ khi thức dậy cho đến lúc chiều tà.  Bọn tớ chơi với bình minh vàng, bọn tớ chơi với vầng trăng bạc”.  Con hỏi: “Nhưng làm thế nào mình lên đó được ?”  Họ đáp: “Hãy đến nơi tận cùng trái đất, đưa tay lên trời, cậu sẽ được nhấc bổng lên tận tầng mây”.  “ Mẹ mình đang đợi ở nhà”- Con bảo- “Làm sao có thể rời mẹ mà đến được?”.  Thế là họ mỉm cười bay đi .  *(Trích Mây và sóng, Ta- go)*  **Câu 1:** Xác định phương thức biểu đạt chính của *đ*oạn thơ ?  **Câu 2:** Dấu ngoặc kép dùng trong đoạn thơ trên có tác dụng gì?  **Câu 3:** Trước lời rủ rê của mây, em bé đã từ đưa ra lí do từ chối là gì? Em hiểu gì về lời từ chối ấy?  **Câu 4**: Giả sử em bị bạn bè rủ đi chơi một trò chơi game, mà mẹ em không muốn cho em đi. Em sẽ làm gì để vượt qua cám dỗ ấy?  **Bài tập 4:**  Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi:  “...Nhưng con biết trò chơi khác hay hơn. Con là sóng, mẹ sẽ là bến bờ kì lạ. Con lăn, lăn, lăn mãi rồi sẽ cười vang vỡ tan vào lòng mẹ Và không ai trên thế gian này biết mẹ con ta đang ở chốn nào”.  *(Trích Mây và sóng, Ta- go)*  **Câu 1:**Đoạn thơ trên là lời của ai nói với ai, nói về điều gì?  **Câu 2:** Chỉ ra phép tu từ so sánh và tác dụng của phép so sánh trong đoạn thơ trên?  **Câu 3:** Em hiểu câu thơ *“Và không ai trên thế gian này biết mẹ con ta đang ở chốn nào”* như thế nào?  **Câu 4**: Đọc đoạn thơ, em rút ra cho mình những thông điệp nào? | **III. Luyện tập- vận dụng**  **Bài tập 1**  **Câu 1:** Các phương thức biểu đạt của đoạn thơ: Biểu cảm kết hợp tự sự, miêu tả.  **Câu 2:** Trong lời ru của mẹ dành cho trẻ, những hình ảnh hiện ra: cái bống cái bang, cái hoa, vị gừng, cơn mưa, bãi sông, vết lấm.  **Câu 3:**  - Điệp ngữ trong đoạn thơ là các từ ngữ như: *“rất”, “Từ cái...”, “Từ...”*được lặp đi lặp lại  - Tác dụng:  + nhấn mạnh vẻ đẹp của những hình ảnh trong lời ru của mẹ.  + Ca ngợi ý nghĩa của lời ru: Lời ru kết thành những giá trị cao quý nhất trong kho tàng văn hóa dân tộc; thắm đượm trong lời ru của mẹ là tình cảm thiết tha, là trí tuệ, tâm hồn người Việt. Vì vậy nó trở thành nguồn dinh dưỡng quý giá nuôi dưỡng tâm hồn trẻ thơ.  + Khẳng dịnh tình yêu thương bao la của mẹ dành cho con.  + Làm cho câu thơ hấp dẫn, giọng thơ tha thiết.  **Câu 4:** Ngày nay, khi khoa học công nghệ phát triển, người ta có thể dùng nôi điện, smartphone, mở đĩa ghi âm bài hát ru cho trẻ. Việc làm này có thể thay thế cho lời ru của mẹ.  HS bày tỏ quan điểm **đồng ý** hoặc **không đồng ý** với quan điểm trên  **Nếu đồng ý.** HS phải lí giải được:  + Tầm quan trọng của công nghệ thay thế con người, phục vụ cuộc sống. Việc ru con cũng vậy.  + Nhiều ngươi mẹ phải đi làm việc khi con còn bé, nên không thể trực tiếp ru con...  **Nếu không đồng ý.** HS phải lí giải được”  + Không có một thiết bị nào có thể thay thế được lời ru của mẹ vì mẹ ru con là truyền cho con hơi ấm, tình thương, ước mơ, khát vọng của mẹ cho con.  + Lời ru trở thành dòng sữa tinh thần để con khôn lớn, lời ru bồi đắp tâm hồn con.  + Lời ru kết gắn tình mẹ con, giúp con cảm nhận được sự chở che, yêu thương của mẹ.  ...  nghệ thay thế con người, phục vụ cuộc sống. Việc ru con cũng vậy.  + Nhiều ngươi mẹ phải đi làm việc khi con còn bé, nên không thể trực tiếp ru con...  **Bài tập 2:**  **Câu 1:** Phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ: Biểu cảm  **Câu 2**: Đoạn thơ ca ngợi ý nghĩa của lời ru và tấm lòng yêu thương, những hi sinh lớn lao của mẹ với con.  **Câu 3**:   * Hình ảnh ẩn dụ: “*Cái khuyết* ” chỉ người con bé bỏng, chưa phát triển toàn diện. * Tác dụng:   + Làm hình ảnh thơ trở nên sinh động, hấp dẫn; cách diễn đạt thêm gợi hình, gợi cảm.  + Nhấn mạnh tình cảm yêu thương, nâng niu của mẹ dành cho con.  + Thể hiện tình yêu, biết ơn trân trọng của tác giả với người mẹ tần tảo; đồng thời tác giả ca ngợi, tình mẫu tử thiêng liêng.  **Câu 4: Những thông điệp qua đoạn thơ HS có thể rút ra:**  - Hãy yêu thương, kính trọng, biết ơn người mẹ vì mẹ đã hi sinh cả đời cho con.  - Cần lưu giữ lời ru, vì đó là trí tuệ, tâm hồn, vẻ đẹp của người Việt.  - Tình mẫu tử là tình cảm thiêng liêng, bất diệt  ....  **Bài tập 3:**  **Câu 1:** Phương thức biểu đạt chính của *đ*oạn thơ trên là: Biểu cảm.  **Câu 2:** Dấu ngoặc kép dùng trong đoạn thơ trên có tác dụng:  - Đánh dấu lời nói trực tiếp của các nhân vật:  + Đánh dấu lời trực tiếp của mây:  *“Bọn tớ chơi từ khi thức dậy cho đến lúc chiều tà.  Bọn tớ chơi với bình minh vàng, bọn tớ chơi với vầng trăng bạc”.*  *+* Đánh dấu lời trực tiếp của em bé : *“ Mẹ mình đang đợi ở nhà”, “Làm sao có thể rời mẹ mà đến được?”.*  **Câu 3:** Trước lời rủ rê của mây, em bé đã từ đưa ra lí do từ chối là “ Mẹ mình đang đợi ở nhà”, “Làm sao có thể rời mẹ mà đến được?”.  - Em hiểu em bé rất yêu mẹ, em luôn nghĩ về mẹ, vì có mẹ đợi ở nhà, em sợ mẹ buồn nên em không thể đi chơi. Tình yêu mẹ khiến em chiến thắng ham muốn nhất thời là được đi chơi.  - Lí do từ chối lời mời gọi của mây còn giúp em hiểu tình yêu thương của mẹ dành cho em rất lớn lao, da diết. Tình yêu ấy trở thành nguồn sức mạnh to lớn giúp em vượt qua cám dỗ.  **Câu 4**: Giả sử em bị bạn bè rủ đi chơi một trò chơi game, mà mẹ em không muốn cho em đi. Em sẽ làm những việc cụ thể để vượt qua cám dỗ như:  - Sẵn sàng chối bạn, nói không với trò chơi gây nghiện như game...  - Cùng mẹ hoặc cùng người thân làm những việc dọn dẹp nhà cửa, tưới cây, trông em.  - Cùng các bạn tham gia các hoạt động xã hội hữu ích: chăm sóc nghĩa trang, dọn vệ sinh thôn xóm, ngõ phố, thu phế liệu để gây quỹ giúp những người gặp hoàn cảnh khó khăn, tham gia các câu lạc bộ thể thao...  **Bài tập 4:**  **Câu 1:**Đoạn văn trên là lời em bé (người con) nói với mẹ về những trò chơi do em bé sáng tạo ra.  **Câu 2:**  - phép tu từ so sánh: *“Con”* được so sánh với *“sóng*”, “*mẹ*” được ví như “*bến bờ kì lạ”* ; quan hệ *“mẹ và con”* được so sánh với quan hệ giữa *“sóng và bến bờ”*  - Tác dụng:  + Làm cho câu thơ thêm sinh động, gợi hình, gợi cảm.  + Ca ngợi tình mẫu tử thiêng liêng, bất diệt. Hình ảnh người mẹ hiện lên trở thành nguồn vui ấm áp, liêng liêng vô cùng đối với em. Cách so sánh “mẹ là bến bờ kì lạ” để ca ngợi tình yêu thương bao la,tấm lòng bao dung, rộng mở của mẹ, mẹ là vành nôi ấm áp trở che cho con.  + Quan hệ “mẹ-con” được nâng lên giống như quan hệ giữa “sóng- bến bờ” khẳng định, ngợi ca tình mẹ con là tình cảm tự nhiên, trường tồn, vĩnh hằng.  **Câu 3:** Em hiểu câu thơ *“Và không ai trên thế gian này biết mẹ con ta đang ở chốn nào”* nghĩa là tình mẹ con được nâng lên kích cỡ vũ trụ, lớn lao, bất diệt. Câu thơ khẳng định, nâng tình mẹ con lên tầng cao của vũ trụ, tình mẹ con xuất hiện ở khắp mọi nơi, không ai có thể chia tách được.  **Câu 4**: Đọc đoạn thơ, em rút ra cho mình những thông điệp  - Tình mẫu tử là tình cảm thiêng liêng, là cội cuồn sức mạnh giúp con người vượt qua mọi cám dỗ trong cuộc đời.  - Có mẹ là có cả thế giới.  - Cần trân trọng, biết ơn, yêu thương mẹ nhiều hơn,vì mẹ đã vất vả, hi sinh cuộc đời mình cho con.  - Sống có trách nhiệm với bản thân và gia đình.  - Cuộc đời có bao sự đổi thay nhưng tình yêu thương vô bờ bến của mẹ dành cho con thì không bao giờ thay đổi. |

**BTVN :**

- GV lưu ý HS cách đọc- hiểu tác phẩm thơ: Khi đọc hiểu một tác phẩm thơ, ta cần tuân thủ những yêu cầu dưới đây:

+ Cần biết rõ tên tác phẩm, tên tập thơ, tên tác giả, hoàn cảnh sáng tác bài thơ.

+ **Cần hiểu được bài thơ là lời của ai, nói về ai, về điều gì?**

+ Đọc kĩ bài thơ, cảm nhận ý thơ qua **các yếu tố hình thức của bài thơ: nhan đề, dòng thơ, số khổ thơ, vần và nhịp, các hình ảnh đặc sắc, các biện pháp tu từ,…**. Ý thơ ở đây là cảm xúc, suy nghĩ, tâm trạng, những sự việc, sự vật,… Đồng cảm với nhà thơ, dùng liên tưởng, tưởng tượng, phân tích khả năng biểu hiện của từng từ ngữ, chi tiết, vần điệu,… mới cảm nhận được ý thơ, thấu hiểu hình tượng thơ, cái tôi trữ tình, nhân vật trữ tình

+ **Chỉ ra được tình cảm, cảm xúc của người viết và tác động của chúng đến suy nghĩ và tình cảm của người đọc.**

+Từ những câu thơ đẹp, lời thơ lạ, ý thơ hay, từ hình tượng thơ, cái tôi trữ tình, nhân vật trữ tình, hãy lùi xa ra và nhìn lại để lí giải, đánh giá toàn bài thơ cả về nội dung và nghệ thuật. Cần chỉ ra được những nét độc đáo, sáng tạo trong hình thức biểu hiện; những đóng góp về nội dung tư tưởng.

- Yêu cầu HS về đọc thêm văn bản “ Những cánh buồm” ( SGK/57-58).

- Ôn tập các phép tu từ ẩn dụ, nhân hóa, điệp ngữ.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | Ngày dạy : |  |

**Tiết 13-14-15**

**ÔN TẬP CÁC PHÉP TU TỪ**

**ẨN DỤ, NHÂN HÓA, ĐIỆP NGỮ**

**I- MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

- Các biện pháp tu từ: ẩn dụ, nhân hóa, điệp ngữ và tác dụng của phép tu từ ẩn dụ, nhân hóa, điệp ngữ trong việc diễn đạt.

**2. Năng lực:**

- Năng lực chung: năng lực tự chủ và tự học; năng lực giao tiếp.

- Năng lực chuyên biệt: nhận biết và nêu tác dụng của các phép tu từ nhân hóa, điệp ngữ và đặc biệt là ẩn dụ.

**3. Phẩm chất**:

- Có ý thức ôn tập nghiêm túc.

**II- CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH:**

**1. Giáo viên:** SGK, Bài soạn

**2. Học sinh**: SGK, vở ghi, ôn tập các kiến thức có liên quan.

**III- CÁC HOẠT ĐỘNG TRÊN LỚP**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **GV hướng dẫn HS nhắc lại lí thuyết về phép tu từ ẩn dụ, nhân hóa, điệp ngữ.**  **- Hình thức nhóm 2 bàn.**  ***Bàn 1+2: Thế nào là ẩn dụ? Cho ví dụ.***  ***Bàn 3+ 4: Thế nào là nhân hóa? Cho ví dụ.***  ***Bàn 5+6: Thế nào là điệp ngữ? Cho ví dụ.***  **- HS thảo luận nhóm, ghi kết quá ra bảng nhóm, cử đại diện trình bày-> nhận xét chéo.**  **- GV nhận xét, chốt kiến thức.**  **GV mở rộng :**  - Có 3 kiểu nhân hoá thường gặp  + Dùng từ vốn gọi người để gọi vật:  + Dùng từ vốn chỉ hoạt động, tính chất của người để chỉ hoạt động, tính chất của vật  + Trò chuyện xưng hô với vật như đối với người. | **I. Lí thuyết**  **1. Ẩn dụ**  **\* Khái niệm:** Ẩn dụ là biện pháp tu từ gọi tên sự vật hiện tượng này bằng tên sự vật hiện tượng khác có nét tương đồng với nó, nhằm làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt. Nét tương đồng giữa các sự vật dựa vào cảm nhận chủ quan của người sử dụng nó.  **\* Ví dụ:**  **Mặt trời** của bắp thì nằm trên đồi  **Mặt trời** của mẹ, em nằm trên lưng.  *(Nguyễn Khoa Điềm, Khúc hát du những em bé lớn trên lưng mẹ)*  - Từ **mặt trời** trong dòng thơ “**Mặt trời** của mẹ, em nằm trên lưng” dùng để chỉ em bé là hình ảnh ẩn dụ.  - Tác dụng: Con giống như mặt trời tỏa ánh sáng trong cuộc đời mẹ. Ví con như mặt trời, nhà thơ nói lên tình yêu con tha thiết của người mẹ.  **2. Nhân hóa**  **\* Khái niệm:** là biện pháp tu từ gán thuộc tính của người cho những sự vật không phải là người để làm tăng sức gợi hình gợi cảm cho sự diễn đạt.  **\* Ví dụ:**  “*Những làn gió thơ ngây”*.  Nhà thơ dung từ ***thơ ngây***- thường dùng để nói về ***đặc điểm của con người***, đặc biệt là trẻ em, để nói ***gió***. Biện pháp tu từ nhân hóa khiến làn gió mang vẻ đáng yêu, hồn nhiên của trẻ nhỏ.  **3. Điệp ngữ:**  **\* Khái niệm:** là phép tu từ lặp đi, lặp lại một từ (đôi khi là một cụm từ, hoặc cả một câu) để làm nổi bật ý muốn nhấn mạnh.  **\* Ví dụ:**  *Con là sóng và mẹ sẽ là bến bờ kì lạ.*  *Con lăn, lăn, lăn mãi rồi sẽ cười vang vỡ tan vào lòng mẹ*.  - Điệp ngữ “lăn” vừa có ý nghĩa tả thực hành động em bé sà vào lòng mẹ hết lần này đến lần khác, vừa gợi hình tượng những con sóng nối tiếp nhau, đuổi theo nhau lan xa trên mặt đại dương bao la rôi vỗ vào bờ cát. Từ đó gợi lên hình ảnh em bé hồn nhiên vô tư, tinh nghịch vui chơi bên người mẹ hiền từ dịu dàng, âu yếm che chở cho con. |
| **GV phát PHT, hướng dẫn HS làm bài.**  **Bài tập 1:** Ẩn dụ khác gì với so sánh?  **Bài tập 2: Chỉ ra và phân tích các biện pháp tu từ điệp ngữ trong các đoạn thơ sau:**  a. Mai về miền Nam, thương trào nước mắt. Muốn làm con chim hót quanh lăng Bác. Muốn làm đoá hoa toả hương đâu đây.  Muốn làm cây tre trung hiếu chốn này.  (*Viếng lăng Bác* – Viễn Phương)  b. Trời xanh đây là của chúng ta  Núi rừng đây là của chúng ta  Những cánh đồng thơm mát  Những ngả đường bát ngát  Những dòng sông đỏ nặng phù sa.  (Nguyễn Đình Thi)  c.  Anh đã tìm em rất lâu, rất lâu  Cô gái ở Thạch Kim, Thạch Nhọn Khăn xanh, khăn xanh phơi đầy lán sớm  Sách giấy mở tung trắng cả rừng chiều  (Phạm Tiến Duật)  **Bài tập 3: Chỉ ra và phân tích các biện pháp tu từ ẩn dụ trong các câu sau:**  **a)** *Thuyền ơi có nhớ bến chăng*  *Bến thì một dạ khăng khăng đợi thuyền*  (Ca dao)  b)  Bây giờ mận mới hỏi đào  Vườn hồng đã cố ai vào hay chưa ?  (Ca dao)  c)  *Thác bao nhiêu thác cũng qua*  *Thênh thênh là chiếc thuyền ta trên đời*  (Tố Hữu)  d) Từ ấy trong tôi bừng nắng hạ  Mặt trời chân lí chói qua tim  (Tố Hữu)  e) *Uống nước nhớ nguồn*  **Bài tập 4:**  *Viết đoạn văn nói về tình cảm của em với một người thân trong gia đình* ***trong đó có sử dụng 01 hình ảnh ẩn dụ.***  - GV hướng dẫn HS cách viết.  - HS hoàn thiện, trình bày, lớp nhận xét.  **Bài tập 5:** Viết đoạn văn (6-8 câu) kể về một con vật nuôi, trong đó có sử dụng phép nhân hoá.  Hs làm việc cá nhân  GV gợi dẫn: hình thức là đoạn văn, dung lượng 6-8 câu kể về một con vật nuôi, có sử dụng phép nhân hóa. | **II. Luyện tập- vận dụng**  **Bài tập 1:**  - ***Ân dụ khác với so sánh là*** : ẩn dụ là cách so sánh ngầm, trong đó sự vật đuợc so sánh ( A ) bị ẩn đi chỉ xuất hiện sự vật dùng để so sánh (B), ẩn dụ hàm xúc hơn bóng bẩy hơn trong cách diễn đạt.  VD : So sánh : Mặt đẹp như hoa, da trắng như phấn.  ẩn dụ : Mặt hoa, da phấn. ( ta có thể liên tưởng mặt đẹp như hoa, mặt tươi như hoa, mặt thắm như hoa, da trắng như phấn, da mịn như phấn )  **Bài tập 2**  a. Điệp ngữ: “Muốn làm” 3 lần lặp lại - Tác dụng:  + Bày tỏ tình cảm, cảm xúc lưu luyến không muốn rời xa Bác, khát khao dâng hiến, tình cảm đối với Bác Hồ của nhà thơ. + Giọng thơ tha thiết, xúc động  b. Điệp ngữ *: “của chúng ta”*2 lần,điệp từ*“Những”*3 lần  - Tác dụng:  + Tạo âm hưởng, nhịp điệu nhanh, khỏe khoắn.  + nhấn mạnh cảm xúc vui tươi ,hồ hởi của tác giả khi đất nước giành được độc lập, niềm vui của những con người sống trong chế độ mới  c. Điệp ngữ: ***“rất lâu”*** 2 lần;*“khăn xanh”* 2 lần  + Tạo âm hưởng cho câu thơ  + Nhấn mạnh khoảng thời gian dài ( rất lâu), khắc họa hình ảnh *Khăn xanh, khăn xanh phơi đầy lán sớm*  **Bài tập 3:**  **a)**Ẩn dụ : thuyền, bến  - Thuyền: là vật thường xuyên thay đổi 🡪 biểu tượng cho người con trai ( tình cảm dễ đổi thay)  - Bến : vật cố định 🡪 tình cảm thủy chung của người con gái  - Cách nói ẩn dụ là cho câu ca thêm tế nhị, phù hợp với việc bày tỏ nỗi nhớ, tình cảm thủy chung của người con gái  **b) Ẩn dụ**: *Mận, đào, vườn hồng*.  - *Mận* (chỉ người con trai)  - *Đào* (Chỉ người con gái)  - *Vườn hồng* (Chỉ tình cảm, cảm xúc trong lòng,...)  🡪Chàng trai muốn ướm hỏi cô gái liệu xem cô đã có người thương hay chưa, liệu xem tình cảm, ý tứ của cô gái như thế nào.  **c)** Ẩn dụ: “thác”, “thuyền”  Thác: những khó khăn trở ngại.  Thuyền : ý chí, nghị lực của con người  **d)** Ẩn dụ:“mặt trời chân lí”, “bừng nắng hạ”  + “Mặt trời chân lí”: chỉ tư tưởng cách mạng có ý nghĩa như mặt trời đem lại nguồn sáng cho nhân vật trữ tình, xua đi những tối tăm, nô lệ.  + “bừng nắng hạ”: chỉ cảm xúc vui sướng, hạnh phúc ngập tràn khi nhân vật “tôi” (tác giả) bắt gặp lí tưởng cách mạng.  (GV có thể cung cấp thêm hoàn cảnh sáng tác của bài thơ “Từ ấy” \_Tố Hữu để HS hiểu rõ hơn nội dung bài thơ, từ đó dễ phát hiện và hiểu được ý nghĩa các hình ảnh ẩn dụ).  e) Ẩn dụ: “uống nước”, “nhớ nguồn”  + “Uống nước” là hình ảnh ẩn dụ cho việc hưởng thụ những điều tốt đẹp, những thành quả tốt đẹp mà người khác để lại.  + "nhớ nguồn" là ẩn dụ của việc tưởng nhớ, khắc ghi những công ơn mà mình nhận được từ người khác. Từ đó, tổng thể nội dung câu tục ngữ truyền tải nội dung về bài học phải khắc ghi công ơn và thành quả mà mình nhận được từ người khác.  **Bài tập 4:**  Mẫu: *Tình cảm gia đình vô cùng thiêng liêng. Nó giống như ngọn đèn chiếu sáng tâm hồn con người giữa đêm dài tăm tối. Những người thân trong gia đình luôn dành cho nhau những điều tốt đẹp nhất. Họ yêu thương, chăm sóc và bảo vệ chúng ta giữa cuộc đời nhiều giông bão. Nhờ có tình cảm gia đình, con người được sống trong hạnh phúc, được phát triển một cách toàn diện và chắc chắn trong tương lai sẽ trở thành người có ích cho xã hội. Ngược lại, những người phải sống trong một gia đình bất hạnh thường sẽ gặp lại những chấn thương về tinh thần. Chính vì lẽ đó, chúng ta cần phải phải bảo vệ tình cảm gia đình.*  -> Ẩn dụ: Họ yêu thương, chăm sóc và bảo vệ chúng ta giữa cuộc đời nhiều giông bão. (giông bão - chỉ những khó khăn, thử thách)  **Bài tập 5:**  *Trong gia đình em có rất nhiều con vật nhưng con vật mà em yêu quý nhất vẫn là chú mèo Miu. Tên đó là do em đặt cho chú. Chú là hiệp sĩ diệt chuột trong gia đình em. Mèo Miu có một cái áo ba màu. Miu có một khuôn mặt nhỏ, có lẽ bằng quả bưởi con. Đôi mắt tinh nhanh tròn như hai hòn bi của chú vẫn sáng lên trong màn đêm. Hai cái tai như hai chiếc lá lúc nào cũng dỏng lên như để nghe ngóng chuyện gì đó. Cái mũi màu hồng xinh xinh điểm thêm hai bên là những chiếc râu trắng như cước. Miu rất giỏi bắt chuột nên chẳng bao lâu mà nhà em đã vắng bóng những con chuột đáng ghét. Miu giống như một thành viên trong gia đình em, cả nhà em ai cũng yêu quý chú.* |

**BTVN :**

- GV lưu ý HS : việc nêu tác dụng của một biện pháp tu từ cần phải dựa trên nội dung chính của ngữ liệu, trách nêu chung chung theo kiểu nhắc lại khái niệm.

- Ôn tập: Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | Ngày dạy : |  |

**Tiết 16-17-18**

**ÔN TẬP**

**VIẾT ĐOẠN VĂN GHI LẠI CẢM XÚC**

**VỀ MỘT BÀI THƠ CÓ YẾU TỐ TỰ SỰ VÀ MIÊU TẢ**

**I- MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

- Các biện pháp tu từ: ẩn dụ, nhân hóa, điệp ngữ và tác dụng của phép tu từ ẩn dụ, nhân hóa, điệp ngữ trong việc diễn đạt.

**2. Năng lực:**

- Năng lực chung: năng lực tự chủ và tự học; năng lực giao tiếp.

- Năng lực chuyên biệt: nhận biết và nêu tác dụng của các phép tu từ nhân hóa, điệp ngữ và đặc biệt là ẩn dụ.

**3. Phẩm chất**:

- Có ý thức ôn tập nghiêm túc.

**II- CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH:**

**1. Giáo viên:** SGK, Bài soạn

**2. Học sinh**: SGK, vở ghi, ôn tập các kiến thức có liên quan.

**III- CÁC HOẠT ĐỘNG TRÊN LỚP**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **GV HDHS ôn tập lại kĩ năng viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả.**  ***<?> Đoạn văn là gì? Nhận diện đoạn văn về nội dung và hình thức?***  **HS huy động những hiểu biết cá nhân, chia sẻ.**  **GV mở rộng về đoạn văn.**  ***<?> Nhắc lại yêu cầu đối với đoạn văn ghi* *lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả?***  **HS nhắc lại nhanh.**  **GV nhấn mạnh các yêu cầu.**  ***<?> Quy trình viết một đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả?***  HS nhắc lại.  GV lưu ý HS: Khi viết bài, các em cần lưu ý:  - Bám sát dàn ý đề viết đoạn.  - Thể hiện được cảm xúc chân thành của em về nội dung và hình thức trữ tình độc đáo của bài thơ.  - Trình bày đúng hình thức của đoạn văn: viết lùi đầu dòng từ đầu tiên của đoạn văn và chữ cái đầu của từ đó phải viết hoa; kết thúc đoạn văn bằng một dấu chấm câu. Các câu trong đoạn cần tập trung vào chủ đề chung, giữa các câu có sự liên kết. Đoạn văn khoảng 7 - 10 câu. | **I. Kĩ năng viết viết đoạn văn ghi lai cảm xúc của em về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả**  **1. Đoạn văn là gì?**  **-** Đoạn văn là bộ phận của văn bản, có chủ đề thống nhất, có kết cấu hoàn chỉnh được đánh dấu từ chỗ viết hoa lùi đầu dòng đến chỗ chấm xuống dòng.  + *Về nội dung:* đoạn văn thường diễn đạt một ý tương đối hoàn chỉnh. Các câu trong đoạn văn thường liên kết chặt chẽ với nhau để cùng làm rõ nội dung.  + *Về hình thức:* mỗi đoạn văn bao gồm một số câu văn có liên kết với nhau về mặt hình thức, thể hiện bằng các phép liên kết; mỗi đoạn văn được bắt đầu bằng chữ viết hoa lùi đầu dòng và kết thúc bằng dấu chấm xuống dòng.  **2. Yêu cầu đối với viết đoạn văn ghi lai cảm xúc của em về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả**  - Giới thiệu được nhan đề bài thơ và tên tác giả.  - Thể hiện được cảm xúc chung về bài thơ.  - Nêu được các chi tiết mang tính tự sự và miêu tả trong bài thơ, đánh giá được ý nghĩa của chúng trong việc thể hiện tình cảm cảm xúc của nhà thơ.  - Chỉ ra được nét độc đáo trong cách tự sự và miêu tả của nhà thơ.  **II. Quy trình viết**  **1. Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết.**  **-** Xác định mục đích viết: ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố miêu tả và tự sự  - Đối tượng: một bài thơ có yếu tố tự sự, miêu tả  - Lựa chọn bài thơ: Đọc kĩ lại bài thơ để hiểu (đọc lại bài thơ 3,4 lần, vừa đọc vừa nghĩ đến hình ảnh, yếu tố tự sự, miếu tả, ngôn từ để hình dung, xác định được cảm xúc của bản thân)  **2. Bước 2:** **Tìm ý, lập dàn ý**  **a. Tìm ý:**  - Xác định cảm xúc mà bài thơ mang lại.  - Xác định chủ đề của bài thơ.  **- Xác định yếu tố tự sự, miêu tả có trong bài thơ**  **+** Bài thơ gợi lên câu chuyện gì?  + Đâu là chi tiết tự sự và miêu tả nổi bật?  + Các chi tiết ấy sống động, thú vị như thế nào?  + Chúng đã góp phần thể hiện ấn tượng điều nhà thơ muốn nói ra sao?  **b. Lập dàn ý bằng cách dựa vào các ý đã tìm được, sắp xếp lại theo ba phần lớn của đoạn văn, gồm:**  **- Mở đoạn:** giới thiệu nhan đề bài thơ, tên tác giả, và nêu cảm xúc chung của người viết.  **- Thân đoạn:**  + Bài thơ gợi lên câu chuyện gì?  + Đâu là chi tiết tự sự và miêu tả nổi bật?  + Các chi tiết ấy sống động, thú vị như thế nào? Chỉ ra nội dung hoặc nghệ thuật cụ thể của bài thơ khiến em yêu thích và có nhiều cảm xúc, suy nghĩ.  + Nêu lên các lí do khiến em thích.  + Chúng đã góp phần thể hiện ấn tượng điều nhà thơ muốn nói ra sao?  **- Kết đoạn:** Khái quát cảm xúc chung của người viết về bài thơ trong hình thức kể chuyện độc đáo  **3. Bước 3: Viết**  **4. Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.**  - Đọc kĩ bài viết của mình và khoanh tròn những lỗi chính tả, lỗi sử dụng từ ngữ (nếu có). Sau đó sửa lại các lỗi đó.  - Gạch chân những câu sai ngữ pháp bằng cách phân tích cấu trúc ngữ pháp và sửa lại cho đúng (nếu có). |
| GV HDHS luyện tập, vận dụng | **III. Luyện tập- vận dụng** |
| **Bài tập 2: Em hãy viết một đoạn văn ghi lại cảm xúc của em về bài thơ “Mây và sóng” của nhà thơ Ta- go.**  **a. Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết.**  **+ X**ác định mục đích viết: ghi lại cảm xúc.  + Lựa chọn bài thơ: bài thơ “Mây và sóng” của nhà thơ Ta- go.  **b. Bước 2:** **Tìm ý, lập dàn ý**  **\* Tìm ý:**  - Xác định cảm xúc mà bài thơ “Mây và sóng” mang lại: khơi dậy trong em niềm xúc động, biết ơn, tự hào về mẹ, tình yêu thiên nhiên, ước mơ của trẻ thơ.  - Xác định chủ đề của bài thơ: Tình yêu mẹ của trẻ thơ, ca ngợi tình mẫu tử thiêng liêng, bất diệt.  **- Xác định yếu tố tự sự, miêu tả có trong bài thơ**  **+** Bài thơ gợi lên câu chuyện:  + Đâu là chi tiết tự sự và miêu tả nổi bật?  + Các chi tiết ấy sống động, thú vị như thế nào?  + Chúng đã góp phần thể hiện ấn tượng điều nhà thơ muốn nói ra sao?  **\* Lập dàn ý bằng cách dựa vào các ý đã tìm được, sắp xếp lại theo ba phần lớn của đoạn văn, gồm:**  **- Mở đoạn :**  **+ G**iới thiệu bài thơ “Mây và sóng”, tác giả Ta-go,  + mượn yếu tố tự sự, miêu tả, nhà thơ giãi bày tình yêu mẹ tha thiết và những ước mơ kì diệu của tuổi thơ.  **- Thân đoạn:**  + Yếu tố tự sự trong bài thơ vô cùng đặc sắc: Bài thơ gợi lên câu chuyện: lời tâm tình của một em bé với mẹ, em kể cho mẹ nghe về cuộc trò chuyện của em bé với mây và sóng. Mây vè sóng rủ em đi chơi, dù muốn đi, nhưng em vẫn từ chối, vì mẹ đợi ở nhà, rồi em còn sáng tạo ra trò chơi có mẹ, có em, có cả mây, cả sóng.  + Yếu tố miêu tả nổi bật: không gian bao la, lấp lánh sắc màu, âm thanh mà mây và sóng vẽ ra trước mắt em bé.  + Các chi tiết ấy sống động, thú vị: thiên nhiên mang ý nghĩa ẩn dụ, cuộc đối thoại tạo giọng điệu tâm tình.  + Ý nghĩa của yếu tố miêu tả, tự sự  + + Hình ảnh thiên nhiên đẹp, giàu ý nghĩa, ẩn dụ, thủ pháp trùng điệp...  + + Chúng đã góp phần thể hiện ấn tượng điều nhà thơ muốn: Trẻ thơ có ước mơ, có tình yêu thiên nhiên, nhưng tình mẹ con là tình cảm mãnh liệt nhất.  **- Kết đoạn:** Khái quát cảm xúc chung của người viết về bài thơ trong hình thức kể chuyện độc đáo  *“Mây và sóng”* là một bài ca cảm động về tình mẹ con, giúp mỗi người cảm nhận được tình mẹ ngọt ngào và trân trọng hơn những giây phút hạnh phúc được ở bên mẹ.  **\* Đoạn văn tham khảo:**  Bất cứ ai yêu thơ cũng đều biết đến bài thơ “*Mây và sóng*” của nhà thơ Ta-go, bài thơ viết về tình yêu mẹ tha thiết và những ước mơ kì diệu của tuổi thơ. Bài thơ dẫn người đọc vào một câu chuyện kể về lời tâm tình của một em bé với mẹ, em kể cho mẹ nghe về cuộc trò chuyện của em bé với mây và sóng. Người đọc bị hấp dẫn bới những lời mời mọc, rủ rê của mây và sóng. Mây và sóng rủ em đi chơi, và như bao đứa trẻ khác, em bé thiết tha mong muốn được lãng du tới những xứ sở thần tiên, được rong ruổi khắp nơi, được vui chơi với những trò chơi thú vị, hấp dẫn. Những câu em bé hỏi lại, hỏi về cách thức đi chơi: “*Nhưng làm thế nào mình lên đó được ?”, “Nhưng làm thế nào mình ra ngoài đó được*” chứa bao háo hức, thể hiện khao khát được đến những chân trời mới. Cùng với tự sự, bài thơ có những hình ảnh miêu tả vô cùng sống động về thế giới của những người trên mây, dưới sóng là : *“Bình minh vàng, vầng trăng bạc*”. Đây là những hình ảnh ẩn dụ đặc sắc, mở ra trước mắt em bé một thế giới xa xôi, rộng lớn, chứa đựng biết bao điều bí ẩn; một thế giới rực rỡ lung linh, huyền ảo tượng trưng cho niềm vui và hạnh phúc. Nhưng khi em nhớ đến mẹ, em đã dứt khoát từ chối và đưa ra lí do từ chối. Với em, điều quan trọng và có ý nghĩa hơn những cuộc phiêu du chính là sự chờ đợi, mong mỏi em trở về nhà của mẹ. Mẹ yêu em nên luôn mong muốn em ở bên mẹ. Chính tình yêu mẹ đã khiến em sáng tạo trò chơi **“***Con là mây và mẹ sẽ là trăng”***, “***Con là sóng, mẹ sẽ là bến bờ kì lạ”.* Quan hệ “mẹ- con” được nâng lên ngang tầm vũ trụ, mang kích cỡ rộng lớn như mối quan hệ giữa *“mây- trăng”, “sóng- bến bờ”.* Tình mẹ con đã hòa quyện lan tỏa trong sóng, thâm nhập khắp vũ trụ mênh mông nên “*không ai trên thế gian này biết mẹ con ta ở chốn nào”.* Đặt tình mẫu tử trong mối quan hệ với thiên nhiên vũ trụ, nhà thơ đã thể hiện cảm hứng tôn vinh ca ngợi tình mẫu tử bao la, thiêng liêng, vĩnh cửu. Bài thơ *“Mây và sóng”* đã đem đến một sức hấp dẫn bởi phong cách viết vô cùng độc đáo, thể thơ tự do, với dòng thơ dài ngắn đan xen tuôn chảy theo cảm xúc. Bài thơ giống như một câu chuyện kể, kết hợp các yếu tố tự sự và miêu tả để làm nổi bật cảm xúc, tình cảm yêu mến của nhà thơ với trẻ thơ. Giọng điệu tâm tình, cách thức lặp lại biến đổi , bài thơ ca ngợi tình mẫu tử thiêng liêng, bất diệt, đồng thời thể hiện tình yêu thương trẻ thơ, tấm lòng nhân hậu yêu thương con người của nhà thơ. Tóm lại, *“Mây và sóng”* là một bài ca cảm động về tình mẹ con, giúp mỗi người cảm nhận được tình mẹ ngọt ngào và trân trọng hơn những giây phút hạnh phúc được ở bên mẹ.  **Bài tập 2:**  **Em hãy viết một đoạn văn ghi lại cảm xúc của em về bài thơ “Chuyện cổ tích về loài người” của nhà thơ Xuân Quỳnh.**  **a. Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết.**  **+** Xác định mục đích viết: ghi lại cảm xúc.  + Lựa chọn bài thơ: bài thơ “Chuyện cổ tích về loài người” của nhà thơ Xuân Quỳnh.  **b. Bước 2:** **Tìm ý, lập dàn ý**  **\* Tìm ý:**  - Xác định cảm xúc mà bài thơ “Chuyện cổ tích về loài người”mang lại xúc động trước tình yêu mến trẻ thơ của nhà thơ, hiểu được sự quan tâm yêu thương của người thân dành cho mình.  - Xác định chủ đề của bài thơ: Tình yêu với trẻ thơ.  **- Xác định yếu tố tự sự, miêu tả có trong bài thơ**  **+** Bài thơ gợi lên câu chuyện: chuyện kể lí giải về nguồn gốc của loài người bằng nhiều chi tiết hư cấu tưởng tượng.  + Miêu tả: thiên nhiên cây cỏ vạn vật sinh sôi, lời ru của mẹ, không gian thế giới rộng lớn...  + Các chi tiết ấy sống động, thú vị: nhờ trí tưởng tượng, hình ảnh so sánh, nhân hóa, điệp từ, giọng tâm tình  + Chúng đã góp phần thể hiện ấn tượng điều nhà thơ muốn nói: Hãy yêu thương, chăm sóc trẻ thơ  **\* Lập dàn ý bằng cách dựa vào các ý đã tìm được, sắp xếp lại theo ba phần lớn của đoạn văn, gồm:**  **- Mở đoạn :**  **+ G**iới thiệu bài thơ “Chuyện cổ tích về loài người” tác giả Xuân Quỳnh  + mượn yếu tố tự sự, miêu tả, nhà thơ tình yêu mến trẻ thơ, nhắc nhở mọi người yêu thương, chăm sóc trẻ thơ.  **- Thân đoạn:**  + Yếu tố tự sự trong bài thơ vô cùng đặc sắc: Bài thơ gợi lên câu chuyện kể nguồn gốc của loài người bằng nhiều chi tiết hư cấu tưởng tượng. Trời sinh ra trước hết, rồi sau đó trẻ con được sinh ra trong không gian tăm tối. Từ đó, thiên nhiên trỗi dậy ánh sánh, mọi sự sống bắt đầu, cỏ cây, hoa lá, chim muông...Và những người thân cũng được sinh ra để cho trẻ được yêu thương, chăm sóc.  + Yếu tố miêu tả nổi bật: không gian bao la, lấp lánh sắc màu, âm thanh mà mây và sóng vẽ ra trước mắt em bé.  + Các chi tiết ấy sống động, thú vị: Lời ru của mẹ giàu ý nghĩa, gửi gắm tình yêu, ước mơ cho con  + Ý nghĩa của yếu tố miêu tả, tự sự:  + + Cùng với ngôn ngữ, hình ảnh thơ thân thuộc, bình dị, với trí tưởng tưởng bay bổng, tác giả dùng yếu tố hoang đường, kì ảo tạo ra màu sắc cổ tích, suy nguyên tăng sức hấp dẫn cho bài thơ.  + + Bài thơ còn nhắc nhở mọi người hãy yêu thương chăm sóc và dành cho trẻ em những gì tốt đẹp nhất. Bởi vì trẻ em là tương lai của gia đình, đất nước. Các em cần được sống trong môi trường tốt đẹp, được yêu thương, chăm sóc, dạy dỗ khôn lớn, trưởng thành  **- Kết đoạn:** Khái quát cảm xúc chung của người viết về bài thơ trong hình thức kể chuyện độc đáo  **\* Đoạn văn tham khảo:**  *“Chuyện cổ tích về loài người*” của nhà thơ Xuân Quỳnh là bài thơ thể hiện tình yêu thương với trẻ thơ thông qua cách giải thích về nguồn gốc của loài người đầy đáng yêu. Đi theo câu chuyện kể, giọng thơ tâm tình, nhà thơ vẽ ra cả một thế giới với biết bao sự sinh sôi, nảy nở diệu kì. Trẻ em được sinh ra đầu tiên, rồi sau đó cả thể giới bừng tỉnh với những đổi thay tuyệt diệu. Lúc đầu, cả trái đất trụi trần, không có gì hết, không có ánh sáng, cây cỏ, màu sắc...Tất cả bao trùm bởi màu đen. Mặt trời xuất hiện rồi đến cỏ cây, hoa lá cứ trỗi dậy, lớn dần*“Màu xanh bắt đầu cỏ...truyền âm thanh đi khắp”*. Màu xanh của cái cây, màu đỏ của bông hoa; các biệp pháp tu từ so sánh: “*Tiếng hót trong bằng nước/ tiếng hót cao bằng mây”; “cây cao bằng gang tay/ Lá cỏ bằng sợi tóc...”;* nhân hóa *“Những làn gió thơ ngây*” làm cho bức tranh thiên nhiên có sức cuốn hút kì lạ. Tiếp sau sự xuất hiện của thiên nhiên, nhà thơ viết tiếp chuyện cổ tích bằng cả trái tim yêu thương dành cho trẻ thơ. Nhà thơ kể về sự xuất hiện của mẹ, của bà, người bố, người thầy. Mẹ mang đến cho con tình yêu thương và lời ru. Tình yêu ấy được thể hiện một cách bình dị nhất qua sự chăm sóc ân cần “*bế bồng, chăm sóc*”, qua cả lời ru ngọt ngào của mẹ. Mỗi hình ảnh trong lời ru như “*cái bống, cái bang”, “cái hoa”, “cánh cò”, “vị gừng”*...đâu chỉ là lời tâm sự của mẹ với con về nỗi nhọc nhằn của cuộc sống, mà ở đó chứa đựng những lời nhắn nhủ ân cần về cách sống đep: biết yêu thương chia sẻ, nhân ái, thủy chung. Ngay sau sự xuất hiện của mẹ, bà đến đem bao yêu thương cho trẻ thơ. Bới vì, hơn ai hết, bà thường tâm tình với trẻ bằng những câu chuyện cổ tích. Còn bố, bố truyền dậy cho trẻ em những tri thức về thiên nhiên, về cuộc sống. Người thầy và mái trường hiện lên rất những gì rất đỗi thân thương và bình dị qua phép tu từ liệt kê: *chữ viết, bàn ghế, lớp học, bảng, phấn và thầy giáo*. Người thầy đã mang đến cho trẻ em bài học về đạo đức, tri thức, nuôi dưỡng những ước mơ đẹp đẽ... giúp trẻ trưởng thành. Bài thơ hấp dẫn ở thể thơ 5 chữ, với giọng thơ tâm tình, dùng yếu tố tự sự kết hợp miêu tả trong tác phẩm trữ tình, ngôn ngữ, hình ảnh thơ thân thuộc, bình dị, yếu tố hoang đường, kì ảo tạo ra màu sắc cổ tích. Từ những lí giải về nguồn gốc loài người, nhà thơ nhắc nhở mọi người cần yêu thương, sự chăm sóc, chở che, nuôi dưỡng trẻ em cả về thể xác và tâm hồn. Bài thơ thể hiện tình yêu thương trẻ thơ, tấm lòng nhân hậu yêu thương con người của nhà thơ. | |

**BTVN :**

- GV lưu ý HS: Yêu cầu và các bước viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả.

- Ôn tập:

+ Người kể chuyện ngôi thứ ba; các chi tiết miêu tả hình dáng, cử chỉ, lời nói, suy nghĩ,... của nhân vật.

+ Phân biệt được lời người kể chuyện và lời nhân vật; thái độ của người kể chuyện được thể hiện qua lời kể, qua cách miêu tả.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | Ngày dạy : |  |

**Tiết 19-20-21**

**ÔN TẬP VỀ TRUYỆN**

**I- MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

- Người kể chuyện ngôi thứ ba; các chi tiết miêu tả hình dáng, cử chỉ, lời nói, suy nghĩ,... của nhân vật.

**2. Năng lực:**

- Năng lực chung: năng lực tự chủ và tự học; năng lực giao tiếp.

- Năng lực chuyên biệt: Phân biệt được lời người kể chuyện và lời nhân vật; thái độ của người kể chuyện được thể hiện qua lời kể, qua cách miêu tả.

**3. Phẩm chất**:

- Có ý thức ôn tập nghiêm túc.

**II- CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH:**

**1. Giáo viên:** SGK, Bài soạn

**2. Học sinh**: SGK, vở ghi, ôn tập các kiến thức có liên quan.

**III- CÁC HOẠT ĐỘNG TRÊN LỚP**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **GV HDHS khái quát lại tri thức Ngữ văn:** Miêu tả nhân vật trong truyện kể.  <?> *Trong truyện kể, nhân vật thường được miêu tả ở những khía cạnh, đặc điểm nào?*  - HS trao đổi, thảo luận cặp đôi, trả lời.  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, kết luận.  **GVHDHS ôn tập 2 văn bản: *Cô bé bán diêm* và *Gió lạnh đầu mùa.***  **GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm tổ.**  **Nhiệm vụ:**  ***+ Kể tóm tắt văn bản.***  ***+Nêu giá trị nội dung và nghệ thuật.***   * **Nhóm 1,3: Văn bản “ Cô bé bán diêm”** * **Nhóm 2,4: Văn bản “ Gió lạnh đầu mùa”**   **HS trình bày kết quả hoạt động.**  **GV nhận xét, điều chỉnh.** | **I. Miêu tả nhân vật trong truyện kể**  - Ngoại hình: dáng vẻ bề ngoài của nhân vật (thân hình, gương mặt, ánh mắt, làn da, mái tóc, trang phục,…); các chi tiết ngoại hình không chỉ giúp người đọc hình dung về vẻ ngoài của nhân vật mà còn thể hiện được đặc điểm tính cách, số phận (liên hệ đến người ăn xin hoặc Chí Phèo…)  - Hành động: những cử chỉ, việc làm thể hiện cách ứng xử của nhân vật với bản thân và thế giới xung quanh; là căn cứ để xác định tính cách. (Liên hệ đến nhân vật “tôi” hoặc Mã Giám Sinh…)  - Ngôn ngữ: lời nói của nhân vật, được xây dựng ở cả hai hình thức đối thoại và độc thoại;  - Thế giới nội tâm: những cảm xúc, tình cảm, suy nghĩ của nhân vật.  **II. Văn bản “ Cô bé bán diêm”**  **1. Kể tóm tắt**  Trong đêm giao thừa, trời rét mướt, có một cô bé đầu trần, chân đi đất, bụng đói đang rầu rĩ đi bán diêm trong bóng tối. Cô bé bán diêm ấy đã mồ côi mẹ và cũng đã mất đi người thương yêu em nhất là bà nội. Em không dám về nhà vì sợ bố sẽ đánh em. Vừa lạnh vừa đói, cô bé ngồi nép vào một góc tường rồi khẽ quẹt một que diêm để sưởi ấm. Que diêm thứ nhất cho em có cảm giác ấm áp như ngồi bên lò sưởi. Em vội quẹt que diêm thứ hai, em được thấy một bàn ăn thịnh soạn hiện lên. Rồi em quẹt que diêm thứ ba và được thấy cây thông Nô-en. Quẹt que diêm thứ tư: bà nội hiền từ của em hiện lên đẹp đẽ, gần gũi và phúc hậu biết mấy. Nhưng ảo ảnh đó nhanh chóng tan đi sau sự vụt tắt của que diêm. Em vội vàng quẹt hết cả bao diêm để mong níu bà nội lại. Cô bé bán diêm đã chết trong giá rét khi mơ cùng bà bay lên cao mãi.  **2. Nghệ thuật**  - Nghệ thuật kể chuyện hấp dẫn, đan xen giữa yếu tố thật và huyền ảo với các tình tiết diễn biến hợp lí  - Ngôi kể thứ ba, ngôn ngữ kể linh hoạt, kết hợp tự sự, miêu tả và biểu cảm.  - Kết cấu truyện theo lối tương phản, đối lập  **3. Nội dung**  - Truyện kể về hình ảnh một cô bé bán diêm nghèo khổ, cô đơn, bất hạnh trong đêm giao thừa.  - Qua đó tác giả muốn gửi gắm một thông điệp giàu tính nhân đạo: hãy yêu thương và để trẻ thơ được sống hạnh phúc.  **III. Văn bản “ Gió lạnh đầu mùa”**  **1. Kể, tóm tắt**  - Mùa đông giá lạnh đã đến, hai chị em Sơn được mặc quần áo đẹp đẽ và ấm áp.  - Hai chị em Sơn ra xóm chợ chơi và thấy những người bạn nghèo mặc những bộ quần áo bạc màu, nhiều chỗ vá. Đặc biệt là em Hiên chỉ có mang áo rách tả tơi, co ro chịu rét.  - Chị Lan hăm hở về lấy áo cho Hiên, Sơn cảm thấy trong ḷòng ấm áp, vui vui.  - Chuyện cho áo đến tai người thân, lo sợ bị mẹ mắng, hai chị em đi tìm Hiên đòi áo.  - Mẹ Hiên sang nhà Sơn trả lại áo bông.  - Biết hoàn cảnh của gia đình Hiên, mẹ Sơn cho mẹ Hiên mượn tiền may áo mới cho con.  **2. Nghệ thuật**  - Cách kể chuyện nhẹ nhàng, tinh tế, theo dòng cảm xúc của nhân vật.  - Nhân vật được xây dựng qua nhiều phương diện như hành động, lời nói nhưng chủ yếu qua từng cảm xúc, tâm trạng về chuyển biến của thiên nhiên, cảnh vật, sự việc...  - Kết hợp kể và miêu tả cảnh thiên nhiên đặc sắc.  - Tình huống đặc sắc, có những chi tiết truyện giàu ý nghĩa.  **3. Nội dung**  - Ca ngợi tình yêu thương chia sẻ ấm áp, trong trẻo của con người với con người, đặc biệt tình yêu thương vô tư của trẻ thơ.  - Ẩn chứa niềm tin yêu, trân trọng của tác giả đối với con người. |
| GV HDHS luyện tập, vận dụng  GV giao bài tập, HDHS thực hiện. | **III. Luyện tập- vận dụng** |
| **ĐỀ SỐ 1: Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi:**  *" Thế là em quẹt tất cả que diêm còn lại trong bao . Em muốn níu bà em lại ! Diêm nối nhau chiếu sáng như giữa ban ngày . Chưa bao giờ em thấy bà em to lớn và đẹp lão như thế này . Bà cụ nắm lấy tay em rồi hai bà cháu bay vụt lên cao, cao mãi, chẳng còn đói rét , đau buồn nào đe dọa họ nữa . Họ đã bay về chầu Thượng đế.*  (Trích *Cô bé bán diêm*, An- đéc-xen)  **Câu 1:** Xác định phương thức biểu đạt chính trong đoạn văn trên.  **Câu 2:** Tại sao em bé lại quẹt tất cả những que diêm trong bao?  **Câu 3:** Chi tiết *“Bà cụ nắm lấy tay em rồi hai bà cháu bay vụt lên cao, cao mãi, chẳng còn đói rét , đau buồn nào đe dọa họ nữa”* gợi cho em những cảm xúc gì?  **Câu 4:** Từ đoạn văn, em nhận thấy sự sẻ chia có ý nghĩa gì trong cuộc sống?  **Gợi ý:**  **Câu 1:** Phương thức biểu đạt chính trong đoạn văn trên: Tự sự  **Câu 2:** Em bé lại quẹt tất cả những que diêm trong bao: Vì em muốn níu bà em lại, muốn ở bên bà, em đang khao khát tình yêu thương của bà.  **Câu 3:** Chi tiết “Bà cụ nắm lấy tay em rồi hai bà cháu bay vụt lên cao, cao mãi, chẳng còn đói rét , đau buồn nào đe dọa họ nữa” gợi cho em những cảm xúc:   * Em thấy xót xa, thương cho số phận bất hạnh đau khổ của cô bé bán diêm, cô bé chỉ tìm được niềm vui, hạnh phúc ở thế giới bên kia. * Em đồng cảm với cô bé vì cô bé có ước mơ đẹp, đó là ước mơ được sống trong tình thương của bà, của người thân.   **Câu 4:** Từ đoạn văn, em nhận thấy sự sẻ chia có ý nghĩa trong cuộc sống:   * Giúp con người có thêm nghị lực vượt qua khó khăn, giúp họ vươn lên trong cuộc sống. * Đem lại niềm vui, niềm hạnh phúc cho mọi người. * Kết gắn mọi người, đem lại phép màu cho cuộc sống. * ....   **ĐỀ SỐ 2:** Viết đoạn văn (5-7 câu) với nhan đề: Gửi tác giả truyện “Cô bé bán diêm”  **Gửi tác giả truyện “Cô bé bán diêm”!**  Mỗi lần gấp trang truyện “*Cô bé bán diêm*” cháu thật sự bị ám ảnh bởi hình ảnh thương tâm kết thúc tác phẩm “*một em gái có đôi má hồng và đôi môi đang mỉm cười”(1)*. Tại sao ông lại kết thúc câu chuyện bằng một hình ảnh vừa xót xa đến vậy, hay đó chính là hiện thực phũ phàng? (2). Cháu xót xa vì cô bé chết trong đói rét, trong cô đơn, trong sự thờ ơ vô cảm của mọi người (3). Hình ảnh cô bé khi chết “Có đôi má hồng và đôi môi đang mỉm cười” có phải cũng là một hình ảnh hư cấu không a, thưa ông! Có thể coi đây là một cái chết đẹp, hình hài thể xác chết mà linh hồn, khát vọng của em bé vẫn sống (4). Thưa ông, có phải, giấc mơ qua mỗi lần quẹt diêm đã đem lại ngọn lửa sưởi ấm trái tim cô bé nên cô mãn nguyện mỉm cười, có phải cuộc sống hiện thực quá phũ phàng nên cô bé tìm đến thế giới bên kia có bà, có tình thương không ạ? (5) Và có ai biết rằng cô bé vừa trải qua những giấc mơ tuyệt đẹp (được sưởi ấm, được ăn no, được vui đón giao thừa, và được sống trong tình thương của bà) (6). Dù câu chuyện buồn, không có phép màu của bà tiên, không có một bàn tay nhân hậu cứu vớt như bao câu chuyện cổ khác, nhưng cháu biết rằng, nhờ đọc câu chuyện mà mỗi người tự nhủ lòng, hãy yêu thương những người kém may mắn quanh mình, hãy giúp họ cùng thắp lên ngọn lửa của tình thương phải không ạ! (7)  **ĐỀ SỐ 3:**  **Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi:**  *“...Hiên là đứa con gái bên hàng xóm, bạn với Lan và Duyên. Sơn thấy chị gọi nó không lại, bước gần đến trông thấy con bé co ro đứng bên cột quán, chỉ mặc có manh áo rách tả tơi, hở cả lưng và tay. Chị Lan cũng đến hỏi:*  *- Sao áo của mày rách thế Hiên, áo lành đâu không mặc?*  *Con bé bịu xịu nói:*  *- Hết áo rồi, chỉ còn cái này.*  *- Sao không bảo u mày may cho?*  *Sơn bây giờ mới chợt nhớ ra là mẹ cái Hiên rất nghèo, chỉ có nghề đi mò cua bắt ốc thì còn lấy đâu ra tiền mà sắm áo cho con nữa. Sơn thấy động lòng thương, cũng như ban sáng Sơn đã nhớ thương đến em Duyên ngày trước vẫn cùng nói với Hiên đùa nghịch ở vườn nhà. Một ý nghĩ tốt bỗng thoáng qua trong trí, Sơn lại gần chị thì thầm:*  *- Hay là chúng ta đem cho nó cái áo bông cũ, chị ạ.*  *- Ừ, phải đấy. Để chị về lấy.*  *Với lòng ngây thơ của tuổi trẻ, chị Lan hăm hở chạy về nhà lấy áo. Sơn đứng lặng yên đợi, trong lòng tự nhiên thấy ấm áp vui vui”...*  (Trích *Gió lạnh đầu mùa,* Thạch Lam)  **Câu 1:** Xác định phương thức biểu đạt chính trong đoạn văn trên.  **Câu 2:** Chỉ ra các câu văn miêu tả ý nghĩ của Sơn khi Sơn nhớ ra cuộc sống nghèo khổ của mẹ con Hiên. Những suy nghĩ, cảm xúc ấy giúp em cảm nhận điều gì ở nhân vật ?  **Câu 3:** Tại sao khi chị Lan về lấy áo cho Hiên, Sơn lại thấy lòng ấm áp, vui vui?  **Câu 4:** Em đã bao giờ giúp đỡ người khác chưa, em có thể kể 2 việc làm cụ thể của mình ?  **Gợi ý:**  **Câu 1:** Phương thức biểu đạt chính trong đoạn văn trên: Tự sự  **Câu 2:**  - Chỉ ra các câu văn miêu tả ý nghĩ của Sơn khi Sơn nhớ ra cuộc sống nghèo khổ của mẹ con Hiên: Nghe cái Hiên *“bịu xịu”* nói với chị Lan là “*hết áo rồi, chỉ còn cái áo này”,* *bấy giờ Sơn mới chợt nhớ ra* *“mẹ cái Hiên rất nghèo, chỉ có nghề mò cua bắt ốc thì lấy đâu ra tiền mà sắm áo cho con nữa”.*  - Những suy nghĩ, cảm xúc ấy giúp em cảm nhận ở nhân vật: Sơn (và chị) đều là những đứa trẻ sống giàu tình thương, tốt bụng, trong sáng, đáng yêu, giàu lòng trắc ẩn.  **Câu 3:** Khi chị Lan về lấy áo cho Hiên, Sơn lại thấy lòng ấm áp, vui vui:  - Sơn thương Hiên vì thấy bạn đang rất rét. Khi chị về lấy áo ấm cho bạn, Sơn cảm thấy hạnh phúc vì đã giúp đỡ bạn, yên tâm vì bạn mình sẽ đỡ lạnh khi có áo ấm.  **Câu 4:** HS kể 2 việc làm cụ thể của mình đã giúp đỡ người khác:  Chấp nhận nhiều đáp án khác nhau, miễn là HS biết kể những hành động việc làm cụ thể để giúp đỡ người khác.  **ĐỀ SỐ 4:** So sánhđiểm giống nhau và khác nhau giữa hai nhân vật cô bé bán diêm (*Cô bé bán diêm)* và Hiên *(Gió lạnh đầu mùa*):   * Giống nhau: Đều là những cô bé có hoàn cảnh nghèo khó, thiếu thốn, không được hưởng một cuộc sống có "cơm ngon áo đẹp". * Khác nhau:   + Cô bé bán diêm: Có cuộc sống bất hạnh, không có sự yêu thương, bảo vệ của gia đình. Em phải tự mình kiếm tiền mang về cho bố, nếu không có tiền sẽ không được về nhà. Số phận của em là một số phận đầy bi kịch khi em đã không thể chông chọi được sự khắc nghiệt của cuộc sống, đã chết đi, về với vòng tay yêu thương của bà.   + Hiên: Em vẫn có mẹ bên cạnh chăm sóc, vẫn có bạn bè, có hai chị em Sơn quan tâm, yêu thương và đùm bọc.   **ĐỀ SỐ 5:** Có nhiều nhân vật trẻ em xuất hiện trong truyện Gió lạnh đầu mùa. Hãy viết một đọan văn trình bày cảm nhận về một nhân vật mà em thấy thú vị.  **Hướng dẫn giải: Nhân vật Sơn:**  **a. Dàn ý:**  - **Mở đoạn:** Giới thiệu về tác phẩm “Gió lạnh đầu mùa”, tác giả Thach Lamvà cảm xúc chung về nhân vật Sơn **Sơn và chị đều là những đứa sống giàu tình thương, tốt bụng, trong sáng, đáng yêu, giàu lòng trắc ẩn.**  **- Thân đoạn:**  **+ Ấn tượng về cảm xúc của Sơn vào buổi sáng chớm đông** Sơn cảm nhận được sự biến đổi của thiên nhiên, cảnh vật khi bước vào mùa đông. **Cảm xúc của Sơn khi vú nhắc đến chuyện chiếc áo bông**, Sơn cảm động và thương em quá. Sơn thấy mẹ rơm rớm nước mắt.  Sơn là cậu bé ngoan ngoãn, sống giàu tình cảm, tinh tế biết quan sát và cảm nhận được tâm trạng cảm xúc của người thân.  **+ Ấn tượng về thái độ, hành động của Sơn với các bạn nhỏ:**  + + Với các bạn, Sơn và chị vẫn thân mật chơi đùa,  + + Với cái Hiên: Sơn đã *“động lòng thương”* bạn và một *“ý nghĩ tốt thoảng qua”… Sơn đã nói thầm với chị Lan về lấy chiếc áo bông cũ của em Duyên đem cho cái Hiên mặc* khi gió lạnh đầu mùa đã thổi về  **Sơn và chị đều là những đứa sống giàu tình thương, tốt bụng, trong sáng, đáng yêu, giàu lòng trắc ẩn.**  + + Khi cùng chị Lan mang chiếc áo bông cũ cho Hiên, Sơn thấy lòng mình *“ấm áp vui vui”* khi đứng lặng yên chờ chị Lan chạy về lấy áo.  **Ý nghĩ, hành động cho bạn áo ấm: là hành động thể hiện yêu thương vô tư, trong sáng của những đứa trẻ.**  **-**  Hành động vội vã đi tìm Hiên để đòi lại chiếc áo bông cũ không làm giảm bớt thiện cảm với nhân vật Sơn. Hành động hồn nhiên, ngây thơ của Sơn và chị. Sự trong sáng, đáng yêu của những đứa trẻ .  **- Kết đoạn**: Đánh giá khái quát về nhân vật Sơn và cảm nghĩ của em.  **b. Đoạn văn tham khảo**  Gấp lại truyện ngắn “Gió lạnh đầu mùa” của Thạch Lam, lòng ta còn bâng khuâng nhớ đến nhân vật Sơn, đây là cậu bé có tâm hồn tinh tế, nhạy cảm, **giàu tình thương, trong sáng, đáng yêu, giàu lòng trắc ẩn (1).** Mở đầu truyện người đọc ân tượngvề Sơn vào buổi sáng chớm đông, cậu bé tinh tế nhận rasự biến đổi của thiên nhiên, cảnh vật khi bước vào mùa đông (2). Rồi khi vú giá nhắc đến chiếc áo bông, Sơn nhớ em Duyên (người em đã mất) Sơn cảm động và thương em quá , Sơn thấy mẹ rơm rớm nước mắt (3). Có thể nói, tuy còn rất nhỏ, nhưng Sơn là cậu bé ngoan ngoãn, sống giàu tình cảm, tinh tế biết quan sát và cảm nhận được tâm trạng cảm xúc của người thân (4). Rồi khi cùng chị đi chơi với các bạn nghèo ngoài xóm chợ, Sơn không khỏi xót xa khi nhìn thấy các bạn ăn mặc rách rưới, da tím tái lại dưới cái lạnh đầu mùa (5). Sơn và chị vẫn thân mật chơi đùa, và nhận ra trong số đó có cái Hiên đáng thương nhất (6). Sơn đã *“động lòng thương”* bạn và một *“ý nghĩ tốt thoảng qua”… “Sơn đã nói thầm với chị Lan về lấy chiếc áo bông cũ của em Duyên đem cho cái Hiên mặc”* khi gió lạnh đầu mùa đã tràn về (7). **Sơn và chị đều là những đứa sống giàu tình thương, tốt bụng, trong sáng, đáng yêu, giàu lòng trắc ẩn (7).** Sơn thấy lòng mình *“ấm áp vui vui”* khi đứng lặng yên chờ chị Lan chạy về lấy áo (8). Ý nghĩ, hành động cho bạn áo ấm là hành động thể hiện yêu thương vô tư, trong sáng của những đứa trẻ (9).Nét đẹp hồn nhiên, ngây thơ của Sơn và chị còn thể hiện hành động vội vã đi tìm Hiên để đòi lại chiếc áo bông cũ (10). Hai chị em không những không bị mẹ trách phạt mà mẹ Sơn còn tự hào về con mình (11). Khép lại câu chuyện là hành động đẹp đẽ của mẹ Sơn cho mẹ Hiên vay tiền mua áo cho con (12). Với cốt truyện nhẹ nhàng, ngôn ngữ truyện giàu chất thơ, tình huống đặc sắc, có những chi tiết truyện giàu ý nghĩa, Thạch Lam đã ca ngợi vẻ đẹp tâm hồn của trẻ thơ qua nhân vật Sơn (13). Qua đó Thạch Lam đã ca ngợi tình yêu thương chia sẻ ấm áp, trong trẻo của con người với con người, đặc biệt tình yêu thương vô tư của trẻ thơ (14). | |

**BTVN :**

- GV lưu ý HS: nhận biết được các chi tiết miêu tả hình dáng, cử chỉ, lời nói, suy nghĩ,... của nhân vật.

- Ôn tập: Mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ ( cụm danh từ, cụm động từ và cụm tính từ).

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | Ngày dạy : |  |

**Tiết 22-23-24**

**ÔN TẬP**

**MỞ RỘNG THÀNH PHẦN CHÍNH CỦA CÂU BẰNG CỤM TỪ**

**( CỤM DANH TỪ, CỤM ĐỘNG TỪ, CỤM TÍNH TỪ)**

**I- MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

- Cụm danh từ, cụm động từ và cụm tính từ.

- Tác dụng của việc mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ

- Cách mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm danh từ, cụm động từ và cụm tính từ.

**2. Năng lực:**

- Năng lực chung: năng lực tự chủ và tự học; năng lực giao tiếp.

- Năng lực chuyên biệt:

+ Hiểu được tác dụng của việc mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ

+ Nhận biết được cụm danh từ, cụm động từ và cụm tính từ.

+ Biết cách mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm danh từ, cụm động từ và cụm tính từ.

**3. Phẩm chất**: Có ý thức ôn tập nghiêm túc.

**II- CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH:**

**1. Giáo viên:** SGK, Bài soạn

**2. Học sinh**: SGK, vở ghi, ôn tập các kiến thức có liên quan.

**III- CÁC HOẠT ĐỘNG TRÊN LỚP**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **GV HDHS khái quát lại lí thuyết.**  *<?> Nêu các thành phần chính của câu? Dùng cụm từ làm thành phần chính của câu có tác dụng gì?*  - HS trao đổi, thảo luận cặp đôi, trả lời.  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, kết luận.  **GVHDHS ôn tập về cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ.**  **GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm 2 bàn.**  **Nhiệm vụ:**  **Bàn 1,2: Thế nào là cụm danh từ? Cấu tạo của cụm danh từ? Cho VD và phân tích.**  **Bàn 3,4: Thế nào là cụm động từ ? Cấu tạo của cụm động từ ? Cho VD và phân tích.**  **Bàn 5,6: Thế nào là cụm tính từ ? Cấu tạo của cụm tính từ ? Cho VD và phân tích.**  **HS trình bày kết quả hoạt động.**  **GV nhận xét, điều chỉnh.**  **GV lưu ý HS.** | **I. LÍ THUYẾT**  **1. Vai trò của việc mở rộng thành phần chính bằng cụm từ.**  - Thành phần chính của câu có thể là một từ, hoặc một cụm từ.  - Dùng cụm từ làm thành phần chính của câu cung cấp được nhiều thông tin hơn cho người đọc, người nghe.  **2. Các loại cụm từ:**  **a. Cụm danh từ**  – Cụm danh từ là tổ hợp từ do danh từ kết hợp với một số từ ngữ phụ thuộc nó tạo thành.  – Cấu tạo của cụm danh từ có đầy đủ 3 bộ phận:  + Các từ đứng trước danh từ trung tâm thường thể hiện số lượng sự vật mà danh từ trung tâm thể hiện: Ví dụ: *các, những, một, tất cả...*  + Phần trung tâm: danh từ chính.  + Các phụ ngữ ở phần sau nêu đặc điểm của sự vật mà danh từ biểu thị hoặc xác định vị trí của sự vật ấy trong không gian hay thời gian.  Ví dụ: *tất cả những/ bài hát/ về mẹ ấy*  + *tất cả những*: PT  + *bài hát:* PTT  + *về mẹ ấy:* PS  **b. Cụm động từ**  – Cụm động từ là loại tổ hợp từ do động từ kết hợp vói một số từ ngữ phụ thuộc nó tạo thành.  – Cấu tạo của cụm động từ có đầy đủ 3 bộ phận:  + Các phụ ngữ ở phần trước bổ sung cho động từ các ý nghĩa về quan hệ thòi gian, sự tiếp diễn tưong tự, khẳng định, phủ định,…  + Phần trung tâm: động từ chính.  + Các phụ ngữ ở phần sau bổ sung cho động từ các chi tiết về đối tượng, hướng, địa điểm, thời gian, cách thức, nguyên nhân, phương tiện,…  Ví dụ: *đang/đùa nghịch /ở sau nhà*  + *Đang*: PT  + *đùa nghịch*: PTT  + *ở sau nhà:* PS  **c. Cụm tính từ**  – Cụm tính từ là loại tổ họp từ do tính từ kết họp với một số từ ngữ phụ thuộc nó tạo thành.  – Cấu tạo của cụm tính từ có đầy đủ 3 bộ phận:  + Các phụ ngữ ở phần trước có thể biểu thị sự tiếp diễn tương tự; sự khẳng định hoặc phủ định hành động; mức độ của đặc điểm, tính chất;…  + Phận trung tâm: tính từ chính.  + Các phụ ngữ ở phần sau có thể biểu thị vị trí; sự so sánh; mức độ, phạm vi hay nguyên nhân của đặc điểm, tính chất;.. .  Ví dụ: *vẫn đang/trẻ /như một thanh niên*  + *Vẫn đang*: PT  +*trẻ*: PTT  + *như một thanh niên*: PS  **d. Lưu ý:**  – Không phải lúc nào các cụm danh từ, cụm tính từ, cụm động từ cũng có cấu tạo đầy đủ như trên. Có thể các cụm từ này chỉ bao gồm: Phụ ngữ trước và phần trung tâm hoặc phần trung tâm và phụ ngữ sau.  – Các cụm danh từ, cụm tính từ, cụm động từ có ý nghĩa đầy đủ hơn và có cấu tạo phức tạp hơn, nhưng hoạt động trong câu như những từ loại chính. |
| GV HDHS luyện tập, vận dụng  GV giao bài tập, HDHS thực hiện. | **III. Luyện tập- vận dụng** |
| **1.**Đọc kĩ đoạn văn sau và thực hiện yêu cầu ở dưới:  *… Một hôm có hai chàng trai đến cầu hôn. Một người ở vùng núi Tản Viên có tài lạ: vẫy tay về phía đông, phía đông nổi cồn bãi; vẫy tay về phía tây, phía tây mọc lên từng dãy núi đồi. Người ta gọi chàng là Son Tinh. Một người ở miền biển, tài năng cũng không kém: gọi gió, gió đến; hô mưa, mưa về. Người ta gọi chàng là Thuỷ Tinh…*  (Sơn Tinh, Thuỷ Tinh)  a) Hãy giải nghĩa từ *tay* và cho biết từ *tay* trong đoạn văn trên được dùng với nghĩa nào.  b) Đặt câu có từ tay được dùng với nghĩa chuyển.  c) Hãy phát triển từ tay thành một cụm danh từ có đầy đủ các thành phần, chỉ ra các thành phần ấy.  d) Cụm từ: *vẫy tay về phía đông* thuộc loại cụm từ gì?  **2.**Cho đoạn văn sau:  *Khi cậu bé vừa khôn lớn thì mẹ chết. Cậu sống lủi thủi ưong một túp lều cũ dựng dưới gốc đa, cả gia tài chỉ có một lưỡi búa của cha để lại. Người ta gọi cậu là Thạch Sanh. Năm Thạch Sanh bắt đầu biết dùng búa, Ngọc Hoàng sai thiên thần xuống dạy cho đủ các môn võ nghệ và mọi phép thần thông.*  (Thạch Sanh)  a) Tìm cụm danh từ, cụm động từ và phân tích cấu tạo của các cụm từ.  b) Tìm số từ và cho biết ý nghĩa của số từ.  **3.**Cho đoạn văn sau:  *… Vua cha xem qua một lượt rồi dừng lại trước chồng bánh của Lang Liêu, rất vừa ý, bèn gọi lên hỏi. Lang Liêu đem giấc mộng gặp thần ra kể lại. Vua cha ngẫm nghĩ rất lâu rồi chọn hai thứ bánh ấy đem tế Trời, Đất cùng Tiên vương…*  (Bánh chưng, bánh giầy)  a) Tìm cụm động từ, cụm tính từ và phân tích cấu tạo của các cụm từ đó.  b) Xác định từ loại của từ *vừa ý*. Phát triển từ đó thành cụm từ.  **4.** Với từ *tính toán*, hãy phát triển thành: cụm động từ, cụm tính từ, cụm danh từ.  **5.** Viết đoạn văn (tối đa 15 dòng) kể lại một trò chơi dân gian mà em đã tham gia hoặc chứng kiến. Sau đó chỉ ra trong đoạn văn vừa viết một cụm danh từ, một cụm động từ, một cụm tính từ…  **Gợi ý**  **1.**a) Giải nghĩa từ tay: là một bộ phận của cơ’thể dùng để cầm nắm. Từ tay trong đoạn văn được dùng vói nghĩa gốc.  b) Đặt câu có từ tay được dùng vói nghĩa chuyển.  Ví dụ: Cô ấy có tay nghề rất giỏi.  c) Phát triển từ tay thành một cụm danh từ có đầy đủ các thành phần:  Ví dụ: Tất cả những/ cánh tay/ mạnh mẽ ấy  + Tất cả những: PT  +cánh tay: PTT  + mạnh mẽ ấy: PS  d) Cụm từ vẫy tay về phía đông thuộc loại cụm động từ.  **2.**a) Ví dụ một số cụm danh từ, HS tự tìm và phân tích cấu tạo các cụm danh từ còn lại.  – một/ túp lều/ cũ  + một: PT  + túp lều: PTT  + cũ: PS  Ví dụ một số cụm động từ, HS tự tìm và phân tích cấu tạo các cụm động từ còn lại.  – vừa/khôn lớn  + vừa: PT  + khôn lớn: PTT  – sống/ lủi thủi  + sống: PT  + lủi thủi: PS  b) Số từ và ý nghĩa của số từ:  một (túp lều), một (lưỡi búa): số từ chỉ số lượng.  **3.**a) Tham khảo phần gợi ý 2.a).  b) Từ loại của từ *vừa ý*: tính từ.  Phát triển từ vừa ý thành cụm từ, ví dụ: rất vừa ý.  **4.**Với từ *tính toán*  – Phát triển thành cụm động từ: đã tính toán kĩ.  – Phát triển thành cụm tính từ: rất tính toán.  – Phát triển thành cụm danh từ: những tính toán ấy. | |

**BTVN :**

**-** Tìm cụm danh từ trong các câu sau :

*a) Ngày xưa, ở đất Lạc Việt, cứ như bây giờ là Bắc Bộ nước ta, có một vị thần thuộc nòi rồng, con trai thần Long Nữĩ, tên là Lạc Long Quân.*

*(Con Rồng cháu Tiên)*

*b) Bấy giờ ở vùng núi cao phương Bắc, có nàng Âu Cơ thuộc dòng họ Thần Nông, xinh đẹp tuyệt trần.*

*(Con Rồng cháu Tiên)*

*c) Chú bé vùng dậy, vươn vai một cái bỗng biến thành một tráng sĩ mình cao hơn trượng, oai phong lẫm liệt.*

*(Thánh Gióng)*

*d) Chẳng bao lâu, tôi đã trở thành một chàng dế thanh niên cường tráng.*  
                                                                  (Tô Hoài)

**2.** Cho đoạn trích sau đây :

a. *"Một hôm, Mã Lương vẽ con cò trắng không mắt. Vì một chút sơ ý, em đánh rơi một giọt mực xuống bức tranh. Giọt mực rơi đúng chỗ mắt cò. Thế là cò mở mắt, xoè cánh, bay đi. Chuyện làm chấn dộng cả thị trấn. Mấy kẻ mách lẻo đến tố giác với nhà vua. Vua phải triệu thần đến đón Mã Lương về kinh đô. Mã Lương không muốn đi, nhưng bọn họ tìm đủ cách dụ dỗ, doạ nạt để bắt em về hoàng cung".*

*(Cây bút thần)*

b. *"Vua có công chúa vừa đến tuổi lấy chồng. Hoàng tử nhiều nước sai sứ đến hỏi công chúa làm vợ nhưng không ai vừa ý nàng. Nhà vua phải mở một hội lớn cho hoàng lử các nước và con trai trong thiên hạ tới dự, để công chúa trên lầu cao ném quả cầu may : hễ quà cầu rơi trúng người nào, công chúa sẽ lấy người ấy làm chồng. Khi công chúa sắp sửa ném quả cầu, bỗng nàng bị một con đại bàng khổng lồ cắp di. Đại bàng bay qua túp lều của Thạch Sanh. Trông thấy nó, Thạch Sanh liền dùng cung tên vàng bắn theo".*

*(Thạch Sanh)*

- Tìm các danh từ trong đoạn trích.

- Điền các cụm danh từ đã tìm dược vào mô hình cụm danh từ. Các cụm danh từ em vừa tìm được có đầy đủ các phần không ?

**3.** Có hai tiếng *anh, em* ghép với nhau.

a) Các trường hợp sau, trường hợp nào *anh em* là từ, trường hợp nào *anh em* là cụm từ ? Vì sao ?

*- Hai anh em đi đâu mà bây giờ mới về ?*

- *Anh em ở nhà hay cùng mẹ đi chơi ?*

- *Anh em đi vắng, chốc nữa sẽ về anh ạ.*

- *Người đội mũ đỏ là anh em.*

*- Anh em bộ đội đang sinh hoạt.*

b) Thay hoặc thêm các từ thích hợp vào tổ hợp *anh em* trong các câu trên.

**4**. a) Đặt các cụm danh từ có trung tâm là những danh từ sau đây : *nhân dân, mèo, đồng bào, xe, nước, bàn ghế.*

b) Thử nhận xét các phụ ngữ trước và sau các danh từ dã cho.

- Ôn tập về thơ lục bát

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | Ngày dạy : |  |

**Tiết 25-26-27**

**ÔN TẬP VỀ THƠ LỤC BÁT**

**I- MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

- Thơ lục bát.

**2. Năng lực:**

- Năng lực chung: năng lực tự chủ và tự học; năng lực giao tiếp.

- Năng lực chuyên biệt: Nhận biết được số tiếng, số dòng, vần, nhịp của thơ lục bát; bước đẩu nhận xét được nét độc đáo của một bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ; nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ VB.

**3. Phẩm chất**:

- Có ý thức ôn tập nghiêm túc.

**II- CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH:**

**1. Giáo viên:** SGK, Bài soạn

**2. Học sinh**: SGK, vở ghi, ôn tập các kiến thức có liên quan.

**III- CÁC HOẠT ĐỘNG TRÊN LỚP**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **GV HDHS khái quát lại tri thức Ngữ văn**  ***<?>*** *Nhắc lại đặc điểm của thể thơ lục bát? Cần lưu ý những điều gì khi đọc hiểu một bài thơ lục bát?*  - HS tái hiện kiến thức, trả lời.  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, kết luận.  **GVHDHS ôn tập chùm ca dao về quê hương, đất nước.**  Hoạt động nhóm tổ, hoàn thiện phiếu học tập sau:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Bài ca dao | Từ ngữ, hình ảnh độc đáo | Giải thích | | 1 |  |  | | 2 |  |  | | 3 |  |  | | **I. Đặc điểm của thơ lục bát**  - Lục bát là thể thơ truyền thống của dân tộc Việt Nam, có sức sống mãnh liệt, mang đậm vẻ đẹp tâm hồn con người Việt Nam.  ***- Số câu, số chữ mỗi dòng:*** Mỗi bài thơ ít nhất gồm hai dòng với số tiếng cố định: dòng sáu tiếng (dòng lục) và dòng tám tiếng (dòng bát).  ***- Gieo vần:***  + Gieo vần chân và vần lưng.  + Tiếng thứ sáu của dòng lục gieo vần xuống tiếng thứ sáu của dòng bát, tiếng thứ tám của dòng bát gieo vần xuống tiếng thứ sáu của dòng lục tiếp theo  ***- Ngắt nhịp:***  thường ngắt nhịp chẵn (mỗi nhịp hai tiếng)  **2. Cách đọc hiểu tác phẩm thơ lục bát**  - Cần biết rõ tên tác phẩm, tên tập thơ, tên tác giả, năm xuất bản, tìm hiểu những thông tin liên quan đến hoàn cảnh sáng tác bài thơ.  - **Cần hiểu được bài thơ là lời của ai, nói về ai, về điều gì?**  - Đọc kĩ bài thơ, cảm nhận ý thơ qua **các yếu tố hình thức của bài thơ lục bát: nhan đề, dòng thơ, số khổ thơ, vần và nhịp, các hình ảnh đặc sắc, các biện pháp tu từ,…**. Ý thơ ở đây là cảm xúc, suy nghĩ, tâm trạng, những sự việc, sự vật,… Đồng cảm với nhà thơ, dùng liên tưởng, tưởng tượng, phân tích khả năng biểu hiện của từng từ ngữ, chi tiết, vần điệu,… mới cảm nhận được ý thơ, thấu hiểu hình tượng thơ, cái tôi trữ tình, nhân vật trữ tình  **- Chỉ ra được tình cảm, cảm xúc của người viết và tác động của chúng đến suy nghĩ và tình cảm của người đọc.**  **-**Từ những câu thơ đẹp, lời thơ lạ, ý thơ hay, từ hình tượng thơ, cái tôi trữ tình, nhân vật trữ tình, hãy lùi xa ra và nhìn lại để lí giải, đánh giá toàn bài thơ cả về nội dung và nghệ thuật. Cần chỉ ra được những nét độc đáo, sáng tạo trong hình thức biểu hiện; những đóng góp về nội dung tư tưởng.  **II. Chùm ca dao về quê hương đất nước** |
| |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Bài ca dao** | **Từ ngữ, hình ảnh độc đáo** | **Tác dụng** | | **1** | + Hình ảnh *“cành trúc la đà”, “khói tỏa ngàn sương”*  + Âm thanh *“Tiếng chuông Trấn Vũ, canh gà Thọ Xương”,*  *+ Ẩn dụ:“Mặt gương Tây Hồ”* | Bức tranh kinh thành Thăng Long mang vẻ đẹp cổ kính, thơ mộng, yên bình. Tình yêu, niềm tự hào của tác giả về vẻ đẹp của Thăng Long. | | **2** | + cách dùng câu hỏi, và những  cách tính độ dài đường đi cụ  thể, vừa mộc mạc *“ bao xa”,*  *“một trái núi, ba quãng đồng”*  +*“ai ơi”*là tiếng gọi, lời mời  +: *“Núi thành Lạng”, “sông*  *Tam Cờ”* vẻ đẹp của cảnh sắc  núi sông*.*  *+“Kìa”* điệp từ | -Vẻ đẹp hùng vĩ, khoáng đạt, nên  thơ của xứ Lạng.  - Niềm tự hào, yêu mến của tác  giả dân gian | | **3** | + Các địa danh liệt kê: chợ  Đông Ba, Đập Đá, thôn Vĩ Dạ,  Ngã Ba Sình.  + Từ láy *“lờ đờ”*  + Âm thanh *“tiếng hò xa vọng”* | - Vẻ đẹp của xứ Huế mộng mơ, êm đềm, trầm mặc với sông nước mênh mang, điệu hò tha thiết lay động lòng người.  - Niềm tự hào, yêu mến của tác  giả dân gian. | | |
| *<?> Khái quát đặc điểm chung của chùm ca dao?*  GVHDHS nhắc lại kiến thức chung về văn bản.  *- Tác giả?*  *- Tác phẩm?* | **1. Thể thơ:** Lục bát  **2. Chủ đề:** Tình yêu quê hương đất nước  **3. Nghệ thuật.**  - Thể thơ lục bát, lục bát biến thể với cách gieo vần hài hòa, tạo âm hưởng thiết tha .  - Ngôn ngữ, hình ảnh thơ thân thuộc, bình dị, giàu sức gợi  - Sử dụng nhiều phép tu từ , nhân hóa, điệp ngữ đặc sắc.  **4. Nội dung.**  - Ca ngợi vẻ đẹp của thiên nhiên, của cuộc sống lao động bình dị trên mọi miền của đất nước.  - Tác giả gửi gắm lòng tự hào, tình yêu tha thiết của mình với quê hương đất nước, con người.  **III. Ôn tập văn bản “ Chuyện cổ nước mình”**  **1. Tác giả:**  **-** Lâm Thị Mỹ Dạ sinh năm 1949, quê ở huyện [Lệ Thủy](https://vi.wikipedia.org/wiki/L%E1%BB%87_Th%E1%BB%A7y,_Qu%E1%BA%A3ng_B%C3%ACnh), tỉnh [Quảng Bình](https://vi.wikipedia.org/wiki/Qu%E1%BA%A3ng_B%C3%ACnh)  - Thơ Lâm Thị Mỹ Dạ nhẹ nhàng, đằm thắm, trong trẻo, thể hiện tâm hồn tinh tế, giàu yêu thương.  - Tập thơ tiêu biểu của nhà thơ: Hái tuổi em đầy tay (thơ, 1989); *Mẹ và con* (thơ, 1994); *Hồn đầy hoa cúc dại* (thơ, 2007)...  **2. Tác phẩm:**  **- Năm sáng tác**: Sáng tác năm 1979  **- Thể thơ**: lục bát  + Gieo vần: *“ta- xa”, “hiền- tiên”...*  + Ngắt nhịp câu sáu: 2/2/2; câu tám: 4/4  - Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm  **- Bố cục: 2 phần**  + Phần 1: Vẻ đẹp chuyện cổ nước mình.  + Phần 2: Ý nghĩa chuyện cổ nước mình.  **- Đặc sắc nội dung và nghệ thuật:**  ***+ Nghệ thuật:***   * Thể thơ lục bát dễ đọc, dễ nhớ. * Giọng thơ nhẹ nhàng, tâm tình * Các biện pháp tu từ: nhân hóa (chuyện cổ thầm thì), so sánh (đời cha ông với đời tôi)….   ***+ Nội dung:***   * Ngợi ca ý nghĩa to lớn và những bài học về đạo lí làm người chứa trong kho tàng chuyện cổ dân gian của nước nhà. * Nhà thơ gián tiếp khẳng định: Kho tàng chuyện cổ nước nhà có giá trị vô cùng to lớn và sẽ tồn tại mãi muôn đời sau. |
| GV HDHS luyện tập, vận dụng  GV giao bài tập, HDHS thực hiện. | **IV. Luyện tập- vận dụng** |
| **Bài 1: Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi:**  *Việt Nam đất nước ta ơi*  *​Mênh mông biển lúa đâu trời đẹp hơn*  *Cánh cò bay lả rập rờn*  *​Mây mờ che đỉnh Trường Sơn sớm chiều.*  ( Trích*Bài thơ Hắc Hải –*Nguyễn Đình Thi)  **Câu 1:** Xác định thể thơ và phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ.  **Câu 2:** Nêu nội dung chính của đoạn thơ .  **Câu :** Chỉ ra và nêu tác dụng của việc sử dụng từ láy trong đoạn thơ .  **Câu 4 :** Hãy ghi lại một bài ca dao có cùng chủ đề với đoạn thơ trên.  **Bài 2: Đọc bài ca dao sau và trả lời các câu hỏi:**  “Công cha như núi ngất trời Nghĩa mẹ như nước ở ngoài biển Đông Núi cao biển rộng mênh mông Cù lao chín chữ ghi lòng con ơi”  **Câu 1:** Xác định thể thơ và phương thức biểu đạt chính của bài ca dao.  **Câu 2:** Nêu nội dung chính của bài ca dao .  **Câu :** Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ so sánh trong bài ca dao.  **Câu 4 :** Hãy viết một đoạn văn ngắn bày tỏ cảm xúc của em về bài ca dao.  **Bài 3: Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi:**  *“Chắt trong vị ngọt mùi hương*  *Lặng thầm thay những con đường ong bay*  *Trải qua mưa nắng vơi đầy*  *Men trời đất đủ làm say đất trời*  *Bầy ong giữ hộ cho người*  *Những mùa hoa đã tàn phai tháng ngày”*  (Trích *Hành trình của bầy ong- Nguyễn Đức Mậu)*  **Câu 1:** Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ trên.  **Câu 2:** Nêu nội dung chính của đoạn thơ?  **Câu 3:** Giải nghĩa từ *“say”* trong câu thơ: “*Men trời đất đủ làm say đất trời*”. Nêu hiệu quả của việc dùng từ “*say”* ở câu thơ?  **Câu 4:** Từ hành trình tìm kiếm mật ngọt của bầy ông trong đoạn thơ, em liên tưởng đến những hình ảnh của những con người như thế nào trong cuộc sống? Lí giải tại sao em có được liên tưởng đó  **Gợi ý**  **Bài 1:**  **Câu 1:** Xác định thể thơ và phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ.  - Thể thơ: Lục bát  - Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm  **Câu 2:** Nêu nội dung chính của đoạn thơ .  - Đoạn thơ khắc họa vẻ đẹp thiên nhiên đất nước Việt Nam. Qua đó, tác giả gửi gắm tình yêu và niềm tự hào của mình về quê hương, đất nước.  **Câu :** Chỉ ra và nêu tác dụng của việc sử dụng từ láy trong đoạn thơ .  - Từ láy: *mênh mông, rập rờn*  - Tác dụng: Từ láy *mênh mông, rập rờn* đã góp phần khắc họa cụ thể, sinh động vẻ đẹp của của thiên nhiên, đất nước, làm cho những cảnh vật hiện lên chân thực, gần gũi, thanh bình, giản dị, mộc mạc; đồng thời thể hiện tình yêu của tác giả đối với những vẻ đẹp bình dị, dân dã của quê hương.  **Câu 4 :** Hãy ghi lại một bài ca dao có cùng chủ đề với đoạn thơ trên.  **Bài 2:**  **Câu 1:** Xác định thể thơ và phương thức biểu đạt chính của bài ca dao.  - Thể thơ: Lục bát  - Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm  **Câu 2:** Nêu nội dung chính của bài ca dao .  - Sự hy sinh lớn lao, tình yêu bao la của cha mẹ dành cho con cái.  - Lời nhắc nhở con phải ghi nhớ, biết ơn, hiếu thảo và đền đáp công cha nghĩa mẹ  **Câu :** Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ so sánh trong bài ca dao.  - Biện pháp tu từ so sánh “công cha” với “núi ngất trời”; “nghĩa mẹ” với “nước ở ngoài biển Đông”.  - Phép so sánh đã cho thấy công lao to lớn của cha mẹ với con cái.  **Câu 4 :** Hãy viết một đoạn văn ngắn bày tỏ cảm xúc của em về bài ca dao.  Công cha như núi ngất trời,Nghĩa mẹ như nước ở ngoài Biển Đông.Núi cao biển rộng mênh mông,Cù lao chín chữ ghi lòng con ơi!  Không biết từ bao giờ, bài ca dao trên luôn vang vọng trong tâm hồn mỗi con người, gợi nhắc ta về tình cảm gia đình thiêng liêng, tình yêu thương của cha mẹ với con cái ***.*** Với giọng điệu thủ thỉ, tâm tình của người mẹ với con trong lúc hát ru, mẹ gợi nhắc đến “Công cha”, “nghĩa mẹ”. Đó là cách bày tỏ tình yêu thương con tha thiết. Bằng những hình ảnh so sánh đặc sắc, tác giả dân gian lấy “ *Núi ngất trời*” để ví với “Công cha”, cũng đủ để khẳng định công lao của cha là lớn lao đến vô cùng, vô tận. Còn *“nghĩa mẹ*” được ví với “nước ở ngoài biển Đông” bao la, mênh mông không kể xiết. Hình ảnh so sánh cụ thể, lấy cái to lớn, mênh mông, vô tận, vĩnh hằng của thiên nhiên để so sánh với công lao cha mẹ. Hai câu thơ đầu cũng là lời bày tỏ tình yêu thương bao la của cha mẹ với con cái. Tác giả dân gian c**a ngợi công lao to lớn, những hi sinh không thể đo đếm của cha mẹ với chúng ta.** Hai câu sau là lời nhắn gửi thiết tha với con. Để con ghi nhớ, bài ca dao dùng cách lặp lại hình ảnh như một khẳng định để con khắc cốt ghi tâm *“Núi cao, biển rộng mênh mông”.* Các tính từ tiên tiếp xuất hiện như mở ra trước mắt con một khung trời bao lao, vô tận, vĩnh hằng của thiên nhiên. Hay nói đúng hơn là khắc sâu tình yêu, đức hi sinh, công lao của cha mẹ với con. Chín chữ cù lao kể sao cho xiết! Cụm từ “*ghi lòng con ơi!”* cuối bài ca dao tạo âm vang tha thiết. Lời nhắn gửi xúc động để con ghi lòng tức là luôn nhớ, không bao giờ ðýợc quên. Chỉ thế thôi, bài ca nhắc nhở bổn phận làm con phải biết õn, yêu kính, hiếu thảo với cha mẹ! Bằng những câu thõ lục bát nhẹ nhàng, giọng thõ tâm tình, sâu lắng, bài ca dao đã làm xúc động bao tâm hồn, là tiếng gọi nhớ về cha mẹ, quê hương cho ai xa quê, xa cha mẹ.  **Bài 3:**  **Câu 1:** Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ trên.  Biểu cảm  **Câu 2:** Nêu nội dung chính của đoạn thơ?  - Ý nghĩa của hành trình đi tìm mật, và giá trị của sản phẩm mà bầy ong đem đến cho con người trong cuộc hành trình gian khổ của mình.  **Câu 3:** Giải nghĩa từ *“say”* trong câu thơ: “*Men trời đất đủ làm say đất trời*”. Nêu hiệu quả của việc dùng từ “*say”* ở câu thơ? - Giải nghĩa từ *“say”* trong câu thơ: “*Men trời đất đủ làm say đất trời*” là: say mê, ở trạng thái bị tập trung, cuốn hút hoàn toàn vào một công việc hứng thú nào đó.- Tác giả dùng từ “say” để cho thấy giá trị của sản phẩm mà bầy ong đem lại cho cuộc đời là vô cùng quý giá, đó kết quả của một hành trình gian khổ để chắt chiu những hương vị, mật ngọt ở muôn hoa. Vì vậy, hành trình đó đã đem lại giá trị vô cùng ý nghĩa, tạo ra sức cuốn hút vô cùng với đất trời, con người. **Câu 4:** Từ hành trình tìm kiếm mật ngọt của bầy ông trong đoạn thơ, em liên tưởng đến những hình ảnh của những con người như thế nào trong cuộc sống? Lí giải tại sao em có được liên tưởng đó  - Công việc lao động thầm lặng và gian khổ của các y bác sĩ, các tình nguyện viên trong mùa dịch để cứu bệnh nhân mắc Cô- vít ở Bắc Giang, Thành phố Hồ Chí Minh.  - Hình ảnh những bác công nhân làm công tác vệ sinh môi trường trong mùa nóng. ..  -> Họ cũng giống như những con ong chăm chỉ cần mẫn, lặng lẽ làm việc để cống hiến sức lực của mình, làm đẹp cho cuộc đời. | |

**BTVN :**

- GV lưu ý HS: đặc điểm của thể thơ lục bát và cách đọc- hiểu văn bản thơ lục bát.

- Ôn tập: Từ đồng âm và từ đa nghĩa; Hoán dụ.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | Ngày dạy : |  |

**Tiết 28-29-30**

**ÔN TẬP TỪ ĐỒNG ÂM, TỪ ĐA NGHĨA**

**HOÁN DỤ**

**I- MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

- Từ đồng âm, từ đa nghĩa, cách dùng một số từ đồng âm, từ đa nghĩa thường gặp trong các ngữ cảnh quen thuộc và điển hình.

- Biện pháp tu từ hoán dụ, tác dụng của việc sử dụng biện pháp tu từ này.

**2. Năng lực:**

- Năng lực chung: năng lực tự chủ và tự học; năng lực giao tiếp.

- Năng lực chuyên biệt:

+ Hiểu và phân biệt rõ từ đồng âm, từ đa nghĩa, cách dùng một số từ đồng âm, từ đa nghĩa thường gặp trong các ngữ cảnh quen thuộc và điển hình.

+ Nhận biết được biện pháp tu từ hoán dụ, chỉ ra được tác dụng của việc sử dụng biện pháp tu từ này.

**3. Phẩm chất**:

- Có ý thức ôn tập nghiêm túc.

**II- CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH:**

**1. Giáo viên:** SGK, Bài soạn

**2. Học sinh**: SGK, vở ghi, ôn tập các kiến thức có liên quan.

**III- CÁC HOẠT ĐỘNG TRÊN LỚP**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **GV HDHS khái quát lại lí thuyết.**  **HS thực hiện nhóm tổ:**  ***Nhóm 1,2: Thế nào là từ đa nghĩa? Lấy ví dụ.***  ***Nhóm 3,4: Thế nào là từ đồng âm ? Lấy ví dụ.***  HS thảo luận, ghi kết quả ra bảng nhóm, cử đại diện trả lời-> nhận xét chéo.  GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, kết luận.  ***<?> Phân biệt từ đồng âm và từ đa nghĩa?***  **Thảo luận chung cả lớp.**  GV lưu ý:  Từ đồng âm: bản chất là những từ khác nhau, có vỏ âm thanh giống nhau, do đó nghĩa của chúng khác xa nhau, chẳng có mối liên hệ nào.  Từ đa nghĩa: bản chất là một từ, có nhiều nghĩa, các nghĩa có mối liên quan, nghĩa chuyển bao giờ cũng sinh ra trên cơ sở nghĩa gốc.  ***<?> Hoán dụ là gì? Có mấy kiểu hoán dụ? Cho ví dụ.*** | **I. NHẮC LẠI LÍ THUYẾT**  **1. Từ đa nghĩa:**  - Từ đa nghĩa là từ có hai hay nhiều hơn hai nghĩa, các nghĩa này có liên quan với nhau.  **Ví dụ:**Từ "ăn" có hơn 10 nghĩa, trong đó có các nghĩa như: a) đưa thức ăn vào cơ thể qua miệng (ăn cơm); b) ăn uống nhân dịp gì đó (ăn Tết); c) máy móc phương tiện giao thông tiếp nhận nhiên liệu (tàu ăn than);... **2.** **Từ đồng âm:**  - Từ đồng âm là những từ có âm giống nhau nhưng nghĩa khác nhau, không có mối liên hệ nào với nhau.  - **Ví dụ:** đường với nghĩa chất kết tinh có vị ngọt (ngọt như đường) đồng âm với đường có nghĩa lối đi được tạo ra để nối các nơi (đường đến trường).  - Trong câu mỗi từ thường chỉ được dùng với một nghĩa. Để hiểu đúng nghĩa của từ trong câu, cần dựa vào các từ ngữ xung quanh nó. Tuy nhiên, trong một số trường hợp, người nói, người viết có thể cố ý dùng một từ theo hai nghĩa như một cách chơi chữ.  - **Ví dụ:** Trong bài ca dao sau, tác giả đã cố ý dùng từ lợi theo hai nghĩa: "Bà già đi chợ Cầu Đông/ Bói xem một quẻ lấy chồng lợi chăng/ Thầy bói gieo quẻ nói rằng/ Lợi thì có lợi nhưng răng chẳng còn".  **3. Phân biệt từ đồng âm và từ đa nghĩa**  **- *Giống nhau****:* Đều có hình thức âm thanh giống nhau ( đọc và viết).  **- *Khác nhau****:*  *+* Từ đồng âm là từ cùng âm thanh những nghĩa khác nhau.  Ví dụ:  Cô ấy được điểm ***chín*** ( chín: chỉ một con số).  Cánh đồng bát ngát lúa ***chín*** ( chín: lúa đến lúc thu hoạch).  + Từ nhiều nghĩa là từ một nghĩa gốc có thể tạo thành nhiều nghĩa chuyển.  Ví dụ:  Cánh đồng bát ngát lúa ***chín*** ( nghĩa gốc).  Hãy nghĩ cho ***chín*** rồi mới nói ( chín: suy nghĩ kĩ càng, chắc chắn).  **3.** **Biện pháp tu từ hoán dụ**  Hoán dụ là gọi tên sự vật, hiện tượng, khái niệm này bằng tên một sự vật, hiện tượng, khái niệm khác có quan hệ gần gũi với nó nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.  - Có 4 kiểu hoán dụ thường gặp:  + Lấy một bộ phận để gọi toàn thể;  + Lấy vật chứa đựng để gọi vật bị chứa đựng;  + Lấy dấu hiệu của sự vật để gọi sự vật;  + Lấy cái cụ thể để gọi cái trừu tượng  a. Suốt một đời người, từ thuở lọt lòng trong chiếc nôi tre, đến khi **nhắm mắt xuôi tay**, nằm trên chiếc giường tre, tre với mình sống có nhau, chết có nhau, chung thủy.  *Hình ảnh hoán dụ: Nhắm mắt xuôi tay:* nói đến cái chết.  b. Tre giữ làng giữ nước, giữ **mái nhà tranh, giữ đồng lúa chín.**  *Hình ảnh hoán dụ: Mái nhà tranh, đồng lúa chín*: thay thế cho quê hương, làng mạc, ruộng đồng nói chung.  c. Thị thơm thì giấu người thơm/Chăm làm thì được áo cơm cửa nhà  *Hình ảnh hoán dụ: Áo cơm cửa nhà*: nói đến của cải vật chất, những thứ tốt đẹp mà người tốt, hiền lành xứng đáng được hưởng. |
| GV HDHS luyện tập, vận dụng  GV giao bài tập, HDHS thực hiện. | **II. Luyện tập- vận dụng** |
| **Bài tập 1:** Trong Tiếng Việt, có một số từ chỉ bộ phận của cây cối được chuyển nghĩa để cấu tạo từ chỉ bộ phận cơ thể người. Hãy kể ra những trường hợp chuyển nghĩa đó.  **Gợi ý**  Lá phổi, lá gan, trái tim, cuống họng.  **Bài tập 2:** Xác định nghĩa của từ ***chín*** trong các câu sau:  a) Vườn cam **chín** đỏ.  b) Trước khi quyết định phải suy nghĩ cho **chín.**  c) Ngượng **chín** cả mặt.  d) Cơm sắp **chín**, có thể dọn cơm được rồi  **Gợi ý**  **Chín**: trạng thái quả, hạt) ở vào giai đoạn phát triển đầy đủ nhất, thường có màu đỏ hoặc vàng, có hương thơm, vị ngon; trái với *xanh*.   1. **Chín:** sự suy nghĩ) ở mức đầy đủ để có được hiệu quả 2. **Chín:** (màu da mặt) đỏ ửng lên 3. **Chín:** (thức ăn) được nấu nướng đến mức ăn được; trái với sống   **Bài tập 3: Tìm từ đa nghĩa, từ đồng âm trong những câu dưới đây:**  **a) Chạy**  - Ô tô chạy theo hướng Hà Nội - Hải Phòng.  - Trong mùa dịch Covid 19, nhiều gia đình phải chạy ăn từng bữa.  **b) bàn**  - Mẹ em mới mua cho em một cái bàn rất đẹp.  - Chúng em bàn nhau đi lao động ngày chủ nhật để giúp đỡ gia đình.  - Nam là cây làm bàn của đội bóng đá lớp tôi.  **Gợi ý**   1. - Ô tô chạy theo hướng Hà Nội - Hải Phòng.   🡪 chạy: di chuyển từ điểm này đến điểm khác.  - Trong mùa dịch Covid 19, nhiều gia đình phải chạy ăn từng bữa.  🡪 chạy: xoay sở, lo toan trong hoàn cảnh khó khăn.  **-** Mẹ em mới mua cho em một cái bàn rất đẹp.  🡪 bàn: vật dụng có mặt phẳng, dùng để đặt, để đồ đạc, thức ăn,...  - Chúng em bàn nhau đi lao động ngày chủ nhật để giúp đỡ gia đình.  🡪 bàn: hoạt động thảo luận trong một nhóm người để đi đến kết quả cuối cùng  - Nam là cây làm bàn của đội bóng đá lớp tôi.  🡪 bàn: điểm số, bàn thắng ghi được trong trận bóng  **Bài tập 4:** Phân biệt nghĩa của những từ đồng âm trong các cụm từ sau:  a) Cánh đồng - tượng đồng - một nghìn đồng.  b) Hòn đá – đá bóng.  c) Ba và má – ba tuổi.  **Gợi ý:**  a) - Cánh đồng: khoảng đất rộng và bằng phẳng, dùng để cày cấy, trồng trọt.  - Tượng đồng: làm bằng kim loại có màu đỏ, dễ dát mỏng và kéo sợi, thường dùng làm dây điện và chế hợp kim.  - Một nghìn đồng: đơn vị tiền Việt Nam.  b) - Hòn đá: Khoáng vật có thể đặc, rắn, giòn, thường kết thành tảng lớn, hợp phần của vỏ trái đất, dùng lát đường, vật liệu xây dựng nhà cửa, công trình kiến trúc.  - Đá bóng: đưa nhanh chân và hất mạnh bóng cho xa ra hoặc đưa bóng vào khung thành đối phương.  c) - Ba và má: bố, cha, thầy, mẹ, u, bầm… - một trong những cách xưng hô đối với người sinh thành ra mình.  - Ba tuổi: biểu thị số năm sinh sống trên đời là 3.  **Bài tập 5:**Cho đoạn thơ sau :  *Áo nâu liền với áo xanh*  *Nông thôn cùng với thị thành đứng lên.*  (Tố Hữu)  a) Trong đoạn thơ trẽn, tác giả đã sử dụng những từ ngữ nào để làm phép hoán dụ ?  b) Phép hoán dụ ở đây nhằm chỉ đối tượng nào ?  c) Tác dụng của các phép hoán dụ trong đoạn thơ.  **Gợi ý:**  a)  - Hình ảnh hoán dụ: “áo xanh” để chỉ công nhân, “Áo nâu” chỉ nông dân (Lấy dấu hiệu để chỉ vật có dấu hiệu)  - Hình ảnh hoán dụ “ nông thôn” và “thị thành” cũng đều người nông dân, người công nhân (Lấy vật chứa để chỉ vật bị chứa)  b. Tác giả muốn tránh lặp lại, đồng thời thay đổi nhiều tên gọi khác nhau làm cho câu thơ, đoạn thơ sinh động, uyển chuyển.  **Bài tập 6:**Cho các câu sau đây  *-Tay ta tay búa, tay cày*  *Tay gươm, tay bút dựng xây nước mình.*  (Tố Hữu)  *Đứng lên, thân cỏ, thân rơm*  *Búa liềm không sợ súng gươm bạo tàn*  (Tố Hữu)  Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước  Chỉ cần trong xe có một trái tim  (Phạm Tiến Duật)  a) Đó là những hoán dụ kiểu gì ?  b) Cách sử dụng hoán dụ như vậy có tác dụng gì ?  **Gợi ý:**  a. Học sinh trả lời câu hỏi sau đây để tìm lời giải.  – Các từ tay thay thế cho những ai ? Quan hệ giữa tên gọi (tay) và đối tượng cần biểu thị là quan hệ gì ? Đây có phải lấy bộ phận để chỉ toàn thể không ?   * + Búa liềm thay cho ai ? Súng gươm thay cho kẻ nào ? Đây có phải là lấy vật dụng để chỉ người không ? Theo đó học sinh tự giải bài tập này.   b. Hoán dụ:  - búa liềm: chỉ giai cấp nông dân và công nhân (nhân dân Việt Nam)  - súng gươm bạo tàn: chỉ lũ giặc tàn ác.  c. Hoán dụ: Trái tim: tình yêu nước, ý chí quyết tâm, nhiệt huyết cách mạng của người lính lái xe Trường Sơn trong kháng chiến chống Mỹ. | |

**BTVN :**

- GV lưu ý HS: phân biệt từ đồng âm và từ đa nghĩa; phân biệt hoán dụ, ẩn dụ.

- Ôn tập về kí

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | Ngày dạy : |  |

**Tiết 31-32-33**

**ÔN TẬP VỀ KÍ**

**I- MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

- Ôn tập hệ thống hóa kiến thức của các văn bản của thể kí: hình thức ghi chép, cách kể sự việc, người kể chuyện ngôi thứ nhất. Hiểu được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản, cảm nhận được nội dung và giá trị nghệ thuật của các văn bản Cô Tô (Nguyễn Tuân), Hang Én (Hà My)

**2. Năng lực:**

- Năng lực chung: năng lực tự chủ và tự học; năng lực giao tiếp.

- Năng lực chuyên biệt: Năng lực ngôn ngữ (đọc – viết – nói và nghe); năng lực văn học.

**3. Phẩm chất**:

- Yêu mến, tự hào về vẻ đẹp của quê hương, xứ sở; Có ý thức giữ gìn và bảo vệ thiên nhiên

- Có ý thức ôn tập nghiêm túc.

**II- CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH:**

**1. Giáo viên:** SGK, Bài soạn

**2. Học sinh**: SGK, vở ghi, ôn tập các kiến thức có liên quan.

**III- CÁC HOẠT ĐỘNG TRÊN LỚP**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **GV HDHS khái quát lại tri thức Ngữ văn:** Miêu tả nhân vật trong truyện kể.  <?> *Nhắc lại khái niệm về kí, đặc điểm của thể kí?*  - HS trao đổi, thảo luận cặp đôi, trả lời.  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, kết luận, lưu ý HS: Cách đọc hiểu một văn bản kí  *- Yêu cầu chung:*  + Nhận biết được văn bản kể về ai và sự việc gì; những chi tiết nào của bài kí mang tính xác thực;...  + Chỉ ra được hình thức ghi chép của bài kí; ngôi kể và tác dụng của ngôi kể thường dùng trong kí.  + Chỉ ra những câu, đoạn trong bài kí thể hiện suy nghĩ và cảm xúc của tác giả, nhận biết được tác dụng của những suy nghĩ và cảm xúc ấy đối với người đọc.  *-Yêu cầu riêng*: Văn bản du kí  + Nhận biết được văn bản ghi lại những điều có thật hay do tưởng tượng.  + Chỉ ra được những thông tin độc đáo, mới lạ, hấp dẫn về sự vật, con người, phong tục, cảnh sắc… trong bài du kí. | **I. KIẾN THỨC CHUNG VỀ THỂ KÍ**  **1. Định nghĩa**: **Kí**là một thể loại văn xuôi thường ghi lại sự việc và con người một cách xác thực.  **2.** **Phân loại:** Kí bao gồm nhiều thể, nhiều tiểu loại phong phú như: *kí sự, phóng sự, hồi kí, du kí, nhật kí, tuỳ bút, bút kí,…*  **+ Hồi kí**: là một thể của kí dùng để ghi chép lại những sự việc, những quan sát, nhận xét và tâm trạng có thực mà tác giả đã trải qua.  **+ Du kí:** Du kí là thể loại ghi chép vể những chuyến đi tới các vùng đất, các xứ sở nào đó. Người viết kể lại hoặc miêu tả những điều mắt thấy tai nghe trên hành trình của mình.  **3.** **Tính xác thực** của sự việc mà kí ghi chép được thể hiện qua một hoặc nhiều yếu tố cụ thể như thời gian (ngày, tháng, năm,...); địa điểm diễn ra sự việc; sự có mặt của người khác như người thân trong gia đình, bạn bè cùng tham gia vào một sự việc.  **4.** **Ngôi kể**: Người kể trong kí thường kể theo ngôi thứ nhất (người kể xưng *tôi*) |
| **GVHDHS ôn tập 2 văn bản: *Cô Tô, Hang Én.***  **Hình thức vấn đáp.**  **- Nhắc lại xuất xứ,thể loại, bố cục, giá trị nội dung và nghệ thuật của văn bản *Cô Tô.***  **- Nhắc lại xuất xứ,thể loại, bố cục, giá trị nội dung và nghệ thuật của văn bản *Hang Én***  **HS trình bày kết quả hoạt động.**  **GV nhận xét, điều chỉnh.** | |
| **II. VĂN BẢN CÔ TÔ**  **1. Xuất xứ:**  - *Cô Tô* được viết nhân một chuyến ra thăm đảo của nhà văn. VB được in trong tập *Kí*, xuất bản lần đầu năm 1976.  **2. Thể loại**: kí  **- Phương thức biểu đạt:** Tự sự kết hợp miêu tả, biểu cảm  **- Ngôi kể thứ nhất**: “Tôi” (chúng tôi) là tác giả  **- Trình tự kể:**  + Vị trí quan sát của người kể: trên nóc đồn khố xanh, từ đầu mũi đảo.  + Thời gian: Ngày thứ tư, thư năm, thứ sáu; lúc trước, trong, sau cơn bão; lúc mặt trời chưa mọc, mọc, cao bằng con sào...Trình tự thơi gian của kí.  **3. Bố cục**: 4 phần chính  + Phần 1: Từ đầu đến “*quỷ khốc thần linh”*: **Cơn bão biển Cô Tô**;  + Phần 2: “*Ngày thứ Năm trên đảo Cô Tô*… *lớn lên theo mùa sóng ở đây”*: **Cảnh Cô Tô một ngày sau bão** (điểm nhìn: trên nóc đồn biên phòng Cô Tô);  + Phần 3: “*Mặt trời*… *nhịp cánh”*: **Cảnh mặt trời lên trên biển Cô Tô** (điểm nhìn: nơi đầu mũi đảo);  + Phần 4: Còn lại: **Buổi sớm trên đảo Thanh Luân** (điểm nhìn: cái giếng nước ngọt ở rìa đảo).  **4. Đặc sắc nội dung và nghệ thuật**  ***- Nghệ thuật:***  + Lối ghi chép, cách kể sự việc theo trình tự thời gian; ghi chép bằng hình ảnh để tạo ấn tượng, ngôi kể thứ nhất.  + Ngôn ngữ miêu tả chính xác, giàu sức gợi, mang dấu ấn riêng.  + Sử dụng phép nhân hóa, so sánh với trí tưởng tượng bay bổng, tạo ra hình ảnh vừa kì vĩ, vừa gần gũi.  ***- Nội dung:***  + Vẻ đẹp của cảnh Cô Tô: tinh khôi mà dữ dội, đa dạng mà khác biệt.  **+** Ca ngợi vẻ đẹp của con người Cô Tô: sống cùng sự kì vĩ mà khắc nghiệt của thiên nhiên, bền bỉ mà lặng lẽ bám biển để lao động sản xuất để giữ gìn biển đảo quê hương.  + Tình yêu thiên nhiên và con người của tác giả được hòa quyện, đan dệt  **III. VĂN BẢN HANG ÉN**  **1. Xuất xứ:**  - Trích dẫn văn bản viết giới thiệu về hang Én trên trang thông tin điện tử Sở Du lịch Quảng Bình, 14/10/2020  - Tác giả: Hà My.  **2. Thể loại**: du kí  **- Phương thức biểu đạt:** Tự sự kết hợp miêu tả, biểu cảm  **- Ngôi kể thứ nhất**: “Tôi”là tác giả  **- Trình tự kể:**  + **Không gian**: Từ ngoài vào trong, hành trình khởi đầu từ con dốc **Ba Giàn**, đến thung lũng **Rào Thương** để đến với **Hang Én**.  **+ Thời gian**: **từ sáng** khi hành trình bắt đầu, đến khi **bóng tối** chùm xuống Hang Én.  **3. Bố cục**: 2 phần chính:  - Phần 1: Từ đầu đến “*lòng hang chính”*: **Hành trình đi đến hang Én**.  - Phần 2: Còn lại: **Khám phá vẻ đẹp bên trong hang Én:**  + Tiếp theo đến “*trần hang cao vài trăm mét”*: Kích thước của hang Én.  Tiếp theo đến “*đôi cánh ấy sẽ lành hẳn”*: Cuộc sống của bầy én trong hang.  + Tiếp theo đến “*tạo tác của tự nhiên”*: vẻ đẹp thiên nhiên ở sau hang Én.  + Tiếp theo đến “*tiếng phân chim rơi lộp độp trên mái lều”*: Hang Én khi trời tối.  + Tiếp theo đến hết: Hang Én vào sáng hôm sau.  **4. Đặc sắc nội dung và nghệ thuật**  ***- Nghệ thuật:***  + Lối ghi chép chân thực, sinh động; cách kể sự việc, ngôi kể thứ nhất phù hợp với thể kí giúp câu chuyện trở nên gần gũi, sống động, chân thực với người đọc  + VB có nhiều chi tiết miêu tả sinh động, sử dụng phép tu từ gợi hình, gợi cảm.  ***- Nội dung:***  + Vẻ đẹp hoang dã, nguyên sơ của thiên nhiên vùng lõi Vườn quốc gia Phong Nha- Kẻ Bàng.  + Vẻ đẹp khiến con người phải ngỡ ngàng, thán phục, nó đánh thức bản tình tự nhiên, khát vọng hòa đồng với tự nhiên của con người. | |
| GV HDHS luyện tập, vận dụng  GV giao bài tập, HDHS thực hiện. | **III. Luyện tập- vận dụng** |
| **ĐỀ SỐ 1: Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi**  *"*  […]*Mặt trời lại rọi lên ngày thứ sáu của tôi trên đảo Thanh Luân một cách thật quá là đầy đủ. Tôi dậy từ canh tư. Còn tối đất, cố đi mãi trên đá đầu sư, ra thấu đầu mũi đảo. Và ngồi đó rình mặt trời lên. Điều tôi dự đoán, thật là không sai. Sau trận bão, chân trời, ngấn bể sạch như tấm kính lau hết mây hết bụi. Mặt trời nhú lên dần dần, rồi lên cho kì hết. Tròn trĩnh phúc hậu như lòng đỏ một quả trứng thiên nhiên đầy đặn. Quả trứng hồng hào thăm thẳm và đường bệ đặt lên một mâm bạc đường kính mâm rộng bằng cả một cái chân trời màu ngọc trai nước biển ửng hồng. Y như một mâm lễ phẩm tiến ra từ trong bình minh để mừng cho sự trường thọ của tất cả những người chài lưới trên muôn thuở biển Đông. Vài chiếc nhạn mùa thu chao đi chao lại trên mâm bể sáng dần lên cái chất bạc nén. Một con hải âu bay ngang, là là nhịp cánh…”.*  (Trích *Cô Tô,* Nguyễn Tuân)  **Câu 1**. Nêu các phương thức biểu đạt và thể loại của đoạn trích trên.  **Câu 2**. Trong đoạn trích, để nhận ra vẻ đẹp của Cô Tô, nhà văn đã quan sát cảnh thiên nhiên và hoạt động của con người trên đảo ở những thời điểm nào và từ vị trí nào?  **Câu 3**. Chỉ ra và nêu tác dụng của phép tu từ trong câu văn sau:  *“Sau trận bão, chân trời, ngấn bể sạch như tấm kính lau hết mây hết bụi.”*  **Câu 4**. Từ đoạn văn trên, em thấy mình cần làm gì để bảo vệ thiên nhiên?  **Gợi ý:**  **Câu 1**. Các phương thức biểu đạt: Tự sự, miêu tả và biểu cảm.  Thể loại: Kí  **Câu 2**.  + Vị trí quan sát của người kể: trên những hòn đá đầu sư, từ đầu mũi đảo.  **+** Thời điểm: Sau cơn bão; từ lúc mặt trời chưa mọc đến lúc mặt trời mọc.  **Câu 3**.  Câu văn*“Sau trận bão, chân trời, ngấn bể sạch như tấm kính lau hết mây hết bụi.”*  \*Phép tu từ so sánh: “chân trời, ngấn bể” sau bão sạch sẽ được so sánh với “tấm kính lau hết mây bụi”  \*Tác dụng của biện pháp tu từ so sánh:  - Làm cho câu văn trở nên sinh động, hấp dẫn.  - Nhấn mạnh sự trong lành, thoáng đãng của chân trời, ngấn bể sau khi cơn bão đã đi qua.  - Cho thấy ngòi bút tài hoa, trí tưởng tượng bay bổng, tình yêu thiên nhiên, yêu biển đảo quê hương của nhà văn Nguyễn Tuân.  **Câu 4**  - Chúng ta có thể làm rất nhiều việc để góp phần bảo vệ thiên nhiên:  + Trồng cây xanh và bảo vệ rừng, nhất là rừng đầu nguồn.  + Không xả rác, đốt rác bừa bãi ra môi trường, tổ chức các chiến dịch dọn sạch rác ở sông, hồ, bãi biển,…  + Tuyên truyền cho mọi người về tầm quan trọng của thiên nhiên,... để góp phần vào công cuộc bảo vệ thiên nhiên.  **ĐỀ SỐ 2**  **Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:**  *“* […]*Cái giếng nước ngọt đảo Thanh Luân sớm nay có không biết bao nhiêu người đến gánh và múc. Múc nước giếng vào thùng gỗ, vào những cong, những ang gốm màu da lươn. Lòng giếng vẫn còn rót lại vài cái lá cam lá quýt của trận bão vừa rồi đi qua quẳng vào. Chỗ bãi đá nuôi sáu mươi vạn con hải sâm ngoài kia, bao nhiêu là thuyền của hợp tác xã đang mở nắp sạp đổ nước ngọt vào. Sau trận bão, hôm nay, hợp tác xã Bắc Loan Đầu cho 18 thuyền lớn nhỏ cùng ra khơi đánh cá hồng. Anh hùng Châu Hòa Mãn cùng bốn bạn xã viên đi chung một thuyền. Anh quẩy15 gánh cho thuyền anh: “Đi ra khơi, xa lắm mà. Có khi mười ngày mới về. Nước ngọt cho vào sạp chỉ để uống. Vo gạo, thổi cơm cũng không được lấy nước ngọt. Vo bằng nước biển thôi.”*  *Từ đoàn thuyền sắp ra khơi đến cái giếng ngọt, thùng và cong và gánh nối tiếp đi đi về về. Trông chị Châu Hòa Mãn địu con, thấy nó dịu dàng yên tâm như cái hình ảnh của biển cả là mẹ hiền mớm cá cho lũcon hiền lành.”*  (Trích *Cô Tô,* Nguyễn Tuân)  **Câu 1**. Xác định phương thức biểu đạt chính được dùng trong đoạn văn trên.  **Câu 2.** Chỉ ra hình ảnh so sánh nhiều tầng bậc trong câu văn sau và nêu tác dụng của phép tu từ so sánh đó.  “*Trông chị Châu Hòa Mãn địu con, thấy nó dịu dàng yên tâm như cái hình ảnh của biển cả là mẹ hiền mớm cá cho lũcon hiền lành”*  **Câu 3**. Đặt nhan đề cho đoạn văn.  **Câu 4**. Thông điệp ý nghĩa nhất với em qua đoạn trích trên là gì? Lí giải lí do.  **Gợi ý:**  **Câu 1**. Phương thức biểu đạt chính được dùng trong đoạn văn trên: Tự sự  **Câu 2.**  Hình ảnh chị Châu Hòa Mãn địu con: hình ảnh so sánh nhiều tầng bậc với các cặp so sánh:  + Biển cả – người mẹ hiền  + Biển cho tôm cá – mẹ mớm thức ăn cho con  + Người dân trên đảo – lũ con lành của biển  Tác dụng:  + Ca ngợi, tôn vinh vẻ đẹp của con người lao đông Cô Tô, chính họ là những người lao động mới đang từng ngày cống hiến cho đất nước.  + Tạo cho người đọc ấn tượng sâu sắc khó quên về khung cảnh, tiềm năng của biển Cô Tô.  + Tình yêu thiên nhiên và con người của tác giả được hòa quyện, đan dệt.  **Câu 3**. Đặt nhan đề cho đoạn văn: HS có thể có nhiều cách đặt, miễn là hợp lí là được:  Ví dụ: - Cô Tô- nơi con người lao động bám biển, vươn khơi.  - Cuộc sống nhộn nhịp trên đảo Cô Tô.  - Vẻ đẹp của con người nơi Cô Tô.  ....  **Câu 4**. HS rút ra thông điệp ý nghĩa với bản thân mình và lí giải.  Có thể nêu: Thông điệp có ý nghĩa nhất với em: Hãy yêu và quan tâm giữ gìn biển đảo quê hương. Vì :  + Biển đảo là một phần lãnh thổ thiêng liêng của đất nước.  + Biến và đảo có vai trò quan trọng đối với đất nước.  + Bao thế hệ cha ông đã dầy công giữ gìn, xây dựng, bám biển, làm giàu cho đất nước.  **ĐỀ SỐ 3**  *“Lòng hang Én phía trước, nơi rộng nhất khoảng 110m2, có thể chứa dược hàng trăm người (1). Trần hang đẹp như mái vòm của một thánh đường, nơi cao nhất tương đương với tòa nhà bốn mươi tầng (120m)(2). Cửa hang thứ hai thông lên mặt đất như cái giếng trời khổng lồ đón lấy khí trời và áng sáng (3). Quãng sông ngầm đỗ lại êm đềm trước thềm hang chính, len lỏi qua các hang phụ chừng 4km, rồi đổ ra cửa sau hang (4). Ở hang chính, bờ sông cát mịn thoải dần, nước mát lạnh, trong veo, toàn đá sỏi, đá đã bào nhẵn tạo thành một bãi tắm thiên nhiên hoàn hảo (5). Nghe nói thời xa xưa, tộc người A- rem đã sống trong hang Én (6). Trứng chim từng là một nguồn thực phẩm của họ (7). Giờ họ đã rời ra ngoài sống thành bản nhưng vẫn còn giữ lễ hội “ăn én”(8). Cũng nghe kể rằng, trong bản người A-rem vẫn còn một vài người có bàn chân mỏng, ngón dẹt- dấu tích của bao nhiêu thế hệ leo vách đá, trần hang cao hàng trăm mét(9)”.*  *(*Trích *Hang Én*- Hà My)  **Câu 1:**Kích thước của hang Én được thể hiện qua các số liệu nào?  C**âu 2:** Dấu gạch ngang trong câu văn “*Cũng nghe kể rằng, trong bản người A-rem vẫn còn một vài người có bàn chân mỏng, ngón dẹt- dấu tích của bao nhiêu thế hệ leo vách đá, trần hang cao hàng trăm mét(9)”* dùng để làm gì?  **Câu 3:**Có ý kiến cho rằng hành trình khám phá hang Én thích hợp với những người ưa mạo hiểm. Theo em, hành trình này còn đánh thức ở con người điều gì ?  **Câu 4:** Theo em, chúng ta cần có biện pháp nào để bảo vệ thực vật, động vật hoang dã.  **Gợi ý:**  **Câu 1:**Kích thước của hang Én được thể hiện qua các số liệu:  *- nơi rộng nhất khoảng 110m2, có thể chứa dược hàng trăm người;*  *- nơi cao nhất tương đương với tòa nhà bốn mươi tầng (120m);*  - sông ở hang chính len lỏi qua hang ngầm khoảng 4 km;  C**âu 2:** Dấu gạch ngang trong câu văn “*Cũng nghe kể rằng, trong bản người A-rem vẫn còn một vài người có bàn chân mỏng, ngón dẹt- dấu tích của bao nhiêu thế hệ leo vách đá, trần hang cao hàng trăm mét(9)”*  - Dấu gạch ngang: đánh dấu thành phần phụ chú cho thành phần đứng trước nó là “bàn chân mỏng, ngón dẹt”  **Câu 3:**  **- Hành trình về với tự nhiên vừa cho con người mở rộng tầm mắt, vừa là thử thách đối với sức khỏe, kĩ năng sinh tồn của con người**  **-** Hành trình này đánh thức ở con người ý thức về việc bảo vệ môi trường thiên nhiên, cũng như các loài thực vật, động vật hoang dã.  **Câu 4:** Theo em, chúng ta cần có biện pháp để bảo vệ thực vật, động vật hoang dã là:  - Tuyên truyền cho mọi người hiểu và tôn trọng, nâng cao ý thức bảo vệ thực vật, động vật hoang dã. Không sử dụng những sản phẩm từ động, thực vật hoang dã như mật gấu, áo lông thú...  - Xử phạt thật nặng những người săn bắt, buôn bán, sử dụng thực vattj, động vật hoang dã.  - Sống gần gũi với thiên nhiên, có ý thức bảo vệ môi trường, trồng và chăm sóc cây xanh.  ..... | |

**BTVN :**

- Viết đoạn văn (khoảng 5-7 câu) nêu cảm nghĩ của em về hang Én.

- Viết đoạn văn (khoảng 7-10 dòng) nêu cảm nhận về vẻ đẹp của cảnh mặt trời mọc trên biển Cô Tô.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | Ngày dạy : |  |

**Tiết 34-35-36**

**LUYỆN ĐỀ TỔNG HỢP**

**I- MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

- Ôn tập hệ thống hóa kiến thức của của chủ đề 5: Những nẻo đường xứ sở.

**2. Năng lực:**

- Năng lực chung: năng lực tự chủ và tự học; năng lực giao tiếp.

- Năng lực chuyên biệt: Năng lực ngôn ngữ (đọc – viết – nói và nghe); năng lực văn học.

**3. Phẩm chất**:

- Có ý thức ôn tập nghiêm túc.

**II- CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH:**

**1. Giáo viên:** SGK, Bài soạn

**2. Học sinh**: SGK, vở ghi, ôn tập các kiến thức có liên quan.

**III- CÁC HOẠT ĐỘNG TRÊN LỚP**

GV phát đề, HS làm bài. GV cùng HS chữa bài.

**ĐỀ BÀI**

**Phần I. Tiếng Việt ( 2,0 điểm)**

**Câu 1:** Ý nào **không** phải công dụng dấu ngoặc kép?

A. Đánh dấu đoạn dẫn trực tiếp lời nói của nhân vật.

B. Đánh dấu từ ngữ hiểu theo nghĩa đặc biệt.

C. Đánh dấu phần chú thích, bổ sung thêm thông tin cho câu.

D. Đánh dấu tên tác phẩm, văn bản, quyển sách, chương trình.

**Câu 2**: Dấu ngoặc kép trong câu văn nào được dùng để đánh dấu từ ngữ hiểu theo nghĩa đặc biệt.

A. Người xưa có câu: “Trúc dẫu cháy, đốt ngay vẫn thẳng”.

B. Văn bản “Hang Én” trích dẫn văn bản viết giới thiệu về hang Én trên trang thông tin điện tử Sở Du lịch Quảng Bình, 14/10/2020.

C. Kết cục, anh chàng “ hầu cận ông lý” yếu hơn chị chàng con mọn, hắn bị chị này túm tóc lẳng cho một cái, ngã nhào ra thềm.

D. Nó cứ làm in như nó trách tôi; nó kêu ư ử, như muốn bảo tôi rằng: “A! Lão già tệ lắm! Tôi ăn ở với lão như thế nào mà lão xử với tôi như thế này vậy?”

**Câu 3:** Dấu ngoặc kép trong câu văn sau dùng để làm gì?

*Tre với người như thế đã mấy nghìn năm. Một thế kỉ văn minh”, “khai hoá” của thực dân cũng không làm ra được một tấc sắt. Tre vẫn phải còn vất vả mãi với người. (Thép Mới)*

A. Đánh dấu đoạn dẫn trực tiếp, lời nói của nhân vật.

B. Đánh dấu từ ngữ hiểu theo nghĩa đặc biệt.

C. Báo trước lời nói của nhân vật trong văn bản tự sự.

D. Đánh dấu tên tác phẩm, văn bản, quyển sách, chương trình.

**Câu 4:** *Hàng loạt vở kịch như “Tay người đàn bà”, “Giác ngộ”, “Bên kia sông đuống”,… ra đời.*

*Ở câu văn trên, dấu ngoặc kép dùng để làm gì?*

A. Đánh dấu phần chú thích, bổ sung thêm thông tin cho câu.

B. Ngăn cách những bộ phận có cùng giữ một chức vụ ngữ pháp

C. Báo trước lời nói của nhân vật trong văn bản tự sự.

D. Đánh dấu tên tác phẩm, văn bản, quyển sách, chương trình.

**Câu 5:** Dấu phẩy trong câu văn sau dùng để làm gì?

*Từ đoàn thuyền sắp ra khơi đến cái giếng ngọt, thùng và cong và gánh nối tiếp đi đi về về. (Thép Mới)*

A. Ngăn cách thành phần phụ của câu với chủ ngữ và vị ngữ.

B. Ngăn cách các từ ngữ có cùng chức vụ trong câu.

C. Ngăn cách một từ ngữ với bộ phận chú thích của nó.

D. Ngăn cách các vế của một câu ghép.

**Câu 6**: [Trong câu "*Và sông Hồng bất khuất có cái chông tre" (Thép Mới*), hình ảnh sông Hồng được dùng theo lối:](https://doctailieu.com/trac-nghiem/trong-cau-va-song-hong-bat-khuat-co-cai-chong-tre-hinh-anh-song-hong-duoc-dung-65989)

A. Ẩn dụ

B. Hoán dụ

C. So sánh

D. Nhân hóa

**Câu 7:** Trong câu ca dao, từ “mồ hôi” hoán dụ cho sự vật gì:

                                  Mồ hôi mà đổ xuống đồng

                         Lúa mọc trùng trùng sáng cả đồi nương

A. Chỉ người lao động

B. Chỉ công việc lao động

C. Chỉ quá trình lao động nặng nhọc, vất vả

D. Chỉ kết quả con người thu được trong lao động

**Câu 8**: Trong những trường hợp sau, trường hợp nào không dùng phép hoán dụ?

A. Bàn tay ta làm nên tất cả

Có sức người sỏi đá cũng thành cơm

B. Một cây làm chẳng nên non

Ba cây chụm lại nên hòn núi cao

C. Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác

D. Ngày Huế đổ máu

     Chú Hà Nội về

**Phần II. Phần Văn ( 8 điểm)**

**Bài 1:**

**Đọc *văn bản sau và thực hiện các yêu cầu***

Nói đến Đồng Tháp Mười là phải nói đến lũ. Lũ chính là nguồn sống của cả cư dân miệt sông nước này. Nó mang phù sa mùa màng về, mang tôm cá về, làm nên một nền văn hóa đồng bằng. Năm ngoái chúng tôi lại xuống Long An, giữa mùa lũ mà đồng nứt nẻ, dân ngơ ngác hoang mang đợi lũ. Bởi nếu không có lũ, nước kiệt đi thì toàn bộ vùng này thiếu nước ngọt nghiêm trọng, phèn nổi lên rất nhiều và đậm, nước chỉ còn đọng ở các lung, trấp, đìa, bàu... không dùng được, cây cỏ khô rụi, di  chuyển chủ yếu là đi bộ hoặc xe trâu, toàn bộ đời sống sẽ ngưng trệ. Lũ tồn tại song song với người miền Tây như con lộ nào cũng song song một con kinh bên cạnh, làm nên một đặc trưng đồng bằng Nam Bộ. Người ta đào kênh (kinh) để thông thương, để lấy nước, chỉ huy nước, lấy đất ấy đắp đường (lộ), cứ chằng chịt như thế, những con kinh huyết mạch nối những cù lao, những giồng... thành một đồng bằng rộng lớn và đầy bản sắc.

Hữu Nhân chạy xe rất khỏe, và lại nhớ đường, dẫu cả những con đường bé tí ở một cái xóm xa lắc lơ nào đấy. Anh chở tôi len lỏi vào những con đường mà người thường không được đi, khách du lịch lại càng không, xuyên qua mấy huyện Cao Lãnh, Thanh Bình, Tam Nông,... để vào lõi Đồng Tháp Mười. Cái tên Tháp Mười bây giờ vẫn còn tranh cãi, người thì bảo nơi đây có mười cái tháp, kẻ lại nói là ở đây có ngôi tháp 10 tầng... Còn Tràm Chim thì chính Hữu Nhân đã giải thích cho tôi rằng tràm chim chỉ đơn giản là tràm và chim. Trước đó tôi nghĩ tràm là cách gọi một vùng đất nổi lên, như một cái vườn giữa hàng ngàn héc ta nước, và ở đó nhiều chim. Giống như giồng, như cù lao, như gò, như rạch, kinh... Thế mà nó đơn giản đến không ngờ là gồm những cây tràm kết thành rừng và chim thì dày đặc thành vườn... Tất nhiên không dễ gì để thấy chim bởi phải chiều tối thì chúng mới về, hàng vạn, chục vạn con lớn bé to nhỏ rợp cả một khoảng trời. Mà chúng tôi thì chỉ có một ngày cưỡi xe, mà lại muốn đi nhiều, thấy nhiều, chiêm ngưỡng nhiều,...

(SGK Ngữ văn 6, Cánh diều, trang 55 - 56)

**Câu 1**. Xác định thể loại và ngôi kể của đoạn trích trên.

**Câu 2.** Theo đoạn trích, lũ có vai trò như thế nào đối với Ðồng Tháp?  
**Câu 3**. Đoạn trích trên giúp em hiểu gì về vẻ đẹp của thiên nhiên và cảnh quan Đồng Tháp Mười?

**Câu 4**. Theo em, cần phải làm gì để bảo vệ sự đa dạng của thiên nhiên ? (Kể ra ít nhất 02 việc làm)

**Bài 2: Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:**

Xung quanh chân tháp, tôi vô cùng thích thú với những mảnh điêu khắc có hình các chú khỉ đáng yêu đang bận rộn, mỗi chú một việc. Những tượng khỉ này có lẽ liên quan đến trường ca Ra- ma- ya- na (Ramayana), một pho sử thi nổi tiếng của Ấn Độ. Vài chú khỉ đội hành lí lên đầu, có lẽ đang lội nước. Có cảnh khá tinh nghịch diễn tả cảnh khỉ bị rùa cắn, có cảnh diễn tả sự mệt mỏi của các chú khỉ với cái lưng còng xuống, hai tay ôm bầu nước, có cảnh ba chú khỉ đang đánh trống, nhảy múa, ...

Tháp Chăm Khương Mỹ để lại cho tôi ấn tượng đặc biệt bởi những hoa văn điêu khắc tinh xảo. Tiếc là những tháp Chăm còn giữ lại những vẻ đẹp như thế này không nhiều, nếu không nói là đến hôm nay chỉ còn duy nhất tháp Khương Mỹ. Rời tháp Chăm Khương Mỹ khi trời đã về chiều, tôi và cô bạn không khỏi nuối tiếc vì vẫn muốn đắm mình lâu hơn nữa với những ngọn tháp cổ, để được cảm nhận sâu hơn nữa những giá trị văn hóa mà tháp Chăm đem lại cho con người hôm nay.

*(Trích Nghìn năm tháp Khương Mỹ, Lam Linh)*

**Câu 1**.  Xác định thể loại của văn bản có đoạn văn trên?

**Câu 2.**  Tìm những chi tiết miêu tả vẻ đẹp của chân tháp Khương Mỹ?

**Câu 3.** Nêu tác dụng của chi tiết miêu tả có trong đoạn trích?

**Câu 4**. Từ đoạn văn, theo em, chúng ta cần làm gì để góp phần bảo vệ, giữ gìn những di sản văn hóa của đất nước?

**ĐÁP ÁN**

**Phần I: Tiếng Việt**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu 1 | Câu 2 | Câu 3 | Câu 4 | Câu 5 | Câu 6 | Câu 7 | Câu 8 |
| C | C | B | D | A | A | D | C |

**Phần II. Phần Văn**

**Bài 1:**

**Câu 1:**

* Thể loại : Du kí
* Ngôi kể thứ nhất.

**Câu 2:** Vai trò của lũ với Đồng Tháp Mười:

- Lũ mang phù sa mùa màng, mang tôm cá về, làm nên một nền văn hóa đồng bằng.

- Cung cấp nước ngọt cho người dân sinh hoạt, duy trì sự sống cho cây cỏ thiên nhiên, giúp giao thông thuận lợi bằng đường thuỷ.

**Câu 3:**

Thiên nhiên và cảnh quan Đồng Tháp Mười đa dạng, tươi đẹp và hài hoà với cuộc sống con người.

**Câu 4:** HS nêu suy nghĩ của bản thân.

Có thể nêu: Để bảo vệ sự đa dạng của thiên nhiên cần:

* Khai thác nguồn tài nguyên một cách hợp lí.
* Xây dựng các khu bảo tồn thiên nhiên, vườn quốc gia,..
* Chống ô nhiềm môi trường sông nước; có biện pháp phòng chống cháy rừng.
* Tuyên truyền người dân nâng cao ý thức trong khai thác đi liền với bảo vệ tài nguyên thiên nhiên.
* Hợp tác với các nước nỗ lực trong việc chống biến đổi khí hậu

**Bài 2:**

**Câu 1**.  Thể loại: du kí

**Câu 2.**  Những chi tiết miêu tả vẻ đẹp của chân tháp Khương Mỹ:

- những mảnh điêu khắc có hình các chú khỉ đáng yêu đang bận rộn, mỗi chú một việc.

- Vài chú khỉ đội hành lí lên đầu, có lẽ đang lội nước

- Có cảnh khá tinh nghịch diễn tả cảnh khỉ bị rùa cắn, có cảnh diễn tả sự mệt mỏi của các chú khỉ với cái lưng còng xuống, hai tay ôm bầu nước, có cảnh ba chú khỉ đang đánh trống, nhảy múa

**Câu 3.**  Tác dụng của chi tiết miêu tả có trong đoạn trích:

- Giúp người đọc hình dung ra vẻ đẹp của Tháp Khương Mỹ một cách cụ thể, chân thực : trang trí hoa văn tinh xảo, sống động ở chân tháp.

- Ca ngợi tài năng của người Chăm, sự độc đáo của văn hóa Chăm qua việc khám phá vẻ đẹp của tháp Khương Mỹ, một di sản văn hóa quý giá của dân tộc.

- Tác giả gửi gắm tình yêu, niềm tự hào, cảm xúc thích thú của mình khi được chiêm ngưỡng tháp Chăm Khương Mỹ.

**Câu 4.** Từ đoạn văn, theo em, những việc chúng ta cần làm để góp phần bảo vệ, giữ gìn những di sản văn hóa của đất nước:

* Có ý thức tìm hiểu về giá trị của các di tích lịch sử, các di sản văn hóa qua: sách báo, in- tơ- nét, tham quan thực tiễn,...
* Biết giữ gìn vệ sinh môi trường chung, nhất là nơi có di sản văn hóa của dân tộc.
* Tuyền truyền cho mọi người cùng nâng cao ý thức bảo vệ các di sản của dân tộc, biết lên án những hành vi phá hoại, mua bán, bóp méo, ... làm tổn hại đến di sản văn hóa của dân tộc .

**BTVN :**

- Tìm đọc thêm các văn bản kí.

- Ôn tập truyện truyền thuyết.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | Ngày dạy : |  |

**Tiết 37-38-39**

**ÔN TẬP VỀ TRUYỆN TRUYỀN THUYẾT**

**I- MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

- Truyền thuyết, một số yếu tố của truyện truyền thuyết.

**2. Năng lực:**

- Năng lực chung: năng lực tự chủ và tự học; năng lực giao tiếp.

- Năng lực chuyên biệt: Nhận biết được một số yếu tố của truyền thuyết như: cốt truyện, nhân vật, lời kể, yếu tố kì ảo; nhận biết được chủ đề của văn bản “ Thánh Gióng”, “ Sơn Tinh, Thủy Tinh”.

**3. Phẩm chất**:

- Có ý thức ôn tập nghiêm túc.

**II- CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH:**

**1. Giáo viên:** SGK, Bài soạn

**2. Học sinh**: SGK, vở ghi, ôn tập các kiến thức có liên quan.

**III- CÁC HOẠT ĐỘNG TRÊN LỚP**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **GV hướng dẫn HS củng cố những kiến thức cơ bản về thể loại.**  **- Hình thức vấn đáp.**  **- HS trả lời.**  **- GV chốt kiến thức** | **I. KIẾN THỨC CHUNG VỀ THỂ LOẠI**  **1. Truyền thuyết**  - Truyền thuyết là loại truyện dân gian kể về các sự kiện và nhân vật ít nhiều có liên quan đến lịch sử thông qua sự tưởng tượng, hư cấu.  **2. Thế giới nghệ thuật của truyền thuyết**  - Chủ đề: cuộc đời và chiến công của nhân vật lịch sử hoặc giải thích nguồn gốc các phong tục, sản vật địa phương theo quan điểm của tác giả dân gian.  - Thời gian: theo mạch tuyến tính. Nội dung thường gồm ba phần gắn với cuộc đời của nhân vật chính: hoàn cảnh xuất hiện và thân thế; chiến công phi thường; kết cục.  - Nhân vật chính: là những người anh hùng. - Lời kể: cô đọng, mang sắc thái trang trọng, ngợi ca, có sử dụng một số thủ pháp nghệ thuật nhằm gây ấn tượng về tính xác thực của câu chuyện.  - Yếu tố kì ảo (lạ, không có thật) xuất hiện đậm nét ở tất cả các phần nhằm tôn vinh, lí tưởng hoá nhân vật và chiến công của họ. |
| **GV hướng dẫn HS nhắc lại kiến thức trọng tâm về văn bản.**  **- Hình thức vấn đáp.**  **- HS trả lời.**  **- GV chốt kiến thức** | **II. VĂN BẢN “ THÁNH GIÓNG”** |
| **1. Kiến thức chung**  **a. Thể loại:** truyền thuyết về người anh hùng.  **b.** **Phương thức biểu đạt**: tự sự  **c. Bố cục:** Văn bản chia làm 4 phần  + P1: Từ đầu … “nằm đấy”  🡪Sự ra đời của Gióng.  + P2: tiếp … “cứu nước”:  🡪Gióng trưởng thành và đánh tan quân giặc.  + P3: tiếp …”lên trời”:  🡪Gióng đánh thắng giặc và bay về trời.  + P4: còn lại  🡪Sự bất tử của người anh hùng Gióng.   1. **Kể tóm tắt:**   *+ Vào đời vua Hùng thứ 6 ở làng Gióng, có vợ chồng ông lão chăm chỉ làm ăn , có tiếng là phúc đức, nhưng mãi chưa có con. Bà vợ ra đồng ướm vào vết chân to, về nhà thụ thai, mười hai tháng sau sinh ra một chú bé khôi ngô nhưng đến 3 tuổi mà cậu bé chẳng biết nói biết cười, chẳng biết đi.*  *+ Giặc Ân xuất hiện, nghe sứ giả rao, chú bé bỗng cất tiếng nói đòi đi đánh giặc.Từ đó,chú bé lớn nhanh như thổi. Bà con phải góp gạo nuôi Thánh Gióng.*  *+ Thánh Gióng vươn vai thành tráng sĩ, mặc áo giáp sắt, cầm roi sắt, cưỡi ngựa sắt xông ra diệt giặc và đánh tan được kẻ thù.*  *+ Gióng một mình một ngựa trèo lên đỉnh núi rồi bay thẳng lên trời. Nhân dân lập đền thờ. Hiện nay vẫn còn những dấu tích trận đánh của Gióng năm xưa.*   1. **Nghệ thuật:**   Chi tiết tưởng tượng kìảo, khéo kết hợp huyền thoại và thực tế (cốt lõi sự thực lịch sử với những yếu tố hoangđường)  **f. Nội dung – Ý nghĩa:**  *\*Nội dung*: Truyện kể về công lao đánh đuổi giặc ngoại xâm của người anh hùng Thánh Gióng, qua đó thể hiện ý thức tự cường của dân tộc ta.  *\*Ý nghĩa*: Truyện ca ngợi người anh hùng đánh giặc tiêu biểu cho sự trỗi dậy của truyền thống yêu nước, tinh thần đoàn kết, anh dũng kiên cường của dân tộc ta.  **2. Kiến thức trọng tâm**  **a. Sự ra đời kì lạ của Thánh Gióng**  **\* Bối cảnh của câu chuyện:**  + Thời gian: đời Hùng Vương thứ sáu.  + Không gian: không gian hẹp là một làng quê, không gian rộng là bờ cõi chung của đất nước.  + Sự việc: Giặc Ân xâm lược, thế giặc mạnh.  Đây là tình huống khá điển hình ở các tác phẩm truyền thuyết: đất nước đối diện với một mối lâm nguy, thử thách to lớn: đánh đuổi giặc ngoại xâm, giữ yên bờ cõi. Tại thời điểm này, lịch sử đòi hỏi phải có những cá nhân kiệt xuất, những người tài đánh giặc giúp dân cứu nước  **\* Sự ra đời của Gióng.**  - Các chi tiết về sự ra đời của Gióng:  + Hai vợ chổng ông lão nhà nghèo, chăm làm ăn và có tiếng phúc đức, nhưng chưa có con.  + Một hôm bà ra đổng, trông thấy một vết chân to hơn vết chân người thường.  + Bà ướm thử vào vết chân, không ngờ về nhà đã thụ thai.  + Sau mười hai tháng thai nghén, bà sinh ra một em bé mặt mũi rất khôi ngô.  + Chú bé đã ba tuổi mà chẳng biết cười, biết nói gì cả, và cũng không nhích đi được bước nào, đặt đâu nằm đấy.  => Ý nghĩa: Sự ra đời kì lạ của Thánh Gióng làm nồi bật tính chất khác thường, hé mở rằng đứa trẻ này không phải là một người bình thường. Điều này nằm trong mối liên kết xuyên suốt VB truyền thuyết kể vê' người anh hùng: ra đời một cách khác thường, kì lạ - lập nên những chiến công phi thường - và sau đó từ giã cuộc đời cũng theo một cách không giống người bình thường.  **b. Gióng lớn lên và đi đánh giặc**  **\* Tiếng nói đầu tiên của Gióng là tiếng nói đòi đi đánh giặc.**  + Câu nói thể hiện ý thức đánh giặc cứu nước, cứu dân của Thánh Gióng.  + Cậu bé làng Phù Đổng ra đời một cách khác thường (trong hoàn cảnh đất nước đang có chiến tranh) báo hiệu cậu sẽ là người thực hiện Nhiệm vụ của lịch sử. Khi thời điểm thực hiện Nhiệm vụ đến thì cậu bé sẽ cất tiếng nói đẩu tiên, phải là tiếng nói nhận Nhiệm vụ: đánh giặc cứu dân, cứu nước. Đó cũng là dấu mốc quan trọng đánh dấu thời khắc một cá nhân được tham gia vào công việc, thử thách chung của cả cộng đổng.  **\* Bà con làng xóm vui lòng góp gạo nuôi Gióng ăn, may quần áo cho Gióng mặc.**  + Gióng được nuôi dưỡng từ trong ND. Sức mạnh của Gióng là sức mạnh của toàn dân.  + ND ta rất yêu nước một lòng đoàn kết để tạo sức mạnh đánh giặc cứu nước.  GV mở rộng: Ngày nay ở làng Gióng, ND vẫn tổ chức cuộc thi nấu cơm, hái cà nuôi Gióng. Đây là hình thức tái hiện qúa khứ rất giàu ý nghĩa.  **\* Gióng vươn vai trở thành tráng sĩ khổng lồ.**  ⭢ Chi tiết thể hiện suy nghĩ và ước mơ của ND về người anh hùng cứu nước:  + Người anh hùng là người khổng lồ trong mọi sự việc, kể cả sự ăn uống và lớn lên.  + Ước mong Gióng lớn nhanh để kịp đánh giặc cứu nước.  + Đó là cái vươn vai phi thường để giúp người anh hùng đạt tới sự khổng lồ. Đó cũng là ước mong của ND ta về sức mạnh của người anh hùng đánh giặc. Hơn nữa cái vươn vai của Gióng còn là cái vươn vai của cả DT khi đứng lên chống giặc ngoại xâm.  **\* Ngựa sắt phun ra lửa, gươm sắt loang loáng như chớp giật và bụi tre hai bên đường đã hỗ trợ Gióng trong quá trình đánh giặc.**  - Việc thần kì hoá vũ khí bằng sắt của Thánh Gióng là một chi tiết có ý nghĩa biểu tượng, ca ngợi thành tựu văn minh kim loại của người Việt cổ ở thời đại Hùng Vương.  - Đó cũng là đặc điểm nổi bật của thời đại truyền thuyết - thời đại anh hùng trên nhiều phương diện, trong đó có những đổi thay lớn vê' công cụ sản xuất và vũ khí chiến đấu  **\* Gióng đánh giặc xong, cởi giáp bỏ nón lại và bay thẳng lên trời.**  - Đây là sự ra đi thật kì lạ nhưng cũng thật cao quí:  + Gióng không màng danh lợi, vinh hoa, phú quí.  + Nhân ta muốn giữ mãi hình ảnh cao đẹp về người anh hùng cứu nước nên đã để Gióng về với cõi vô biên, bất tử. Bay lên trời Gióng là non nước, đất trời, là biểu tượng của người dân Văn Lang.   * Gióng đã lập nên những chiến công phi thường, có ý nghĩa với nhiều người. Đây là đặc điểm tiêu biểu của nhân vật anh hùng.   Ý nghĩa của hình tượng Thánh Gióng: Thánh Gióng là hình tượng tiêu biểu, rực rỡ của người anh hùng đánh giặc giữ nước. Thánh Gióng mang trong mình sức mạnh của cả cộng đổng ở buổi đầu dựng nước: sức mạnh vô hạn của tự nhiên đất nước; sức mạnh và ý chí của nhân dân - những người thợ thủ công anh hùng, những người nông dân anh hùng, những binh lính anh hùng,... | |
| **GV hướng dẫn HS nhắc lại kiến thức trọng tâm về văn bản.**  **- Hình thức vấn đáp.**  **- HS trả lời.**  **- GV chốt kiến thức.** | **III. VĂN BẢN “ SƠN TINH, THỦY TINH”** |
| **1. Kiến thức chung**  **a. Thể loại:** Truyện truyền thuyết.  **b. Phương thức biểu đạt:** Tự sự  **c. Ngôi kể :** Ngôi thứ 3  **d. Nhân vật chính:** Sơn Tinh, Thủy Tinh  **e. Bố cục:** 3 phần.  +Từ đầu 🡪 “Một đôi”:Vua Hùng kén rể.  +Tiếp 🡪“Rút quân”: Sơn Tinh, Thủy Tinh cầu hôn và cuộc giao tranh giữa hai vị thần.  + Còn lại: Việc trả thù của Thủy Tinh.  **f. Kể tóm tắt:**  **-** Tóm lược cốt truyện *Sơn Tinh, Thuỷ Tinh*  HS kẻ bảng vào vở:  + Sơn Tinh đến trước được vợ, Thủy Tinh đến sau không lấy được vợ đùng đùng nổi giận, gây chiến đánh nhau với Sơn Tinh.  + Sơn Tinh thắng, Thủy Tinh thua và hằng năm Thủy Tinh dâng nước đánh Sơn Tinh.   1. **g. Nghệ thuật**   - Xây dựng hình tượng nhân vật mang dáng dấp thần linh với nhiều chi tiết tưởng tượng kì ảo có tính khái quát cao. - Cách kể chuyện hấp dẫn sinh động. **h. Nội dung- Ý nghĩa**  \* Nội dung: Truyện giải thích hiện tượng mưa bão, lụt xảy ra hàng năm ở đồng bằng Bắc Bộ thuở các vua Hùng dựng nước. \* Ý nghĩa: Thể hiện sức mạnh và ước mơ chế ngự thiên tai bảo vệ cuộc sống của người Việt cổ.  **2. Kiến thức trọng tâm**  **a. Vua Hùng kén rể**  **\* Hoàn cảnh của việc kén rể**  - Vua có một người con gái tên là Mị Nương.  - Mị Nương người đẹp như hoa, tính nết hiền dịu.  - Vua Hùng rất mực yêu con.  **\* Mục đích:** Muốn chọn cho con một người chồng thật xứng đáng.  🡪 Việc chọn dâu, kén rể là mô tuýp mang tính truyền thống trong truyền thuyết và cổ tích.  \* **Hệ quả:** Hai chàng trai đến cầu hôn   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **P/diện ss** | **Sơn Tinh** | **Thuỷ Tinh** | | Nguồn gốc | - Chúa vùng non cao. | - Chúa vùng nước thẳm. | | Tài năng | - Vẫy tay về phía đông, phía đông nổi cồn bãi.  - Vẫy tay về phía tây, phía tây mọc dãy núi đồi. | - Gọi gió gió đến.  - Hô mưa, mưa về. | | Nhận xét | 🡪 Ngang tài ngang sức.  Tài năng của Sơn Tinh mang tính phát triển, tài năng của Thuỷ Tinh mang sự huỷ diệt (bão, lũ lụt). | |   \* **Giải pháp:** Thi tài dâng lễ vật sớm: chỉ trong 1 ngày ai dâng lễ vật trước sẽ được chọn.  - Lễ vật : “100 ván cơm nếp , 100 nệp bánh chưng,voi chín ngà,gà chín cựa,ngựa chín hồng mao”.  🡪 Giải pháp kén rể có lợi cho Sơn Tinh. Vì đó là các sản vật nơi rừng núi thuộc Sơn Tinh cai quản.  🡪 Vua Hùng nghiêng về phía Sơn Tinh vì nhận ra sức tàn phá của Thuỷ Tinh. Đồng thời ngài tin vào sức mạnh của Sơn Tinh có thể chiến thắng Thủy tinh, bảo vệ cuộc sống bình yên cho nhân dân.  **b. Cuộc giao chiến giữa Sơn Tinh và Thuỷ Tinh**   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Cuộc giao chiến** | | | **Nguyên nhân** | Thuỷ Tinh đến sau không lấy được vợ liền đem quân đuổi theo đòi cướp Mị Nương. | | | **Diễn biến** | **Thuỷ Tinh** | **Sơn Tinh** | | - Hô mưa, gọi gió, làm thành giông bão, rung chuyển cả đất trời.  - Dâng nước đánh Sơn Tinh.  Nước ngập ruộng đồng, nước tràn nhà cửa, thành Phong Châu nổi lềnh bềnh trên biển nước. | - Thần dùng phép lạ bốc từng quả đồi, dời từng dãy núi,dựng thành lũy đất ngăn chặn dòng nước lũ .  - Nước dâng cao bao nhiêu,đồi núi cao lên bấy nhiêu. | | **Nhận xét** | => Sức mạnh và sự tàn phá ghê gớm.Thế gian ngập nước, không còn sự sống con người.  - Thủy Tinh tượng trưng cho sức mạnh của thiên tai bão lụt, sự đe dọa thường xuyên của thiên tai với cuộc sống con người . | =>Sơn Tinh chống lại Thủy Tinh là hành động tự bảo vệ hạnh phúc gia đình, nhà cửa,đất đai và cuộc sống muôn loài trên mặt đất.  - Sơn Tinh có nhiều sức mạnh hơn: Chàng có sức mạnh tinh thần của vua Hùng; có sức mạnh vật chất: trận địa,đồi núi cao hơn,vững chắc hơn; có tinh thần bền bỉ.  - Sơn Tinh tượng trưng sức mạnh chế ngự thiên tai ,bão lụt của nhân dân. | | **Kết quả** | Cuối cùng Thủy Tinh đã mệt mà Sơn Tinh vẫn vững vàng, Thủy Tinh đành rút quân về.  Hằng năm dâng nước đánh Sơn Tinh. | | | **Nhận xét** | * Thể hiện ước mơ, khát vọng nhân dân sẽ chế ngự được thiên nhiên.   - Giải thích hiện tượng lũ lụt hàng năm ở miền Bắc nước ta. | | | |
| GV HDHS luyện tập, vận dụng  GV giao bài tập, HDHS thực hiện. | **III. Luyện tập- vận dụng** |
| **ĐỀ SỐ 1: Hãy đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi nêu ở dưới.**  *Giặc đã đến chân núi Trâu. Thế nước rất nguy, người người hoảng hốt. Vừa lúc đó, sứ giả đem ngựa sắt, roi sắt, áo giáp sắt đến. Chú bé vùng dậy, vươn vai một cái bỗng biến thành một tráng sĩ mình cao hơn trượng, oai phong, lẫm liệt. Tráng sĩ bước lên vỗ vào mông ngựa. Ngựa hí dài mấy tiếng vang dội. Tráng sĩ mặc áo giáp, cầm roi, nhảy lên mình ngựa. Ngựa phun lửa, tráng sĩ thúc ngựa phi thẳng đến nơi có giặc, đón đầu chúng đánh giết hết lớp này đến lớp khác, giặc chết như rạ. Bỗng roi sắt gãy. Tráng sĩ bèn nhổ những cụm tre cạnh đường quật vào giặc. Giặc tan vỡ. Đám tàn quân giẫm đạp lên nhau chạy trốn, tráng sĩ đuổi đến chân núi Sóc (Sóc Sơn). Đến đấy, một mình một ngựa, tráng sĩ lên đỉnh núi, cởi giáp sắt bỏ lại, rồi cả người lẫn ngựa từ từ bay lên trời.*  *(Thánh Gióng- SGK Ngữ văn 6, tập 2)*  **Câu 1.** **(1điểm)**: Truyện *Thánh Gióng* thuộc thể loại nào ? Câu 2. (1điểm): Truyện có những nhân vật nào? Ai là nhân vật chính? **Câu 3.** **(1điểm**):Xác định phương thức biểu đạt chính trong đoạn trích trên?  **Câu 4. (2 điểm):**  Chi tiết*“Đến đấy, một mình một ngựa, tráng sĩ lên đỉnh núi, cởi giáp sắt bỏ lại, rồi cả người lẫn ngựa từ từ bay lên trời.”* có ý nghĩa gì*?* Hãy diễn đạt ý nghĩa ấy bằng một đoạn văn ngắn *(khoảng 10 đến 15 dòng)*.  **Hướng dẫn làm bài:**  **Câu 1:**  Truyện *Thánh Gióng* thuộc loại truyện Truyền thuyết.  **Câu 2:**   * Những nhân vật trong truyện là: * + Nhân vật Thánh Gióng.   + Vợ chồng ông lão nghèo, cha mẹ của Gióng.  + Vua, sứ giả triều đình.  + Dân làng…  - Thánh Gióng là nhân vật chính.  **Câu 3:** Tự sự  **Câu 4:**  ***HS có thể trình bày ý nghĩa bằng nhiều cách khác nhau, tuy nhiên cần đảm bảo một số ý sau:***  - Hình tượng Thánh Gióng hiện lên với nhiều chi tiết nghệ thuật hay và để lại những ấn tượng sâu sắc. Truyện chứa đựng những chi tiết hoang đường, kỳ ảo. Thánh Gióng là một biểu tượng của muôn người gộp sức, cùng nhau chống giặc ngoại xâm.  - Tự hào khi Thánh Gióng đánh giặc xong không đợi vua ban thưởng mà một mình một ngựa từ từ bay lên trời. Người con yêu nước ấy đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đánh giặc cứu nước của mình, và đã ra đi một cách vô tư, thanh thản, không hề màng tới công danh địa vị cho riêng mình. Điều đó cho thấy ở hình tượng Thánh Gióng - trong con người của chàng chỉ có yêu nước và cứu nước - tất cả đều cao đẹp, trong sáng như gương. Thánh Gióng chính là tượng trưng cho sự lớn mạnh của đất nước ta, dân tộc ta.  - Hình tượng Thánh Gióng vẫn đọng mãi trong tâm trí người đọc - một hình tượng nghệ thuật dân gian tuyệt đẹp, tràn đầy tư tưởng yêu nước, căm thù giặc và ý chí quyết thắng.  **ĐỀ SỐ 2: Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:**  *"Một hôm có hai chàng trai đến cầu hôn. Một người ở vùng núi Tản Viên có tài lạ: vẫy tay về phía đông, phía đông nổi cồn bãi; vẫy tay về phía tây, phía tây mọc lên từng dãy núi đồi. Người ta gọi chàng là Sơn Tinh. Một người ở miền biển, tài năng cũng không kém: gọi gió, gió đến; hô mưa, mưa về. Người ta gọi chàng là Thủy Tinh. Một người là chúa vùng non cao, một người là chúa vùng nước thẳm, cả hai đều xứng đáng làm rể vua Hùng. Vua Hùng băn khoăn không biết nhận lời ai, từ chối ai, bèn cho mời các Lạc hầu vào bàn bạc. Xong vua phán:*  *- Hai chàng đều vừa ý ta, nhưng ta chỉ có một người con gái, biết gả cho người nào? Thôi thì ngày mai, ai đem sính lễ đến trước, ta sẽ cho cưới con gái ta.*  **Câu 1**: Đoạn văn trên trích ở tác phẩm nào? Thuộc thể loại gì? Nêu khái niệm về thể loại đó.  **Câu 2**: Nhân vật chính trong văn bản chứa đoạn văn trên là những ai? Tìm những chi tiết giới thiệu về các nhân vật đó?  **Câu 3**: Giải thích nghĩa của từ "băn khoăn" ? Cho biết em giải thích nghĩa của từ bằng cách nào?  **Câu 4**: Tìm các từ láy có trong đoạn văn trên.  **Câu 5**: Hãy viết đoạn văn trình **bày ý nghĩa biểu tượngcủa những nhân vật chính** em vừa tìm được trong đoạn văn.  **Hướng dẫn làm bài:**  **Câu 1**  -Văn bản: Sơn Tinh Thủy Tinh  - Thể loại: Truyền thuyết  - Khái niệm:  + Truyền thuyết (TT) là loại truyện dân gian truyền miệng kể về các nhân vật và sự kiện có liên quan đến lịch sử thời quá khứ.  +Thường có yếu tố tưởng tượng kì ảo.  + Thể hiện thái độ và cách đánh giá của nhân dân đối với nhân vật và sự kiện được kể  **Câu 2**   * Biện pháp tu từ: Nhân hóa (núi Trùm Cát : đứng sừng sững, uy nghi, trầm mặc, những con sóng nhỏ mơn man vỗ vào bờ cát) * Tác dụng: Làm cảnh vật dưới trăng thêm lung linh, sống động, giàu sức sống, gần gũi với con người   **Câu 3**   * Từ ***băn khoăn***: không yên lòng vì đang có điều phải suy nghĩ, cân nhắc. * Giải thích bằng cách ***trình bày khái niệm mà từ biểu thị***   **Câu 4**  - Từ láy: lấp loáng, sừng sững, mơn man.  **Câu 5**:  HS trình bày hình thức đoạn văn, có câu chủ đề  Hướng dẫn làm bài Xác định vấn đề: Ý nghĩa của nhân vật chính tức là ý nghĩa của nhân vật Sơn Tinh và Thủy Tinh  **Câu mở đoạn:** Trong truyền thuyết Sơn Tinh Thủy Tinh, hai nhân vật Sơn Tinh và Thủy Tinh mang nhiều ý nghĩa tượng trưng sâu sắc.  **Thân đoạn:**  - Thủy Tinh: chính là hiện tượng lũ lụt ghê gớm hằng năm,  - Sơn Tinh chính là lực lượng cư dân Việt cổ đắp đê chống lũ lụt, là mơ ước chinh phục, chế ngự thiên tai của nhân dân ta.  **Kết đoạn:**Sơn Tinh, Thủy Tinh là những nhân vật hoang đường, không có thật, thể hiện trí tưởng tượng bay bổng của nhân dân ta. Qua đó, ta có thể thấy vẻ đẹp tâm hồn của nhân dân lao động, những quan niệm về con người, về thiên nhiên của cha ông ta từ cách đây hàng mấy nghìn năm. | |

**BTVN :**

- GV lưu ý HS: nhận biết được các các yếu tố của truyện truyền thuyết.

- Ôn tập về dấu câu: dấu phẩy, dấu ngoặc kép, dấu gạch ngang, dấu chấm phẩy.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | Ngày dạy : |  |

**Tiết 40-41-42**

**ÔN TẬP VỀ DẤU CÂU**

**( dấu phẩy, dấu ngoặc kép, dấu gạch ngang, dấu chấm phẩy)**

**I- MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

- Đặc điểm, công dụng của dấu phẩy, dấu ngoặc kép, dấu gạch ngang, dấu chấm phẩy.

**2. Năng lực:**

- Năng lực chung: năng lực tự chủ và tự học; năng lực giao tiếp.

- Năng lực chuyên biệt: Nhận biết đặc điểm, công dụng của dấu phẩy, dấu ngoặc kép, dấu gạch ngang, dấu chấm phẩy.

**3. Phẩm chất**:

- Có ý thức ôn tập nghiêm túc.

**II- CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH:**

**1. Giáo viên:** SGK, Bài soạn

**2. Học sinh**: SGK, vở ghi, ôn tập các kiến thức có liên quan.

**III- CÁC HOẠT ĐỘNG TRÊN LỚP**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **GV hướng dẫn HS củng cố những kiến thức cơ bản về dấu câu.**  **- Hình thức trò chơi tiếp sức.**  **- Chia 4 tổ, mỗi tổ sẽ đảm nhiệm 1 dấu câu.**  **+ Tổ 1: Công dụng của dấu phẩy? Cho ví dụ.**  **+ Tổ 2: Công dụng của dấu ngoặc kép ? Cho ví dụ.**  **+ Tổ 3: Công dụng của dấu gạch ngang? Cho ví dụ.**  **+ Tổ 4: Công dụng của dấu chấm phẩy? Cho ví dụ.**  **- HS tham gia trò chơi.**  **- GV chốt kiến thức,lưu ý HS một số trường hợp.**  **- Phân biệt dấu gạch ngang và dấu gạch nối:**  *Dấu gạch nối không phải là dấu câu. Nó chỉ được dùng để nối các tiếng trong những từ mượn gồm nhiều tiếng. Về độ dài, dấu gạch nối ngắn hơn dấu gạch ngang.*  Dấu gạch ngang là dấu câu của tiếng Việt. Nó được dùng để:   + Đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích trong câu;  + Đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật hoặc để liệt kê;  + Nối các từ nằm trong một liên danh.  Ví dụ:  + Dấu gạch ngang:  *Tiếng rì rào bất tận của những khu rừng xanh bốn mùa, cùng tiếng sóng rì rào từ biển Đông và vịnh Thái Lan ngày đêm không ngớt vọng về trong hơi gió muối – thứ âm thanh đơn điệu triền miên ấy ru ngủ thính giác, càng làm mòn mỏi và làm đuối dần đi tác dụng phân biệt của thị giác con người trước cái quang cảnh chỉ lặng lẽ một màu xanh đơn điệu.*  (Đoàn Giỏi)  + Dấu gạch nối:  *Nhà thám hiểm Hao-ớt Lim-be trưởng đoàn thám hiểm Hội địa lí Hoàng gia Anh sau khi thăm động Phong Nha về đã phát biểu: Với kinh nghiệm của mười sáu năm thám hiểm hang động ở tổ chức nghiên cứu hang động mạnh nhất của Hoàng gia Anh, tôi khẳng định Phong Nha là hang động dài nhất và đẹp nhất thế giới.*  (Trần Hoàng)  Mỗi vế câu trong các ví dụ trên có thể tách ra thành một câu đơn. Vì vậy, ở vị trí của dấu chấm phẩy, có thể dùng dấu chấm (người viết không tách thành câu riêng biệt vì muốn biểu thị mối quan hệ ý nghĩa gần gũi giữa các vế câu). | **I. KIẾN THỨC CHUNG VỀ DẤU CÂU**  **1. Dấu phấy**  Dấu phẩy: được dùng để đánh dấu ranh giới giữa các bộ phận của câu. Cụ thể là:  - Giữa các thành phần phụ của câu với chủ ngữ, vị ngữ (Trạng ngữ/Khởi ngữ, Chủ ngữ - Vị ngữ)       Ví dụ: Mỗi khi xuân về, trăm hoa đua nhau nở.  - Giữa các từ ngữ có chức vụ trong câu:       Ví dụ: Đào, lê, táo, mận đều là những loại trái cây mà ông em thích  - Giữa một từ ngữ với bộ phận chú thích của nó:       Ví dụ: Bác Hồ, vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc Việt Nam, là một người rất giản dị  - Giữa các vế của một câu ghép:       Ví dụ: Trời đang mưa to quá, chúng tôi không đi học  **2. Dấu ngoặc kép**  - Hình thức:dấu ngoặc kép viết là : " "   * - Công dụng: * **+** Dấu ngoặc kép thường được dùng để dẫn lời nói trực tiếp của nhân vật hoặc của người nào đó.   VD: Bác nói : " Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành. "   * **+** Dùng để đánh dấu những từ ngữ được dùng với ý nghĩa đặc biệt.   VD :    Có bạn tắc kè hoa            Xây " lầu " trên cây đa  Rét, chơi trò đi trốn            Đợi ấm trời mới ra.  + Dùng để đánh dấu các từ ngữ có hàm ý mỉa mai.  + Dùng để đánh dấu tên của các vở kịch, tác phẩm văn học, tờ báo, tập san… dẫn trong câu văn.  **3. Dấu gạch ngang**  - Hình thức: dấu gạch ngang, được viết là -  - Công dụng:  Dùng để đánh dấu:  + Chỗ bắt đầu lời nói của nhân vật trong đối thoại.  Ví dụ:  Thấy tôi sán đến gần, ông hỏi tôi :  - Cháu con ai ?  - Thưa ông, cháu là con ông Thư.  + Phần chú thích  - Ví dụ: Một bữa Pa- xcan đi đâu về khuya, thấy bố mình - một viên chức tài chính - vẫn cặm cụi trước bàn làm việc. Anh rón rén lại gần. Ông bố vẫn mải mê với những con số- Ông đang phải kiểm tra sổ sách.                                                         + Các ý trong một đoạn liệt kê.  - Ví dụ : Để quạt điện được bền, người dùng nên thực hiện các biện pháp sau đây:  - Trước khi bật quạt, đặt quạt nơi chắc chắn để chân quạt tiếp xúc đều với nền.  - Trước khi bật quạt, đặt quạt nơi chắc chắn để chân quạt tiếp xúc đều với nền.  - Khi điện đã vào quạt, tránh để cánh quạt bị vướng víu, quạt không quay được sẽ làm nóng chảy cuộn dây trong quạt.  - Hằng năm, tra dầu mỡ vào ổ trục, bộ phận điều khiển hướng quay của quạt, nhưng không nên tra quá nhiều, vì dầu mỡ sẽ chảy vào trong làm hỏng dây bên trong quạt.  - Khi không dùng, cất quạt vào nơi khô, mát, sạch sẽ, ít bụi bặm.  **4. Dấu chấm phẩy**  – Đánh dấu ranh giới giữa cảc vế của một câu ghép có cấu tạo phức tạp.  Ví dụ:  + *Chị Thuận nấu cơm cho anh em ăn, làm người chị nuôi tần tảo; chị chăm sóc anh em… và bị thương, làm người hộ lí dịu dàng, ân cần.*  (Nguyễn Trung Thành)  + *Sáng tạo là vấn đề rất quan trọng; không sáng tạo không làm cách mạng được.*  (Lê Duẩn)  – Đánh dấu ranh giới giữa các bộ phận trong một phép liệt kê phức tạp (các bộ phận này gắn bó với nhau trong cùng nội dung chung của câu).  Ví dụ:  *Rồi những cảnh tuyệt đẹp của đất nước hiện ra: cánh đồng với những đàn trâu thung thăng gặm cỏ; dòng sông với những đoàn thuyền ngược xuôi.*  (Nguyễn Thế Hội) |
| GV HDHS luyện tập, vận dụng  GV giao bài tập, HDHS thực hiện. | **II. LUYỆN TẬP** |
| **Bài 1:** Nêu công dụng của dấu phẩy trong các trường hợp sau:  a) *Dưới ánh trăng này, dòng thác nước sẽ đổ xuống làm chạy máy phát điện; ở giữa biển rộng, cờ đỏ sao vàng phấp phới bay trên những con tàu lớn.*  (Thép Mới)  Trong câu này, dấu chấm phẩy được dùng để đánh dấu ranh giới giữa hai vế của một câu ghép có cấu tạo phức tạp. Mỗi vế câu này có thể tách ra thành một câu đơn.  b) *Con sông Thái Bình quanh năm vỗ sóng òm ọp vào sườn bãi và ngày ngày vẫn mang phù sa bồi cho bãi thêm rộng; nhưng mỗi năm vào mùa nước, cùng con sông Thái Bình mang nước lũ về làm ngập hết cả bãi Soi.*  (Đào Vũ)  Trong câu này, dấu chấm phẩy cũng được dùng để đánh dấu ranh giói giữa các vế của một câu ghép có cấu tạo phức tạp. Mỗi vế câu này có thể tách ra thành một câu đơn.  c) *Có kẻ nói từ khi các thi sĩ ca tụng cảnh núi non, hoa cỏ, núi non, hoa cỏ trồng mới đẹp; từ khi có người lấy tiếng chim kêu, tiếng suối chảy làm đề ngâm vịnh, tiếng chim, tiếng suôi nghe mới hay.*  (Hoài Thanh)  Trong câu này, dấu chấm phẩy dùng để ngăn cách hai tập hợp từ có quan hệ song song. Mỗi tập hợp từ là một cụm C – V và đều là phụ ngữ cho cụm động từ có động từ trung tâm là nói.  **Bài 2:**  Viết một đoạn kể lại cuộc nói chuyện giữa bố hoặc mẹ với em về tình hình học tập của em trong tuần qua, trong đó có dùng dấu gạch ngang để đánh dấu các câu đối thoại và đánh dấu phần chú thích.  Đoạn văn tham khảo:  Sáng chủ nhật, mẹ em gọi em lại và hỏi em về tình hình học tập của em trong tuần qua.  Mẹ em nói:  - Trong tuần qua, kết quả học tập của con như thế nào?  - Con học vẫn tốt mẹ ạ!  - Có môn nào con bị sụt điểm không?  - Thưa mẹ, không có. Môn nào con cũng đạt điểm 9 hoặc 10, kế cả các bài kiểm tra miệng cũng như kiểm tra viết.  - Thế thì tốt, nhưng con chớ có chủ quan. Phải luôn luôn siêng năng cần mẫn vì siêng năng, cần mẫn là đức tính hàng đầu mà mỗi học sinh phải có.  - Thưa mẹ, vâng ạ.  **Bài 3:** Tìm từ ngữ được dùng với ý nghĩa đặc biệt trong những câu văn in nghiêng dưới đây rồi đặt các từ đó trong dấu ngoặc kép :  a) Cả bầy ong cùng nhau xây tổ. *Con nào con nấy hết sức tiết kiệm vôi vữa.*  b) *Trạng Quỳnh thấy có người dâng vua một mâm đào gọi là đào trường thọ thì thản nhiên lấy một quả mà ăn.* Vua giận, ra lệnh chém đầu Quỳnh, Quỳnh bèn tâu :  *- Tâu bệ họ, thần thấy quả đào gọi là trường thọ mới lấy ăn, tưởng ăn vào thì được sống lâu thờ vua. Không ngờ, nuốt chưa khỏi miệng mà chết đã đến cổ. Vậy nên, xin đức vua đổi tên quả ấy là đoản thọ và trị tội kẻ xu nịnh dâng đào.*  Vua nghe vậy bật cười, tha tội cho Trạng Quỳnh  **Trả lời:**  a) Cả bầy ong cùng nhau xây tổ. Con nào còn nấy hết sức tiết kiệm **"vôi vữa."**  b) Trạng Quỳnh thấy có người dâng vua một mâm đào gọi là đào **"trường thọ"** thì thản nhiên lấy một quả mà ăn. Vua giận, ra lệnh chém đầu Quỳnh. Quỳnh bèn tâu :  -   Tâu bệ hạ, thần thấy quả đào gọi là trường thọ mới lấy ăn, tưởng ăn vào thì được sống lâu thờ vua. Không ngờ, nuốt chưa khỏi miệng mà chết đã đến cổ. Vậy nên, xin đức vua đổi tên quả ấy là **"đoản thọ"** và trị tội kẻ xu nịnh dâng đào.  Vua nghe vậy bật cười, tha tội cho Trạng Quỳnh.  **Bài 4:** Viết một đoạn văn chủ đề tự chọn ( trong đó có sử dụng các dấu câu đã học)  Đoạn văn mẫu 1:       Tình cảm gia đình là tình cảm cao đẹp và thiêng liêng. Trong tình cảm gia đình có sự yêu thương của cha và mẹ. Tình yêu này nuôi dưỡng biết bao tâm hồn của mỗi con người. Có người hỏi: Vì sao lại cho rằng tình yêu gia đình lại khác với tình yêu học trò,...? Vì khi bạn vấp ngã hay khi bạn mệt mỏi, tình yêu gia đình sẽ bù đắp cho bạn, sẽ giúp đỡ bạn coi đó như là lời động viên. Gia đình sẽ là người bạn chân thành nhất, cần bạn mà bạn không phải trả thứ gì còn ngoài kia tình người khác cần bạn nhưng phải có điều kiện. Tình yêu gia đình! Gia đình là nơi sinh ra ra; ôm ấp, chở che ta khôn lớn; là tổ ấm, mái ấm của mỗi người. Nơi ấy có tổ tiên, ông bà, cha mẹ, anh em, vợ chồng sống gắn bó, yêu thương, máu thịt với nhau. Mối quan hệ đó là quan hệ bền chặt, sống chết, sướng khổ có nhau, khó có thể lìa xa. Vì thế, tình yêu gia đình là thứ tình yêu thiêng liêng, sâu nặng nhất, nó thể hiện phẩm chất cao quý của mỗi con người.  **Đoạn văn mẫu 2:**       Khi còn nhỏ, mơ ước của anh ta là trở thành một ca sĩ nổi tiếng, cũng có khi lại muốn trở thành một giáo viên dạy thật giỏi. Tuy nhiên mơ ước đó không thành vì tại các cuộc thi anh ta đều trượt (thi tiếng hát truyền hình và đại học sư phạm). Không nản chí với mơ ước của mình, anh ta vào lính và rất hăng hái trong các phong trào đoàn thể. Anh cũng không quên thường xuyên ôn bài để tiếp tục thi đại học. Giờ đây đã đứng trên bục giảng một trường Đại học danh giá, anh không thể nào quên "thuở hàn vi" gian nan và cực khổ. Anh thấm thía lời dạy của Bác Hồ: Không có việc gì khó, chỉ sợ lòng không bền... để truyền lửa cho thế hệ mai sau! | |

**BTVN :**

- GV lưu ý HS: nhận biết được công dụng của các dấu câu để sử dụng cho đúng.

- Ôn tập viết một bài văn thuyết minh thuật lại một sự kiện( một sinh hoạt văn hóa)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | Ngày dạy : |  |

**Tiết 43-44-45**

**RÈN KĨ NĂNG VIẾT BÀI VĂN THUYẾT MINH**

**THUẬT LẠI MỘT SỰ KIỆN (MỘT SINH HOẠT VĂN HÓA)**

**I- MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

- Yêu cầu đối với một bài văn thuyết minh thuật lại một sự kiện( một sinh hoạt văn hóa)

- Các bước viết bài văn thuyết minh thuật lại một sự kiện( một sinh hoạt văn hóa)

**2. Năng lực:**

- Năng lực chung: năng lực tự chủ và tự học; năng lực giao tiếp.

- Năng lực chuyên biệt: Bước đầu biết viết văn bản thông tin thuật lại một sự kiện.

**3. Phẩm chất**:

- Có ý thức ôn tập nghiêm túc.

**II- CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH:**

**1. Giáo viên:** SGK, Bài soạn

**2. Học sinh**: SGK, vở ghi, ôn tập các kiến thức có liên quan.

**III- CÁC HOẠT ĐỘNG TRÊN LỚP**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **GV hướng dẫn HS củng cố những kiến thức cơ bản về kiểu bài.**  **- Hình thức vấn đáp.**  **- HS trả lời.**  **- GV chốt kiến thức** | **I. KIẾN THỨC CHUNG VỀ KIỂU BÀI**  **1. Yêu cầu đối với bài văn thuyết minh về một sự kiện ( một sinh hoạt văn hóa)**  - Xác định rõ người tường thuật tham gia hay chứng kiến sự kiện và sử dụng ngôi tường thuật phù hợp (Sử dụng ngôi kể thứ nhất: xưng “tôi” hoặc “chúng tôi”)  - Giới thiệu được sự kiện cần thuật lại, nêu được bối cảnh ( không gian và thời gian)  - Thuật lại được điễn biến chính, sắp xếp các trình tự theo một trình tự hợp lí.  - Tập trung vào một số chi tiết tiêu biểu, hấp dẫn, thu hút dược sự chú ý của người đọc.  - Nêu được cảm nghĩ, ý kiến của người viết về sự kiện.  **2. Thực hành viết theo các bước**  **a. Trước khi viết**  **\* Lựa chọn đề tài**  - Hãy nhớ lại một sự kiện ( một sinh hoạt văn hóa) mà em trực tiếp tham gia hoặc tìm hiểu, quan sát được qua các phương tiện thông tin.  - Có thể chọn một số đề tài sau: Hội chợ sách, hội chợ xuân ở thành phố, làng quê của em, lễ hội dân gian, hội khỏe phù đổng ở trường hoặc địa phương em.  **\* Tìm ý**  Sau khi lựa chọn được sự kiện định tường thuật. Hãy tìm ý cho bài viết bằng một số hoạt động sau:   |  | | --- | | Sự kiện gì? | | Mục đích của việc tổ chức sự kiện là gì ? | | Sự kiện xảy ra khi nào? ở đâu? | | Những ai đã tham gia sự kiện? Họ đã nói và làm gì? | | Sự kiện diễn ra theo trình tự thế nào? | | Ấn tượng, cảm nghĩ của em hoặc của những người tham gia vể sự kiện là gì? |   **\* Lập dàn ý**  - *Mở bài*: Giới thiệu sự kiện (Không gian, thời gian, mục đích tổ chức sự kiện).  - *Thân bài*: Tóm tắt diễn biến của sự kiện theo trình tự thời gian  + Những nhân vật tham gia sự kiện.  + Các hoạt động chính trong sự kiện ; đặc điểm, diễn biến của từng hoạt động.  + Hoạt động để lại ấn tượng sâu sắc nhất  - *Kết bài*: Nêu ý nghĩa của sự kiện và cảm nghĩ của người viết   * **b. Viết bài**   **c. Chỉnh sửa bài viết** |
| **GV hướng dẫn HS tìm hiểu đề, lập dàn ý áp dụng vào bài tập cụ thể.**  **- Hình thức nhóm.**  **- HS trả lời.**  **- GV tổng hợp, kết luận.** | **II. LUYỆN TẬP- VẬN DỤNG** |
| **Đề bài**: **Em hãy thuyết minh về một lễ hội/một sự kiện văn hóa để lại trong em nhiều ấn tượng đẹp đẽ nhất.**  - GV tháo gỡ bằng cách đặt thêm câu hỏi phụ:*Em biết những ngày lễ lớn nào ở nước ta ? Trong những ngày lễ đó thì ngày nào thường được tổ chức thành lễ hội? Em hãy nêu tên lễ hội đó? Lễ hội đó thường diễn ra ở ở đâu? Vào thời điểm nào? Diễn ra như thế nào?*  **Gợi ý số 1: Thuyết minh về Tết cổ truyền trên đất nước Việt Nam**  **1. Mở bài:**  - Giới thiệu ngày Tết cổ truyền.  Tết cổ truyền là ngày Tết quan trọng nhất trong năm của người Việt, là ngày nghỉ và sum họp gia đình giữa các thành viên với nhau sau một năm học tập, làm việc. Đây cũng là ngày tôn vinh những giá trị truyền thống và cổ truyền của dân tộc.  **2. Thân bài**  ***a. Bối cảnh:*** Tết Nguyên Đán là dịp lễ quan trọng nhất trong năm của người Việt, được tính theo lịch âm, với ba ngày tết chính (3 ngày Tân Niên) là mùng 1, mùng 2 và mùng 3 tháng Giêng âm lịch.  ***b. Nguồn gốc:***  - Tết cổ truyền hay còn gọi là Tết Nguyên đán bắt nguồn từ nền văn minh lúa nước Đông Á, do tập quán canh tác bắt đầu vào mùa vào những ngày đầu năm, tức là tiết đầu tiên trong 24 tiết khí trong năm thường gọi là tiết Nguyên Đán, sau này gọi là Tết Nguyên Đán.  - Để cầu chúc cho mùa màng gieo cấy được thuận lợi, người dân thường chọn tiết khởi đầu trong năm này để cúng lễ, ăn mừng, vui chơi nhằm gây dựng không khí vui tươi, cầu cho mưa thuận gió hòa, mùa màng được bội thu.  ***c. Các hoạt động trong Tết cổ truyền:***  - Cúng ông Táo: Mua cá chép đem thả, làm cỗ cúng ông Táo ngày 23 tháng Chạp.  - Cúng Tất Niên: Là một lễ cúng quan trọng và cần chuẩn bị tươm tất đủ đầy với các món ăn truyền thống.  - Ngoài ra còn có lễ cúng Giao Thừa, lễ cúng trong 3 ngày Tân Niên cũng được thực hiện tương tự.  - Gói bánh chưng chuẩn bị ăn Tết những ngày cuối năm là một dấu ấn, một đặc trưng không thể thiếu trong ngày tết Nguyên Đán và cho đến ngày hôm nay nó vẫn được duy trì như một phong tục đẹp đẽ.  - Chơi hoa: Bên cạnh mai, đào ngày nay còn có muôn thứ hoa rực rỡ khác được dùng để chơi tết ví như cúc vạn thọ, hoa hồng, hoa mào gà, bách hợp, hoa ly thơm ngào ngạt, ...  - Ăn Tất Niên, đón Giao Thừa.  - Xông đất: Gia chủ thường tự xông đất cho nhà mình, hoặc có thể nhờ một người thân thiết, hợp tuổi xông đất, cầu mong cho năm mới khởi đầu thuận lợi, nhiều may mắn.  - Hái lộc: Mỗi một người xuất hành ra khỏi nhà, sau đó chọn hái cho mình một nhành cây, nhành hoa mang về nhà, với mục đích rước lộc vào nhà, cầu may mắn.  - Chúc Tết: Trong những ngày tết mọi người thường có tục đến thăm và chúc tết những người thân thiết.  - Đi chùa cầu may, lễ Phật, thể hiện một nét đẹp trong văn hóa tâm linh của người Việt.  ***d. Ý nghĩa ngày Tết cổ truyền***  - Ngày lễ cổ truyền của dân tộc, ngày tụ họp của nhiều thành viên trong gia đình.  - Tôn vinh những giá trị truyền thống, giá trị văn hóa gia đình.  **3. Kết bài:** Nêu cảm nhận chung.  Tết cổ truyền ngày nghỉ dài nhất và quan trọng nhất trong năm. Ai đi xa học tập hoặc làm việc dù có bận rộn đến đâu cũng cố gắng về nhà thăm gia đình, bạn bè giúp tình cảm thêm gắn kết. Đây cũng là ngày tôn vinh giá trị truyền thống của gia đình và dân tộc.  **Gợi ý số 1: Thuyết minh về ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11**  **1. Mở bài:**   Ngày 20/11 hay Ngày Nhà giáo Việt Nam (tên đầy đủ là Ngày Hiến Chương Nhà giáo Việt Nam) là ngày kỷ niệm quan trọng được tổ chức vào ngày 20/11 hàng năm để tri ân thầy cô giáo, người làm việc trong ngành giáo dục.  **2. Thân bài:** a. Ngồn gốc, lịch sử hình thành ngày nhà giáo Việt Nam 20/11  - Nguồn gốc của sự kiện này phải kể đến vào tháng 1 năm 1946, một tổ chức quốc tế nhà giáo đã được thành lập ở thủ đô nước Pháp lấy tên là FISE (viết tắt của cụm từ Féderation International Syndicale des Enseignants (tạm dịch là Liên hiệp quốc tế các Công đoàn Giáo dục). Sau ba năm, một cuộc hội nghị đã diễn ra ở thủ đô của Ba Lan – Waszawa, FISE đã ban hành bản “Hiến chương các nhà giáo” gồm có 15 chương. Nội dung chính bàn về cuộc đấu tranh chống nền giáo dục tư sản, phong kiến cũng như xây dựng nền giáo dục tốt đẹp, trong đó bảo vệ quyền lợi của nghề dạy, đề cao trách nhiệm, vị trí của người thầy. Năm 1953, Công đoàn giáo dục Việt Nam chính thức gia nhập tổ chức FISE.  - Từ ngày 26 đến 30 tháng 8 năm 1957, tại Thủ đô Vacsava, Hội nghị FISE với 57 nước tham dự, trong đó có Công đoàn giáo dục Việt Nam, quyết định lấy ngày 20 tháng 11 làm ngày Quốc tế Hiến chương các nhà giáo. Ngày 20 tháng 11 năm 1958, lần đầu tiên ngày “Quốc tế Hiến chương các nhà giáo” được tổ chức ở toàn miền Bắc của Việt Nam. Vài năm sau, ngày 20 tháng 11 được tổ chức ở nhiều vùng giải phóng của miền Nam. Nhưng phải đến ngày 20 tháng 11 năm 1982, lễ kỷ niệm Ngày Nhà giáo Việt Nam lần đầu tiên được tổ chức trọng thể trên khắp cả nước.  ***b. Các******hoạt động chính trong ngày Nhà giáo Việt Nam***  - Các hoạt động thi đua lập thành tích chào mừng ngày NGVN trong toàn trường ( thao giảng, thi đua dạy tốt, học tốt, làm báo tường, thi văn nghệ, vẽ tranh…)  - Trong ngày lễ chính: 2 phần  + Mít tinh, ôn lại truyền thống vẻ vang của ngành giáo dục, tuyên dương GV, HS có thành tích xuất sắc trong các phong trào thi đua.  + Văn nghệ, tặng hoa tri ân thầy cô của các thế hệ học trò.  ***c. Ý nghĩa ngày Nhà Giáo Việt Nam***  - Ngày 20/11 là một ngày kỷ niệm được tổ chức hàng năm - ngày Nhà Giáo Việt Nam, đây là ngày lễ “tôn sư trọng đạo” nhằm mục đích tôn vinh những người hoạt động trong ngành giáo dục và là dịp để các thế hệ học trò bày tỏ lòng biết ơn đối với những người Thầy đã dạy bảo.  - Việc tổ chức ngày Nhà Giáo Việt Nam 20/11 hàng năm đã sớm trở thành ngày hội truyền thống của giáo giới Việt Nam, thể hiện truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta - dân tộc có mấy nghìn năm văn hiến và có truyền thống hiếu học, tôn sư trọng đạo.  **3. Kết bài**: Nêu cảm nhận chung.  Đây là dịp để tôn vinh công ơn của các thầy cô giáo. Những thế hệ học trò cũng như các bậc phụ huynh trên khắp cả nước có thể gửi lời tri ân đến các thầy cô giáo của mình. Từ đó, các thầy cô sẽ có thêm niềm tin để tiếp tục sự nghiệp trồng người lớn lao của mình. | |

**BTVN :**

- GV lưu ý HS khi viết bài cần bám sát dàn ý đã lập, chú ý các yêu cầu của bài văn thuyết minh thuật lại một sự kiện (một sinh hoạt văn hóa).

- Ôn tập truyện cổ tích

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | Ngày dạy : |  |

**Tiết 46-47-48**

**ÔN TẬP VỀ TRUYỆN CỔ TÍCH**

**I- MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

- Truyền thuyết, một số yếu tố của truyện truyền thuyết.

**2. Năng lực:**

- Năng lực chung: năng lực tự chủ và tự học; năng lực giao tiếp.

- Năng lực chuyên biệt:

+ Nhận biết được một số yếu tố của truyện cổ tích: cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện, yếu tố kì ảo

+ Nêu được ấn tượng chung về văn bản; nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, dề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm.

**3. Phẩm chất**:

- Có ý thức ôn tập nghiêm túc.

**II- CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH:**

**1. Giáo viên:** SGK, Bài soạn

**2. Học sinh**: SGK, vở ghi, ôn tập các kiến thức có liên quan.

**III- CÁC HOẠT ĐỘNG TRÊN LỚP**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **GV hướng dẫn HS củng cố những kiến thức cơ bản về thể loại.**  **- Hình thức vấn đáp.**  **- HS trả lời.**  **- GV chốt kiến thức** | **I. KIẾN THỨC CHUNG VỀ THỂ LOẠI**  **1. Truyện cổ tích**  Truyện cổ tích là loại truyện dân gian có nhiều yếu tố hư cấu, kì ảo, kể về số phận va cuộc đời của nhân vật trong các mối quan hệ xã hội. Truyện cổ tích thề hiện cái nhìn về hiện thực, bộc lộ quan niệm đạo đức, lẽ công bằng và ước mơ về một cuộc sống tốt đẹp hơn của người lao động xưa.  **2. Đặc điểm nghệ thuật của truyện cổ tích**  - Truyện cổ tích thường kể về những xung đột trong gia đình, xã hội, phản ánh số phận của các cá nhân và thề hiện ước mơ đồi thay số phận của chính họ.  - Nhân vật trong truyện cổ tích đại diện cho các kiểu người khác nhau trong xã hội, thường được chia làm hai tuyến: chính diện (tốt, thiện) và phản diện (xấu, ác).  - Các chi tiết, sự việc thường có tính chất hoang đường, kì ảo.  - Truyện được kể theo trật tự thời gian tuyến tính, thề hiện rõ quan hệ nhân quả giữa các sự kiện.  - Lời kể trong truyện cổ tích thường mở đầu bằng những từ ngữ chỉ không gian, thời gian không xác định. Tuỳ thuộc vào bối cảnh, người kể chuyện có thể thay đồi một số chi tiết trong lời kể, tạo ra nhiều bản kể khác nhau ở cùng một cốt truyện.  **3. So sánh truyện truyền thuyết và truyện cổ tích:**  **- Giống nhau :**  + Đều là truyện dân gian.  + Đều có yếu tố hoang đường kì ảo.  **- Khác nhau:**  + Truyền thuyết kể về các nhân vật và sự kiện có liên quan đến lịch sử.  + Cổ tích kể về cuộc đời của một số kiểu nhân vật.  + Truyền thuyết sử dụng yếu tố kì ảo nhằm mục đích thiêng liêng hoá nhân vật, sự kiện.  + Cổ tích sử dụng yếu tố hoang đường để gửi gắm ước mơ công lí . . . |
| **GV hướng dẫn HS nhắc lại kiến thức trọng tâm về văn bản.**  **- Hình thức vấn đáp.**  **- HS trả lời.**  **- GV chốt kiến thức** | **II. VĂN BẢN “ THẠCH SANH”** |
| **1. Kiến thức chung**  **a. Thể loại:** Truyện cổ tích.  **b. Kiểu nhân vật:**  Truyện Thạch Sanh kể về kiểu nhân vật dũng sĩ.  **c.Tóm tắt**  - Thạch Sanh ra đời  - Thạch Sanh lớn lên học võ và phép thần thông  - Thạch Sanh kết nghĩa anh em với Lí Thông  - Mẹ con LT lừa TS đi chết thay cho mình.  - Thạch Sanh diệt chằn tinh bị LT cướp công.  - TS diệt đại bàng cứu công chúa, lại bị cướp công.  - TS diệt hồ tinh, cứu thái tử, bị vu oan vào tù.  - TS được giải oan lấy công chúa.  - TS chiến thắng quân 18 nước chư hầu.  -TS lấy công chúa và lên ngôi vua.  **d. Bố cục.**  **-** Gồm 3 phần .  **+** Phần 1 : Từ đầu .....“thần thông”: Giới thiệu lai lịch nguồn gốc Thạch Sanh.  + Phần 2 : Tiếp …đến “hoá kiếp bọ hung” : những chiến công của Thạch Sanh.  + Phần 3 : Còn lại : Thạch Sanh lấy công chúa và lên ngôi vua.  **e. Phương thức biểu đạt:** tự sự  **f. Ngôi kể**: ngôi thứ 3  **g. Nội dung – Ý nghĩa**  - Truyện kể về người dũng sĩ diệt chằn tinh, đại bàng cứu người bị hại vạch mặt kẻ vong ân, chống quân xâm lược  - Truyện thể hiện ước mơ của, niềm tin về đạo đức công lý xã hội…  **h. Nghệ thuật.**  - Nhiều chi tiết tưởng tượng thần kỳ độc đáo và giàu ý nghĩa.  **2. Kiến thức trọng tâm**  **a. Xuất thân, ý nghĩa các chi tiết kì ảo:**  ***\* Xuất thân:***  - Chàng trai nhà nghèo, sống trong túp lều cũ dựng dưới gốc đa, cả gia tài chỉ có một lưỡi búa, hằng ngày lên rừng đốn củi kiếm ăn.  - Sống lủi thủi một mình (mồ côi, không người thân thích).  => Cất lên tiếng nói ước mơ đổi thay số phận.  ***\* Ý nghĩa các chi tiết kì ảo:***   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Con vật** | | | | - Chằn tinh:  - Đại bàng: | - Một yêu quái khổng lồ, có sức mạnh ghê gớm, lại biết tàng hình, lắm phép lạ, người đời khiếp sợ, vua quan chịu bó tay.  - Ở hang sâu bí mật, có mỏ sắc, vuốt nhọn, có sức mạnh ghê gớm, quắp công chúa đi trước mặt bá quan văn võ và các anh tài trong thiên hạ.  => Đại diện cho cái ác, gieo rắc nỗi kinh hoàng và gây tai họa cho người dân, đồng thời giúp Thạch Sanh thể hiện phẩm chất của người dũng sĩ. | | | **Đồ vật** | | | | - Cây đàn:  - Niêu cơm: | | - Là nhạc cụ đồng thời là vũ khí.  → Đại diện cho tình  yêu, công lí, nhân đạo, hoà bình.  - Hàng vạn người ăn mãi không hết.  → Lòng nhân đạo, đoàn kết, hòa bình.  => Góp phần tô đậm vẻ đẹp kì diệu của truyện. |   **b. Đặc điểm của hai nhân vật Thạch Sanh và Lý Thông:**   |  |  | | --- | --- | | **Thạch Sanh** | **Lý Thông** | | - Giết chằn tinh.  - Diệt đại bàng  - Cứu thái tử con vua thủy tề.  - Gảy đàn trong ngục giam.  - Vạch mặt mẹ con Lý Thông, tha tội chết cho họ, cưới công chúa.  - Dùng cây đàn để đánh đuổi quân xâm lược.  - Ban niêu cơm thần.  - Nối ngôi vua.  → Thật thà, nhân hậu, dũng cảm, không màng vật chất; đại diện cho chính nghĩa, lương thiện | - Lừa Thạch Sanh đi canh miếu thờ, cướp công.  - Nhờ Thạch Sanh tìm hang ổ đại bàng, ám hại, cướp công.  - Về quê, bị sét đánh, bị biến thành bọ hung.  → Độc ác, mưu mô, xảo quyệt, tham lam, vong ân bội nghĩa | | /cách sắp xếp các tình tiết tự nhiên, khéo léo; kết thúc có hậu/  => Ước mơ, niềm tin vào đạo đức, công lí xã hội và lí tưởng nhân đạo, hòa bình của nhân dân. | | | |
| **GV hướng dẫn HS nhắc lại kiến thức trọng tâm về văn bản.**  **- Hình thức vấn đáp.**  **- HS trả lời.**  **- GV chốt kiến thức.** | **III. VĂN BẢN “ CÂY KHẾ ”** |
| **1. Kiến thức chung**  ***a. Cốt truyện:***  - Cha mẹ chết, người anh chia gia tài, người em chỉ được cây khế.  - Cây khế có quả, chim đến ăn, người anh phàn nàn, chim hẹn trả ơn.  - Chim chở người em bay ra đảo lấy vàng, nhờ đó người em trở nên giàu có.  - Người anh biết chuyện, đổi gia tài lấy cây khế, người em bằng lòng.  - Chim lại đến ăn, rồi lại chở người anh ra đảo.  - Người anh may túi quá to nên chim không bay nổi, người anh bị rơi xuống biển chết.  ***b. Thời gian và không gian trần thuật:***  *- Thời gian: ngày xửa ngày xưa*  *- Không gian: ở một nhà kia*  *→ Không gian, thời gian phiếm chỉ.*  ***c. Nhân vật:***  *- Người em: kiểu nhân vật bất hạnh.*  *- Chim phượng hoàng: nhân vật là loài vật kì ảo (đại diện cho lực lượng siêu nhiên bảo vệ những điều tốt đẹp).*  ***d. Bố cục:*** 3 phần  - P1: Từ đầu ->*không đi lại với em nữa*: giới thiệu về hai anh em và việc chia gia tài.  - P2: Tiếp theo ->*đâm bổ xuống biển:* Cuộc sống của hai anh em khi ra ở riêng.  - P3: Còn lại: Kết thúc truyện.  ***e. Nội dung – Ý nghĩa:***  \* *Nội dung*: Truyện kể về người anh tham lam, độc ác đã phải trả giá và người em chăm chỉ, hiền lành, lương thiện đã được đền đáp xứng đáng.  \* *Ý nghĩa*: Thể hiện ước mơ của nhân dân ta về công bằng trong xã hội, cái thiện chiến thắng cái ác.  ***g. Nghệ thuật***  - Xây dựng chi tiết kì ảo, tăng sức hấp dẫn cho truyện.  - Cách kể chuyện hấp dẫn sinh động.  **2. Kiến thức trọng tâm**  **a. Ý nghĩa chi tiết kì ảo:**  - Chim thần: biết nói tiếng người, biết chỗ cất giấu của cải.  → Con vật kì ảo nằm trong danh sách lực lượng thần kì của thế giới cổ tích; xuất hiện nhằm tạo ra những điều kì diệu; thực hiện chức năng ban thưởng cho nhân vật tốt hoặc trừng phạt nhân vật xấu.  - Câu nói của con chim lớn: *Ăn một quả, trả cục vàng, may túi ba gang, mang đi mà đựng*  → Câu nói có vần, dễ thuộc, dễ nhớ. Ngày nay câu ăn một quả, trả cục vàng hay ăn khế, trả vàng cũng thường được nhân dân dùng để chỉ một việc làm được trả công hậu hĩnh, có kết quả tốt đẹp.  - Không gian kì ảo (đảo xa):  + Đặc điểm: chim bay mãi, bay mãi, qua bao nhiêu là miền, hết đồng ruộng đến rừng xanh, hết rừng xanh đến biển cả, ra tới giữa biển.  + Giúp người em có cuộc sống giàu có.  → Nhấn mạnh ý nghĩa của không gian kì ảo cùng rất nhiều bất ngờ mà không gian kì ảo đó mang lại cho nhân vật trong thế giới cổ tích.  **b. Nhân vật người anh, người em và bài học từ truyện:**  **\* Hai nhân vật:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Nhân vật | Người anh | Người em | | Hành động | - Chiếm hết tài sản.  - Nịnh nọt người em đổi hết tài sản lấy cây khế.  - May túi 12 gang.  - Cố vơ vét hết vàng trên đảo. | - Thương anh, biết phận mình nên không đòi hỏi.  - Chăm sóc cây khế.  - May túi ba gang, lấy vàng trên đảo.  - Sẵn sàng chia sẻ cây khế với anh. | | Kết cục | Bị rơi xuống biển, “tham thì thâm” | Sống sung túc, “ở hiền gặp lành” | | Nhận xét | Ích kỷ, keo kiệt, tham lam, vô ơn, sống không có tình nghĩa. | Tốt bụng, thật thà, lương thiện, biết ơn, giàu tình nghĩa |   **\* Bài học:**  - Không tham lam, biết vừa đủ.  - Sống nhân hậu, tình nghĩa, biết giữ lời hứa, biết đền đáp ơn nghĩa.  - Anh em trong gia đình phải biết thương yêu, đùm bọc, giúp đỡ nhau.  - Trung thực, chăm chỉ, hiểu được ý nghĩa của lao động chân chính. | |
| GV HDHS luyện tập, vận dụng  GV giao bài tập, HDHS thực hiện. | **IV. LUYỆN TẬP** |
| **ĐỀ SỐ 1: Đọc đoạn trích sau, trả lời câu hỏi:**  *“Thạch Sanh sai dọn một bữa cơm thết đãi những kẻ thua trận.... Chúng cúi đầu lạy tạ vợ chồng Thạch Sanh rồi kéo nhau về nước”.*  **Câu 1:** Đoạn trích trên nằm trong văn bản nào?  **Câu 2:** Thể loại của văn bản có chứa đoạn trích?  **Câu 3:** Tìm chi tiết tưởng tượng kì ảo có trong đoạn trích trên.  **Câu 4:** Trình bày cảm nhận của em về chi tiết kì ảo đó bằng một đoạn văn ngắn.  **Hướng dẫn làm bài:**  **Câu 1:** - VB: Thạch Sanh  **Câu 2:**- Thể loại: Truyện cổ tích  **Câu 3:** - Chi tiết niêu cơm thần  **Câu 4.** Gv gợi ý các ý chính trong đoạn văn.  - Giới thiệu TCT TS: *Thạch Sanh* là câu chuyện thể hiện ước mơ, niềm tin về đạo đức, công lý xã hội và lý tưởng nhân đạo, yêu hòa bình của nhân dân ta.  - Nêu được chi tiết kì ảo: Trong đoạn trích trên, niêu cơm thần là một chi tiết tưởng tượng kì ảo giàu ý nghĩa.  - Cảm nhận của em về chi tiết đó: Niêu cơm có khả năng phi thường, cứ ăn hết lại đầy, làm cho quân sĩ 18 nước chư hầu ban đầu coi thường, chế giễu, nhưng sau đó phải ngạc nhiên, khâm phục. Niêu cơm thần không những đã cảm hóa được quân thù mà còn khiến chúng phải cúi đầu khâm phục. Vì thế, niêu cơm tượng trưng cho tình thương, lòng nhân ái, ước vọng đoàn kết, tư tưởng yêu hòa bình của dân ta. Ngoài ra, hình ảnh đó còn mang ước mơ lãng mạn về sự no đủ của cư dân nông nghiệp VN ta khi có được niêu cơm cứ ăn hết lại đầy thì lao động của con người sẽ trở nên đỡ vất vả hơn, mọi người sẽ có được cuộc sống no đủ, hạnh phúc.  **ĐỀ SỐ 2: Hình tượng con chim trong Cây khế có ý nghĩa gì?**  **Hướng dẫn làm bài:**  Con chim trong **Cây khế** là con vật kì ảo, khác thường: hình dáng to lớn, đẹp đẽ; sức mạnh phi thường ( có thể chở được con người trên lưng ); biết nói tiếng người, lại là những lời có vần điệu dễ nghe; biết trọng sức lao động của con người ( ăn khế thì trả vàng); biết giữ lời hứa ( ngày hôm sau quay lại đưa chủ của cây khế đi lấy vàng); biết nơi đảo xa có vàng bạc, kim cương để đưa người đến lấy. Hình tượng này là sáng tạo độc đáo của người dân lao động. Nhân dân gửi gắm ước mơ có một lực lượng siêu nhiên để thực thi công lí: giúp đỡ, ban tặng cho những người yếu thế, hiền lành, tốt bụng; trừng phạt những kẻ xấu xa, độc ác. Qua hình tượng con chim, nhân dân lao động cũng thể hiện tinh thần lạc quan, tin tưởng rằng những người tốt sẽ được sung sướng, hạnh phúc.  **ĐỀ SỐ 3:** Trong truyện **Cây khế** hai anh em có nguồn gốc xuất thân, hoàn cảnh gặp gỡ con chim giống nhau nhưng cách ứng xử, hành động khác nhau; dẫn đến kết cục trái ngược nhau. Kiểu kết cấu kể chuyện như vậy có ý nghĩa gì?  **Hướng dẫn làm bài:**  Trước hết, kết cấu này làm cho sự đối lập về phẩm chất của hai nhân vật trở nên rõ ràng hơn, như trắng với đen, như sáng với tối. Thứ 2, kết cấu này khẳng định kết cục số phận của mỗi người do chính cách lựa chọn xử sự, hành động của họ, mà sâu xa là do bản chất, tính cách con người quyết định. Thử tưởng tượng, nếu người anh cũng may túi ba gang và lấy đủ phần của cải vừa trong túi thì sẽ không phải chịu kết cục bi thảm. Người anh phải gánh chịu hậu quả do chính anh ta gây ra. | |

**BTVN :**

- GV lưu ý HS: nhận biết được các các yếu tố của truyện cổ tích.

- Rèn kĩ năng viết bài văn kể lại một truyện cổ tích.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | Ngày dạy : |  |

**Tiết 49-50-51**

**RÈN KĨ NĂNG VIẾT BÀI VĂN KỂ LẠI MỘT TRUYỆN CỔ TÍCH**

**I- MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

- Yêu cầu đối với bài văn đóng vai nhân vật kể lại một truyện cổ tích.

- Các bước tiến hành viết bài văn đóng vai nhân vật kể lại một truyện cổ tích.

**2. Năng lực:**

- Năng lực chung: năng lực tự chủ và tự học; năng lực giao tiếp.

- Năng lực chuyên biệt:

+ Biết dùng ngôi thứ nhất để kể lại một truyện cổ tích đã biết. HS biết chọn nhân vật kể chuyện, điểm nhìn thích hợp; sử dụng lời kể phù hợp; biết cách kể lại truyện vừa đảm bảo nội dung của truyện gốc vừa có những sáng tạo mới mẻ.

+ Biết tóm tắt và kể lại một câu chuyện một cách trọn vẹn, đồng thời phát huy được trí tưởng tượng, năng lực sáng tạo trong sử dụng ngôn ngữ trần thuật, miêu tả.

**3. Phẩm chất**:

- Có ý thức ôn tập nghiêm túc.

**II- CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH:**

**1. Giáo viên:** SGK, Bài soạn

**2. Học sinh**: SGK, vở ghi, ôn tập các kiến thức có liên

**III- CÁC HOẠT ĐỘNG TRÊN LỚP**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Nội dung cần đạt** |
| **GV hướng dẫn HS củng cố những kiến thức về cách làm bài** văn đóng vai nhân vật kể lại một truyện cổ tích.  **- Hình thức vấn đáp.**  **- HS trả lời.**  **- GV chốt kiến thức.** | **I. Yêu cầu đối với bài văn đóng vai nhân vật kể lại một truyện cổ tích**  - Được kể từ người kể chuyện ngôi thứ nhất. Người kể chuyện đóng vai một nhân vật trong truyện.  - Khi kể có tưởng tượng, sáng tạo thêm nhưng không thoát li truyện gốc; tránh làm thay đổi, biến dạng các yếu tố cơ bản của cốt truyện ờ truyện gốc.  - Cần có sự sắp xếp hợp li các chi tiết và bảo đảm có sự kết nối giũa các phần. Nên nhấn mạnh, khai thác nhiều hơn các chi tiết tưởng tượng, hư cấu, kì ảo.  - Có thể bổ sung các yểu tốmiêu tả, biểu cảm để tả người, tả vật hay thể hiện cảm xúc của nhân vật.  **II. Các bước tiến hành viết bài văn**  **1. Trước khi viết**  + Lựa chọn truyện cổ tích định kể, người nghe (đọc).  + Chọn ngôi kể và đại từ tương ứng.  + Chọn lời kể phù hợp.  + Ghi lại những nội dung chính của câu chuyện.  **\* Lập dàn ý:**  **+ Mở bài** Giới thiệu nhân vật kể chuyện và câu chuyện được kể.  **+ Thân bài** Trình bày diễn biến của câu chuyện bằng cách bám sát truyện gốc.  **+ Kết bài:** Nêu kết thúc truyện và suy nghĩ của bản thân mình.  **2. Viết bài.**  **3. Chỉnh sửa bài viết** |
| **III. Luyện tập**  **GV giao đề bài, HDHS lần lượt luyện tập.** Đề bài 1: Đóng vai Lý Thông kể lại truyện Thạch Sanha. Mở bài: - Lý Thông tự giới thiệu về mình (trước đây là người nhưng hiện giờ đang là một con bọ hung xấu xí).  - Gợi ra nguyên nhân dẫn đến bi kịch của mình. b. Thân bài: - Lý Thông gặp Thạch Sanh, những toan tính của Lý Thông và việc hai người kết nghĩa, lời thề của Lý Thông.  - Chuyện Thạch Sanh ở nhà Lý Thông: dốc sức làm việc cho mẹ con Lý Thông.  - Chuyện con chằn tinh trong vùng và những mưu toan của Lý Thông dẫn đến hành động lừa Thạch Sanh đi canh miếu.  - Chuyện Lý Thông và mẹ đang ngủ thì Thạch Sanh về gọi cửa – tâm trạng sợ sệt hốt hoảng tưởng hồn Thạch Sanh về đòi mạng chuyển sang những toan tính rất nhanh khi biết Thạch Sanh đã giết chết chằn tinh dẫn đến hành động lừa Thạch Sanh bỏ đi.  - Chuyện Lý Thông đem đầu mãng xà đi lãnh thưởng, được hưởng vinh hoa phú quý; những suy nghĩ của Lý Thông về Thạch Sanh (ngu ngốc).  - Chuyện công chúa bị đại bàng bắt đi, Lý Thông phải tìm công chúa, tâm trạng và suy nghĩ của Lý Thông dẫn đến kế tìm Thạch Sanh.  - Chuyện Thạch Sanh tìm và cứu được công chúa; Lý Thông lấp cửa hang hãm hại Thạch Sanh cướp công cứu công chúa rồi được lãnh thưởng; công chúa bị câm.  - Nhận được tin Thạch Sanh bị bắt giam vì tội ăn trộm vàng bạc, Lý Thông vừa kinh ngạc (vì Thạch Sanh còn sống) vừa vui mừng (vì Thạch Sanh bị khép vào trọng tội).  - Chuyện Thạch Sanh được tiếng đàn minh oan, công chúa nói được; Lý Thông bị trừng phạt đúng như lời thề năm xưa.  - Thạch Sanh lấy công chúa, được làm vua và hưởng hạnh phúc lâu bền. c. Kết bài: Những suy nghĩ về tình cảm anh em, về triết lí "ác giả ác báo" của nhân dân ta. | |
| **Bài tham khảo đề 1:**  Lý Thông tôi là một người chuyên bán rượu trong làng. Nhờ vào tay nghề ủ rượu ngon, nên gần xa trong làng ai cũng biết đến.  Một lần, tôi trong một chuyến đi xa, tôi ghé lại nghỉ chân ở quán nước. Chợt tôi thấy một chàng trai vạm vỡ, nước da bánh mật, gánh một bó củi to trên lưng. Tôi tò mò, hỏi ra mới biết đó là Thạch Sanh, một chàng trai mồ côi sống bằng nghề kiếm củi. Thấy Thạch Sanh hiền lành, khỏe mạnh lại mồ côi, tôi ngẫm nghĩ: “Thạch Sanh khỏe mạnh lại khù khờ thế này, mang nó về nhà giúp việc chắc tôi đỡ được bao nhiêu”. Vậy là tôi ngỏ ý kết nghĩa anh em với Thạch Sanh, Thạch Sanh thấy có người thương mình thì vui vẻ nhận lời. Kết nghĩa xong, tôi bèn mời Thạch Sanh về nhà ở để dễ bề lợi dụng.  Từ ngày có nó mẹ con tôi đỡ vất vả đi nhiều. Những công việc nặng nhọc trong nhà, thằng bé tranh làm hết. Hai mẹ con tôi từ đó nhàn nhã nhiều. Nhưng rồi cuộc sống không êm đềm như tôi vẫn thường nghĩ. Trong vùng lúc bấy giờ chợt xuất hiện một con chằn tinh rất hung ác, phép thuật vô song, thường xuyên bắt người ăn thịt. Nó thần thông quảng đại thế nên dân làng đành bó tay, không ai có thể diệt trừ được nó. Để yên ổn, dân làng họp lại đưa ra kế sách đành tình nguyện nộp người cho nó để nó ăn thịt, không quấy phá dân làng nữa. Lệ làng phép nước, sao có thể tránh khỏi, cuối cùng cũng đến ngày tôi phải nộp mạng. Tôi về nhà, nhìn nhà cửa, nhìn mẹ già mà không khỏi đành lòng chịu chết như thế. Chợt Thạch Sanh từ núi gánh củi về, tôi chợt nghĩ ra cách là nhờ Thạch Sanh đi thay mình. Tối đó, tôi mời Thạch Sanh ăn uống no say, rồi cất lời nhờ cậy:   * Mấy nữa, anh có chuyến giao rượu xa, ngặt nỗi, làng lại cử anh đi canh miếu. Chuyến hàng này rất quan trọng anh không đi không yên tâm, em có thể giúp anh đi canh miếu thay anh được không?   Thấy tôi nhờ vả, Thạch Sanh không chần chừ đáp:   * Anh cứ yên tâm giao em.   Nghe vậy, tôi và mẹ vui mừng lắm. Hôm Thạch Sanh đi canh miếu tôi thấp thỏm không thôi. Phần vì cũng cảm thấy có lỗi, thằng bé hiền lành, nhưng rồi nghĩ:" Nó không thay mình thì người chết đêm nay là mình". Trời về khuya, tôi cũng thôi, không nghĩ gì nữa mà tắt đèn đi ngủ. Vừa thiu thiu ngủ thì bỗng có tiếng gọi của Thạch Sanh:   * Anh ơi.... anh ơi.... anh....   Nghe tiếng gọi, mẹ con tôi nghĩ Thạch Sanh về đòi mạng, ,mẹ con tôi van xin khẩn thiết:  -Em ơi, em sống khôn chết thiêng tha cho mẹ và anh…. Anh xin lỗi…..  Thạch Sanh không hiểu chuyện gì đang xảy ra, bèn phân chần:   * Anh ơi, là em, em đây, em nào đã chết, em là người mà anh   Lúc bấy giờ tôi mới tôi mới tin là Thạch Sanh còn sống. Nhưng làm sao mà nó còn sống trở về được. Chẳng lẽ nó biết được ở miếu có chằn tính, bản thân nó chỉ là thế mạng nên quay về đây trả thù.   * Thế sao chú về sớm thế, anh nhờ chú canh miếu mà.   Nghe hỏi, Thạch Sanh thật thà kể lại chuyện giết chằn tinh, bây giờ mẹ con tôi mới an tâm. Nhìn con trăn sau lưng Thạch Sanh tôi chợt nghĩ ra kế:   * Trời ơi, con trăn ấy là của nhà vua nuôi đã lâu. Nay em bắt giết nó, tất không khỏi bị tội chết. Thôi, bây giờ nhân trời chưa sáng, em hãy lo trốn ngay đi! Có chuyện gì để mặc anh ở nhà lo liệu!   Sau khi xúi Thạch Sanh bỏ trốn, tôi cùng mẹ hăm hở đem xác chằn tinh lên kinh đô lĩnh thưởng. Tôi được vua khen ngợi và phong làm đô đốc.  Năm đó, Vua có một người con gái đến tuổi lấy chồng nhưng chưa chọn được ai thích hợp, vua cha bèn nghĩ ra cách ném cầu kén rể, ai bắt được cầu sẽ được làm phò mã. Tôi cũng hăm hở đến dự lễ ném cầu này, vì biết đâu tôi lại giành được tú cầu, một bước lên tiên. Nhưng khi công chúa vừa lên lầu chuẩn bị ném cầu thì bị một con đại bàng cắp đi mất. Cả kinh thành náo loạn đi tìm công chúa.  Tôi được đức vua cho nhiệm vụ đi tìm công chúa và hứa sẽ gả con gái, truyền ngôi cho tôi nữa. Nhưng tôi chỉ vừa mừng vừa lo, không biết tìm công chưa kiểu gi cả. Tôi liền nghĩ đến Thạch Sanh, tôi về lại gốc đa năm xưa tìm nó. Thật vui mừng khi nó chính là người bắn trúng con đại bàng. Thạch Sanh còn tình nguyện xuống hang sâu để tìm công chúa. Tôi buộc dây vào thắt lưng hắn, dặn rằng khi vào cứu được công chúa thì hãy lấy dây để kéo công chua lên, sau đó sẽ thả dây xuống để cứu em. Khi hắn cứu được công chúa, tôi đã không thả dây xuống cứu hắn nữa mà vít luôn cửa hang lại đề phòng nó tranh công của tôi.  Thế nhưng, từ lúc công chúa về cung không nói không rằng, vua cha rất lo lắng. Tôi đã mời rất nhiều nhà sư, đạo gia về để lễ tế nhưng không có tác dụng. Một hôm, trong từ trong tù phát ra một tiếng đàn của ai đó. Bỗng công chúa cất tiếng nói và muốn gặp người đánh đàn. Vua liền truyền người đánh đàn vào cung. Trước mặt mọi người tôi đã bị Thạch Sanh vạch mặt, Thạch Sanh vẫn thương tình tôi nên tha cho mẹ con tôi về quê làm ăn. Nhưng giữa đường do giữ lời thề năm xưa lúc kết nghĩa anh em. Tôi đã bị sét đánh chết. | |
| Đề 2: Đóng vai Sơn Tinh kể lại truyện Sơn Tinh, Thủy Tinh **a. Mở Bài**  Giới thiệu chung về câu chuyện qua lời kể của Sơn Tinh  **b. Thân Bài**  - Kể về sự việc vua Hùng thứ mười tám kén chồng cho công chúa Mị Nương, con gái của mình  - Kể về diễn biến sự việc tranh giành Mị Nương của Sơn Tinh và Thủy Tinh:  + Hai người cùng đến cầu hôn, một người ở vùng non cao, một người ở vùng biển  + Vua tổ chức cuộc thi tài nhưng không tìm được ra người chiến thắng  + Vua ban hành sính lễ cầu hôn, Sơn Tinh mang đầy đủ lễ vật đến trước và được rước Mị Nương về  + Thủy Tinh căm phẫn, không phục chiến thắng của Sơn Tinh nhưng cũng không thể thay đổi được kết cục.  **c. Kết Bài**  Nêu cảm nghĩ của nhân vật Sơn Tinh  ***→ Lưu ý:***   * Xưng tôi/ta trong cả bài văn * Khi kể, chú ý đan xen thêm những chi tiết miêu tả, biểu cảm, tránh đơn thuần kể lại các sự việc. | |
| **Bài viết tham khảo đề số 2:**  Ta là Thuỷ Tinh, chúa của vùng biển cả. Ta đã nhiều lần giao chiến với Sơn Tinh để cướp Mị Nương, nhưng lần nào cũng thất bại.  Chuyện kể rằng Hùng Vương thứ mười tám có một người con gái tên là Mị Nương. Người đẹp như hoa, tính nết hiền dịu. Nhà vua hết mực thương yêu con gái, muốn kén cho con một người chồng xứng đáng. Không đợi chờ gì nữa, ta liền đến xin cầu hôn nàng.  Khi đến nơi, ta gặp một người tên là Sơn Tinh - chúa vùng núi cao. Anh ta cúi xuống lạy vua Hùng, rồi bắt đầu trổ tài: vẫy tay về phía đông, phía đông nổi cồn bãi; vẫy tay về phía tây, phía tây mọc lên từng dãy núi đồi. Ta nghĩ thầm anh chàng cũng giỏi giang đấy, nhưng so sao được với ta, chúa miền nước thẳm. Ta cũng tiến lên xin vua Hùng được trổ tài. Ta cất tiếng gọi thì một luồng gió mạnh nổi lên, mây đen ùn ùn kéo đến, mưa trút xuống ào ào. Xem xong, nhà vua tỏ vẻ băn khoăn, rồi cho gọi các Lạc hầu của mình bàn bạc rất lâu. Khi trở ra, nhà vua nói:  - Hai chàng đều vừa ý ta, nhưng ta chỉ có một người con gái. Thôi thì ngày mai, ai đem sính lễ đến trước ta sẽ gả con gái cho.  Chúng ta tâu hỏi đồ sính lễ cần sắm những gì, vua Hùng liền bảo:  - Một trăm ván cơm nếp, một trăm nệp bánh chưng, voi chín ngà, gà chín cựa, ngựa chín hồng mao, mỗi thứ phải đủ một đôi.  Ta nghĩ bụng những thứ lễ vật kia rất khó tìm ở vùng biển cả. Nhưng một người tài giỏi như ta, không có gì là không làm được. Ta liền chào vua Hùng rồi ra về sai người đi chuẩn bị. Nào ngờ hôm sau, mới tờ mờ sáng, Sơn Tinh đã đem đầy đủ lễ vật đến rước Mị Nương về núi.  Ta đến sau, không lấy được vợ thì tức giận lắm. Ta đem quân đuổi theo đánh Sơn Tinh. Ta hô mưa, gọi gió, làm thành giông bão rung chuyển cả đất trời. Nước ngập nhà cửa, ruộng đồng, tưởng như thành Phong Châu đang nổi lềnh bềnh trên biển nước. Ta đinh ninh chắc hẳn mình giành lại được Mị Nương nên rất đắc chí. Nhưng không, dù gió thét ào ào, mưa trút như thác, Sơn Tinh vẫn đứng vững vàng, nét mặt bình thản bốc từng quả đồi, dời từng dãy núi ngăn chặn dòng nước lũ. Hắn và ta đánh nhau ròng rã mấy tháng trời. Cuối cùng, ta đuối sức, đành rút quân về.  Từ đó oán nặng, thù sâu, năm nào ta cũng làm mưa gió bão lụt dâng nước đánh hắn. Nhưng lần nào cũng vậy, vẫn không thắng nổi hắn để cướp lại Mị Nương, ta lại lủi thủi rút quân về, với tâm trạng đầy oán hận. | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | Ngày dạy : |  |

**Tiết 52-53-54**

**ÔN TẬP VỀ VĂN BẢN NGHỊ LUẬN**

**I- MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

- Đặc điểm nổi bật của văn bản nghị luận.

**2. Năng lực:**

- Năng lực chung: năng lực tự chủ và tự học; năng lực giao tiếp.

- Năng lực chuyên biệt:

+ Nhận biết được các đặc điểm cơ bản về nội dung và hình thức của văn bản nghị luận.

+ Nhận biết được vấn đề văn bản đặt ra: ý nghĩa của những cái chung giữa mọi người và cái riêng biệt ở mỗi con người.

**3. Phẩm chất**:

- Có ý thức ôn tập nghiêm túc.

**II- CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH:**

**1. Giáo viên:** SGK, Bài soạn

**2. Học sinh**: SGK, vở ghi, ôn tập các kiến thức có liên quan.

**III- CÁC HOẠT ĐỘNG TRÊN LỚP**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **GV hướng dẫn HS củng cố những kiến thức cơ bản về thể loại.**  **- Hình thức vấn đáp.**  **- HS trả lời.**  **- GV chốt kiến thức** | **I. TRI THỨC NGỮ VĂN**  **1. Văn bản nghị luận**  Văn bản nghị luận là loại văn bản chủ yếu dùng để thuyết phục người đọc (người nghe) về một vấn đề.  **2. Các yếu tố cơ bản trong văn bản nghị luận**  - Lí lẽ là những lời diễn giải có lí mà người viết (người nói) đưa ra để khẳng định ý kiến của mình.  - Bằng chứng là những ví dụ được lấy từ thực tế đời sống hoặc từ các nguồn khác để chứng minh cho lí lẽ. |
| **GV hướng dẫn HS nhắc lại kiến thức trọng tâm về văn bản.**  **- Hình thức vấn đáp.**  **- HS trả lời.**  **- GV chốt kiến thức** | **II. CÁC VĂN BẢN TRONG CHỦ ĐỀ**  **1. Xem người ta kìa**  **a. Mong muốn của mẹ**  - Câu nói của người mẹ: “Xem người ta kìa!”  - Mục đích: Để con bằng người, không làm xấu mặt gia đình, không ai phàn nàn, kêu ca.  => Mong ước: ***Mẹ luôn muốn con mình hoàn hảo giống người khác.***  => Là điều ước mong rất giản dị, đời thường của mỗi một người mẹ.  ***b. Suy ngẫm của người con***  **\* Những lí do người mẹ muốn con mình giống người khác.**  - Mặc dù mỗi người là một cá thể riêng biệt nhưng vẫn có điểm giống nhau.  - Việc noi theo những ưu điểm, chuẩn mực của người khác để tiến bộ là điều nên làm.  **\* Sự khác biệt trong mỗi cá nhân**  - Các dẫn chứng: Các bạn trong lớp mỗi người một vẻ, sinh động biết bao (SGK).  - Nghệ thuật: Dẫn chứng cụ thể, xác thực, tiêu biểu, phù hợp.  => Sự khác biệt là một phần đáng quý trong mỗi con người.  ***c. Ý nghĩa văn bản***  - Hoà đồng, gần gũi mọi người nhưng cũng cần tôn trọng, giữ lại sự khác biệt cho mình. |
| **GV hướng dẫn HS nhắc lại kiến thức trọng tâm về văn bản.**  **- Hình thức vấn đáp.**  **- HS trả lời.**  **- GV chốt kiến thức.** | **2. Hai loại khác biệt**  ***a. Sự khác nhau của hai loại khác biệt***   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Khác biệt**  **vô nghĩa** | **Khác biệt**  **có nghĩa** | | ***Biểu hiện*** | - "Tôi": Đến trường với bộ trang phục kì dị, đồ pi-gia-ma kết hợp với áo thun dài tay.  - Các cách thể hiện khác:  + Để kiểu tóc kì quặc.  + Làm trò quái đản với trang sức và hộp phấn trang điểm.  + Tham gia những hoạt động ngu ngốc, gây chú ý.  → Nhiều bạn làm tương tự: Không còn khác biệt. | J - khác biệt.  - Đứng lên trả lời câu hỏi.  - Phát biểu một cách từ tốn, dõng dạc, lễ độ.  - Nói với giáo viên là "Thưa thầy/cô", gọi bạn là "anh chị".  - Cuối tiết học, tiến lên phía trước và bắt tay thầy giáo như một lời cảm ơn thầm lặng. | | ***Kết quả*** | - Trở nên lố bịch, kì lạ nhưng lại không khác biệt.  - Nhận ra mình chọn cách đơn giản nhất vì không quan tâm tìm kiếm một thứ ý nghĩa hơn, mình là khác biệt vô nghĩa. | - Ban đầu: Các bạn cười khúc khích vì cho là kì quặc.  - Về sau: Nể phục và được mọi người đặc biệt chú ý. |   => Khẳng định vấn đề qua một câu chuyện gần gũi.  **b.** **Bài học:** Muốn tạo ra sự khác biệt có nghĩa, con người cần có tư duy nhạy bén, sự quan sát lâu dài, hiểu biết sâu rộng, hứng thú khám phá kiến thức,... |
| **GV hướng dẫn HS nhắc lại kiến thức trọng tâm về văn bản.**  **- Hình thức vấn đáp.**  **- HS trả lời.**  **- GV chốt kiến thức.** | **3. Bài tập làm văn**  **a. Lí do mà Ni – cô – la nhờ bố làm bài tập.**  + Có thế:  - Ni – cô – la vốn học yếu về môn văn, không tự tin khi làm bài.  - Đề văn hơi khó, Ni – cô – la cảm thấy chật vật.  - Trong học tập, Ni – cô – la thường có thói quen dựa dẫm, không tự lực….  => Cho dù là lí do nào đi nữa thì việc nhờ bố làm hộ bài văn cũng là điều không thể chấp nhận được.  **b.Cuộc trò chuyện của hai bố con**  ***\* Thái độ của bố Ni – cô – la khi được con nhờ làm hộ bài tập văn.***  - Cần thiết  - Chỉ làm giúp lần này thôi.  - Vì bố muốn thấu hiểu và làm bạn với con.  - Lời kể chuyện có giọng hài hước, vui nhộn.  **\* Ai là người bạn thân nhất của Ni – cô – la**  **-** Nếu không biết ai là người bạn thân nhất của Ni – cô – la mà bố hay ông Blê – đúc vẫn làm bài thì bài văn ấy nói về người nào chứ không phải bạn của Ni – cô – la.  - Không đáp ứng được yêu cầu của đề cô giáo giao.  - Cô giáo nhận ra bài văn đã viết về một nhân vật tưởng tưởng nào đó, chứ không phải nói về người bạn thân nhất của Ni – cô – la.  **=> Không thể làm bài văn hộ con.**  **c. Bài học mà Ni – cô – la rút ra sau cuộc trò chuyện với bố.**  - Đồng ý với bài học mà Ni - cô - la rút ra được qua những gì đã xảy ra.  - Bài học này không chỉ đúng với Ni - cô – la mà đúng với mỗi chúng ta.  - Chỉ có làm bài bằng chính sức của mình, mới biết điểm mạnh, điểm yếu. Điểm mạnh phát huy, điểm yếu khắc phục.  *=>****Sống trung thực, thể hiện được những suy nghĩ riêng của bản thân.*** |
| GV HDHS luyện tập, vận dụng  GV giao bài tập, HDHS thực hiện. | **III. LUYỆN TẬP** |
| **ĐỀ SỐ 1: Hãy đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi nêu ở dưới.**  Bạn ơi, sống thật với chính mình có thể quyết định cả tới cuộc sống và tương lai lâu dài của bạn nữa đấy. Để tôi kể cho bạn nghe câu chuyện về nhà vật lí xuất sắc người Nga Piotr Nikolaevish Lebedev. Ông là con trưởng của một gia đình buôn bán giàu có, cha ông luôn hướng con mình tới ngành kinh doanh. Nào ngờ, Lebedev lại không có hứng thú với mấy việc buôn bán mà chỉ chú trọng vào vật lí. Khi người cha bắt ép ông phải theo con đường kinh doanh, ông đã không chịu, vẫn đi theo con đường vật lí học, thậm chí chấp nhận bị đuổi ra khỏi nhà. Vượt qua rất nhiều khó khăn và trở ngại, ông đã thành công: chứng minh được rằng ánh sáng cũng có áp suất vào vật rắn và cả phân tử khí. Hãy nghĩ xem, nếu Lebedev không sống thật với chính mình, nghĩa là bỏ qua sở thích của mình và đi theo con đường người khác đã sắp đặt sẵn thì nhân loại ngày nay có biết đến ông không? Vì vậy sống thật với chính mình sẽ ảnh hưởng tích cực tới cuộc sống của bạn.   … Hãy nhớ rằng bạn là một, là duy nhất, ngàn vì tinh tú của trời đất cũng chẳng đa dạng bằng hàng tỉ tỉ tế bào có trong bạn. Đừng để những đặc sắc riêng biệt của bạn bị tan vào với cái gì khác. Hãy cứ là bạn. Hãy luôn sống với đúng con người thật của chính mình!  *(Tuyển tập đề và bài văn NLXH, tập 1, NXB Giáo dục Việt Nam,2018)*  **Câu 1.** Xác định kiểu văn bản của đoạn trích ? Câu 2. Trong đoạn trích, tác giả đã bày tỏ ý kiến gì? **Câu 3.** Tác giả đã sử dụng lí lẽ, bằng chứng nào để thuyết phục người đọc ?  **Câu 4.** Em có đồng tình với ý kiến tác giả đã nêu trong đoạn trích không? Vì sao? Hãy trình bày ý kiến của mình bằng một đoạn văn ngắn ( khoảng 5-7 dòng).  **Hướng dẫn làm bài:**  **Câu 1:**  Văn bản nghị luận.  **Câu 2:**  - Ý kiến: Hãy luôn sống đúng với con người thật của chính bạn.  **Câu 3:**  - Lí lẽ: sống thật với chính mình có thể quyết định cả tới cuộc sống và tương lai lâu dài của bạn  - Bằng chứng: câu chuyện về nhà vật lí xuất sắc người Nga Piotr Nikolaevish Lebedev  **Câu 4:**   * Có thể đồng tình hoặc không đồng tình. * Lí giải:   - Có thể viết đoạn văn theo định hướng sau:  + Khi sống thật với chính mình, ta đã để những suy nghĩ, cách hành xử của bản thân được tự do bộc lộ ra ngoài, không bị chi phối bởi tác động của người xung quanh.  + Sống thật với chính mình, con người sẽ làm chủ cuộc đời, nhận ra mặt mạnh của bản thân để phát huy, mặt yếu để rút kinh nghiệm.  + Nhờ có sống thật với chính mình, ta sẽ trở nên lạc quan, tự tin vào bản thân. Từ có, ta sẽ có động lực, sức mạnh tinh thần để vượt qua những cám dỗ của tiến tài, địa vị, đồng thời ta sẽ được được người khác tôn trọng.  Đoạn văn tham khảo:  *Sống là chính mình là sống thực với những giá trị mình có; quan tâm đến những suy nghĩ, ý kiến của riêng mình; giải phóng bản thân khỏi những suy nghĩ của người khác; làm những gì mình thích; nói lên quan điểm của mình và sống cuộc sống mà mình mong muốn. Khi sống là chính mình, cuộc sống của chúng ta đơn giản, ít căng thẳng hơn, tự do hơn, không phải phụ thuộc vào người khác. Khi đó ta sẽ hiểu được giá trị của bản thân, hiểu được mình muốn gì và mình sẽ làm được điều gì, khi đó ta sẽ có trách nhiệm hơn với bản thân và sẽ phát huy được giá trị của bản thân góp phần xây dựng xã hội tốt đẹp. Khi ta tự tin với chính mình ta sẽ hạnh phúc hơn. Sống là chính mình nhưng cũng phải biết lắng nghe kiến của người khác để phát huy điểm mạnh, khắc phục điểm yếu của bản thân. Phê phán những người sống lệ thuộc vào người khác, không có tinh thần tự lập.Để được sống là chính mình cần phải học tập, rèn luyện để có đủ kiến thức và kĩ năng trong cuộc sống. Hãy sống là chính mình, bình thường nhưng không tầm thường (Nick Vujicic).*  Đoạn 2:  *Mỗi người chúng ta sinh ra là một cá thể riêng biệt, mang một cá tính riêng, màu sắc riêng, không ai giống ai và cũng không có ai sống để làm bản sao của người khác. Chính vì vậy, chúng ta hãy sống cuộc sống của chính mình, hãy là chính mình. Luôn là chính mình mang ý nghĩa mỗi người hãy biết trân trọng bản thân, bằng lòng với nó và cố gắng phát triển bản thân mình, trở thành một người tốt, có ích cho xã hội. Bạn có thể không học giỏi nhưng bạn lại có tài vẽ đẹp, hát hay. Bạn có thể gầy nhưng bạn lại có gương mặt xinh đẹp. Bạn có thể không xinh nhưng bạn lại có giọng nói ấm áp. Bạn có thể không giỏi cầm, kỳ, thi, họa nhưng bạn lại biết nấu ăn ngon... Giá trị của bạn không phải bạn sinh ra ở đâu, bạn bắt đầu như thế nào mà ở cái đích bạn đạt được có bao nhiêu sự cố gắng nỗ lực của bạn.Để đi đến được thành công chưa bao giờ là dễ dàng và quá trình bạn đi trên con đường đó sẽ giúp bạn tìm ra giá trị đích thực của bản thân. Chối bỏ bản thân mình là bạn đang đánh mất đi cơ hội để bạn được hoàn thiện mình hơn. Bất kỳ ai sinh ra cũng có những điểm mạnh nhất định của mình mà chính bản thân ta phải tự mình tìm lấy nó. Tự mình vun đắp cho tâm hồn mình, sống một cách đơn giản cho cuộc đời đơn giản. Khi ấy, bạn sẽ tìm được con đường đúng đắn và có hạnh phúc, đừng vì ngưỡng mộ mà cầm bản đồ của người khác miệt mài dò đường của mình.sống một cách đơn giản cho cuộc đời đơn giản. Khi ấy, bạn sẽ tìm được con đường đúng đắn và có hạnh phúc, đừng vì ngưỡng mộ mà cầm bản đồ của người khác miệt mài dò đường của mình.sống một cách đơn giản cho cuộc đời đơn giản. Khi ấy, bạn sẽ tìm được con đường đúng đắn và có hạnh phúc, đừng vì ngưỡng mộ mà cầm bản đồ của người khác miệt mài dò đường của mình.*  **ĐỀ SỐ 2: Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:**  *Ngày nay, rất nhiều học sinh ăn mặc lố lăng, không phù hợp với lứa tuổi. Những bộ đồng phục giúp những học sinh dù giàu hay nghèo cũng trở nên bình đẳng. Thế nhưng, nhiều học sinh dù giàu hay nghèo vẫn muốn “chơi trội”, khi đến trường thì làm cho những bộ đồng phục trở nên “biến dị”. Những chiếc quần đồng phục được cắt sửa, bó sát vào cơ thể, những chiếc váy đồng phục thì được cắt cho thật ngắn. Rồi trên mặt những học sinh nào ấy nào là phấn son, tóc để xõa, lòa xòa, nhuộm xanh, nhuộm đỏ. Con trai thì vuốt tóc dựng ngược, trông như những cái đinh. Con gái đi giày cao gót, con trai đi dép tông, trông thật lố lăng, không giống như đang trong trường học,mà như một sàn diễn “thời trang”. Còn khi ở nhà, đi chơi, những bộ trang phục càng trở nên lố lăng hơn. Những nữ sinh “thùy mị” thì mặc những cái quần bó gấu, rách,hay những chiếc quần soóc siêu ngắn, những chiếc áo dây hở hang, trên mặt thì trang điểm thật đậm, chân đi những đôi guốc siêu cao. Còn nam sinh thì mặc những chiếc quần mài, rách, đôi khi còn có cả vết săm trên người. Chắc hẳn, nhìn những người như vậy, ít ai nghĩ họ là học sinh, là lứa tuổi trong sáng.*  *(Tuyển tập đề và bài văn NLXH, tập 1, NXB Giáo dục Việt Nam,2018)*  **Câu 1.** Xác định kiểu văn bản của đoạn trích ? Câu 2. Trong đoạn trích, tác giả đã bày tỏ ý kiến gì? **Câu 3.** Tác giả đã sử dụng lí lẽ, bằng chứng nào để thuyết phục người đọc ?  **Câu 4.** Theo em, làm thế nào để thể hiện văn hóa của mình thông qua trang phục? Hãy trình bày ý kiến của mình bằng một đoạn văn ngắn ( khoảng 5-7 dòng).  **Hướng dẫn làm bài:**  **Câu 1:**  Văn bản nghị luận.  **Câu 2:**  - Ý kiến: Trang phục và văn hóa của học sinh.  **Câu 3:**  - Lí lẽ: Những bộ đồng phục giúp những học sinh dù giàu hay nghèo cũng trở nên bình đẳng.  - Bằng chứng:  + Khi đến lớp thì làm cho những bộ đồng phục trở nên “biến dị”… như một sàn diễn thời trang.  + Khi ở nhà, đi chơi, những bộ trang phục càng trở nên lố lăng hơn…  **Câu 4:**  *Mỗi chúng ta, là học sinh, đã có ý thức, suy nghĩ hiểu biết, phải luôn biết cách chọn trang phục. Trang phục phải phù hợp với lứa tuổi, thể hiện sự trong sáng của tuổi học trò và phải phù hợp với kinh tế gia đình. Mỗi người phải biết suy xét thật kĩ trước khi lựa chọn, mua trang phục. Học sinh không nên đua đòi, chạy theo mốt này, mốt nọ, phải có suy nghĩ đúng đắn về trang phục. Hơn nữa, nhà trường cần phải nghiêm ngặt hơn trong việc quản lí học sinh về trang phục, nhân cách. Gia đình cũng cần quan tâm hơn về cách ăn mặc của con cái. Hãy ăn mặc thật đơn giản, phù hợp mà lại thật đẹp, các bạn nhé!* | |

**BTVN :**

- GV lưu ý HS: nhận biết được các các yếu tố của văn bản nghị luận ( ý kiến, lí lẽ, dẫn chứng)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | Ngày dạy : |  |

**Tiết 55-56-57**

**ÔN TẬP VỀ TRẠNG NGỮ,**

**LỰA CHỌN TỪ NGỮ, LỰA CHỌN CẤU TRÚC CÂU**

**I- MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

- Đặc điểm, chức năng của trạng ngữ.

- Tác dụng của việc lựa chọn từ ngữ và cấu trúc trong việc biểu đạt nghĩa.

**2. Năng lực:**

- Năng lực chung: năng lực tự chủ và tự học; năng lực giao tiếp.

- Năng lực chuyên biệt:

+ Nhận biết được đặc điểm, chức năng của trạng ngữ.

+ Hiểu được tác dụng của việc lựa chọn từ ngữ và cấu trúc trong việc biểu đạt nghĩa.

**3. Phẩm chất**:

- Có ý thức ôn tập nghiêm túc.

**II- CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH:**

**1. Giáo viên:** SGK, Bài soạn

**2. Học sinh**: SGK, vở ghi, ôn tập các kiến thức có liên quan.

**III- CÁC HOẠT ĐỘNG TRÊN LỚP**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **GV hướng dẫn HS củng cố những kiến thức cơ bản về trạng ngữ.**  **- Hình thức vấn đáp.**  **- HS trả lời.**  **- GV chốt kiến thức** | **I. TRẠNG NGỮ**  **1. Khái niệm**  - **Trạng ngữ** là thành phần phụ của câu, xác định **thời gian, nơi chốn, nguyên nhân, mục đích, phương tiện, cách thức** **.**.. của sự việc nêu ở trong câu.  **- Trạng ngữ** trả lời cho các câu hỏi **Khi nào ?, Ở đâu ?, Vì sao ?, Để làm gì ?.**  - Về vị trí của trạng ngữ trong câu: Đầu câu, giữa hoặc cuối câu.  **2. Đặc điểm của trạng ngữ**  \* Về ý nghĩa: Trạng ngữ được thêm vào câu để xác định:  **- Thêm trạng ngữ chỉ thời gian cho  câu.**     Trạng ngữ chỉ thời gian dùng để xác định thời gian diễn ra sự việc nêu ở trong câu. Trạng ngữ chỉ thời gian trả lời cho các câu hỏi **Bao giờ ?, Khi nào ?, Mấy giờ? .**  VD: Buổi sáng hôm ấy, mùa đông đột nhiên đến, không báo cho biết trước.  **- Thêm trạng ngữ chỉ nơi chốn cho câu.**    Trạng ngữ chỉ nơi chốn để làm rõ nơi chốn diễn ra sự việc nêu trong câu. Trạng ngữ chỉ nơi chốn trả lời cho câu hỏi **Ở đâu ? .**  VD : Trên bờ, tiếng trống càng thúc dữ dội.  -**Thêm trạng ngữ chỉ nguyên nhân cho câu.**    Trạng ngữ chỉ nguyên nhân để giải thích nguyên nhân của sự việc hoặc tình trạng nêu trong câu. Trạng ngữ chỉ nguyên nhân  trả lời các câu hỏi **Vì sao ?, Nhờ đâu ?, Tại đâu ?**.  VD: Nhờ học giỏi, Nam được cô giáo khen.  **- Thêm trạng ngữ chỉ mục đích cho câu.**    Trạng ngữ chỉ mục đích nói lên mục đích tiến hành sự việc nêu trong câu. Trạng ngữ chỉ mục đích trả lời cho các cau hỏi**Để làm gì ?, Nhằm mục đích gì ?, Vì cái gì ?.**  VD: Nhằm giáo dục ý thức bảo vệ môi trường cho học sinh, các trường đã tổ chức nhiều hoạt động thiết thực.  **- Thêm trạng ngữ chỉ phương tiện cho câu.**  Trạng ngữ chỉ phương tiện thường mở đầu bằng các từ bằng, với, và trả lời cho các câu hỏi Bằng cái gì ?,  Với cái gì ? .  VD : Bằng một giọng thân tình, thầy khuyên chúng em cố gắng học cho tốt  \* Về hình thức: Trạng ngữ có thể đứng ở giữa câu, đầu câu hay cuối câu.  Vd:  - Qua màng nước mắt, tôi nhìn theo mẹ và em trèo lên xe. ( Khánh Hoài)  -Tôi, qua màng nước mắt, nhìn theo mẹ và em trèo lên xe.  **3. Trạng ngữ có những công dụng gì ?**  - Xác định hoàn cảnh, điều kiện diễn ra sự việc nêu trong câu, góp phần làm cho nội dung câu được đầy đủ, chính xác  - Nối kết các câu, các đoạn với nhau, góp phần làm cho đoạn văn, bài văn được mạch lạc |
| **GV hướng dẫn HS củng cố những kiến thức cơ bản về lựa chọn từ ngữ và cấu trúc câu trong tạo lập văn bản.**  **- Hình thức vấn đáp.**  **- HS trả lời.**  **- GV chốt kiến thức** | **II. LỰA CHỌN TỪ NGỮ, LỰA CHỌN CẤU TRÚC CÂU**  **1. Lựa chọn từ ngữ**  - Trong nói và viết, lựa chọn từ ngữ và cấu trúc câu là thao tác diễn ra thường xuyên.  - Trong nhiều từ có thể được sử dụng, chỉ có một từ được xem là phù hợp nhất.  **2. Lựa chọn cấu trúc câu trong tạo lập văn bản**  - Trong viết và nói, việc lựa chọn cấu trúc câu phải là hành động có chủ ý, vì mỗi kiểu cấu trúc đưa đến một giá trị biểu đạt riêng.  - Cách tiến hành:  + Tạo câu đúng ngữ pháp  + Chú ý tới ngữ cảnh, mục đích viết/ nói, đặc điểm văn bản để chọn cấu trúc phù hợp. |
| GV HDHS luyện tập, vận dụng  GV giao bài tập, HDHS thực hiện. | **III. LUYỆN TẬP** |
| **1. Bài tập về trạng ngữ**  **Bài tập 1**  **Tìm các trạng ngữ có trong câu sau và cho biết có thể lược bỏ chúng không? Tại sao?**  a. Mùa đông, giữa ngày mùa, làng quê toàn màu vàng- những màu vàng rất khác nhau.  b. Hôm qua, ai làm trực nhật.   * Thưa cô, hôm qua, em làm trực nhật ạ!   c. Chiều chiều, khi mặt trời gần lặn, chú tôI lại đánh một hồi mỏ rồi tung thóc ra sân.  **Hướng dẫn làm bài:**  a. Mùa đông, giữa ngày mùa, làng quê toàn màu vàng- những màu vàng rất khác nhau.  b– Hôm qua, ai làm trực nhật.   * Thưa cô, hôm qua, em làm trực nhật ạ!   c. Chiều chiều, khi mặt trời gần lặn, chú tôI lại đánh một hồi mỏ rồi tung thóc ra sân.  `  ( => TN tuy là thành phần phụ nhưng có tác dụng bổ sung ý nghĩa cho sự việc được nói tới trong câu và có giá trị thông tin nhất định. Do đó trạng ngữ trong các câu a,c ý 1 câu b không thể lược bỏ, chỉ có thể bỏ trạng ngữ ở ý 2 câu b( Hôm qua, em làm trực nhật ạ!) vì ý nghĩa thời gian đã được người nói và người nghe biết trước.)  **Bài tập 2**  **Xác định ý nghĩa của trạng ngữ trong những câu sau:**  a) Nhà bên, cây cối trong vườn trĩu quả.  b) Con chó nhà tôi chết bởi ngộ độc thức ăn.  c) Tôi tiến bộ nhờ sự giúp đỡ của anh.  d) Một cây súng Mát với ba viên đạn, Kơ Long bám gót giặc từ sáng đến trưa.  ***( Nguyễn Trung Thành)***  e) Rít lên một tiếng ghê gớm, chiếc “ Mích” vòng lại***. ( Nguyễn Đình Thi)***  g) Nhưng cũng như trước một chuyến đi xa, trong lòng con không có mối bận tâm nào khác ngoài chuyện ngày mai thức dạy cho kịp giờ.  h) Mọi ngày, khi con đã ngủ, mẹ dọn dẹp nhà cửa. ***( Lí Lan)***  i) Nhìn con ngủ một lát rồi mẹ đi xem lại những thứ đã chuẩn bị cho con.  ***( Lí lan)***  **Hướng dẫn làm bài:**  a) Nhà bên, cây cối trong vườn trĩu quả. ( ***TN chỉ nơi chốn***)  b) Con chó nhà tôi chết bởi ngộ độc thức ăn.( ***TN chỉ Nguyên nhâ***n)  c) Tôi tiến bộ nhờ sự giúp đỡ của anh. ( ***TN chỉ nguyên nhân***)  d) Một cây súng Mát với ba viên đạn, Kơ Long bám gót giặc từ sáng đến trưa.( nguyễn trung Thành) ( ***TN chỉ phương tiện***)  e) Rít lên một tiếng ghê gớm, chiếc “ Mích” vòng lại. ( nguyễn Đình Thi) - ***TN chỉ trạng thái.***  g) Nhưng cũng như trước một chuyến đi xa, trong lòng con không có mối bận tâm nào khác ngoài chuyện ngày mai thức dạy cho kịp giờ.  ( Lí Lan) - ***TN chỉ sự so sánh***.  h) Mọi ngày, khi con đã ngủ, mẹ dọn dẹp nhà cửa. ( Lí Lan) - ***TN thời gian,*** cách thức.  i) Nhìn con ngủ một lát rồi mẹ đi xem lại những thứ đã chuẩn bị cho con. ( Lí lan) – TN chỉ cách thức.  **Bài tập 3**  **Thêm vào các câu sau một trạng ngữ thích hợp:**   * 1. Bạn lan được cô giáo khen.   2. Cây cối đâm chồi nảy lộc.   3. Em làm sai mất bài toán cuối.   4. Tất cả học sinh đều chăm chú lắng nghe.   **Hướng dẫn làm bài:**  a. Bạn lan được cô giáo khen. ( Hôm nay)  b. Cây cối đâm chồi nảy lộc. ( MX)  c. Em làm sai mất bài toán cuối. ( Vì không chú ý)  d. Tất cả học sinh đều chăm chú lắng nghe. ( Trong giờ học toán)  **2. Bài tập về lựa chọn từ ngữ**  **Bài tập 1. Trả lời các câu hỏi sau.**  **a)** Với câu *"Nhớ các bạn trong lớp tôi ngày trước, mỗi người một vẻ, sinh động biết bao."* có thể dùng từ *kiểu*để thay cho *vẻ*được không? Vì sao?  Không thể vì *kiểu*gắn với những từ chỉ sự vật, loài vật còn *vẻ*gắn với con người.  **b)** Từ *khuất* được dùng trong câu "*Giờ đây, mẹ tôi đã khuất và tôi cũng đã lớn.*" có phù hợp hơn so với một số từ khác cũng có nghĩa là chết như: *mất, từ trần, hi sinh*?  Phù hợp hơn *từ trần, hi sinh* vì cùng mang tính chất nói giảm nói tránh nhưng *hi sinh* thường được dùng với anh hùng, *từ trần* mang tính chất trang trọng. Nếu thay thế chỉ có thể dùng *mất*.  **c)** Vì sao trong câu*"Tôi luôn nhớ về mẹ với niềm xúc động khôn nguôi."*, từ*xúc động* được chọn hợp lí hơn các từ khác như *cảm động* hay *xúc cảm*?  Vì từ *xúc cảm* không nêu được hết ý nghĩa cảm động, còn từ *cảm động* thì lại thường được dùng khi nói về điều tích cực.  **Bài tập 2. Chọn từ ngữ phù hợp nhất trong ngoặc đơn để đặt vào khoảng trống ở các câu sau và giải thích lí do lựa chọn.**  **a)** *Bị cười, không phải mọi người đều.... giống nhau.*  (**phản ứng**, phản xạ, phản đối, phản bác)  **b)** *Trên đời, không ai.... cả.*  (hoàn tất, hoàn toàn, **hoàn hảo**, hoàn chỉnh)  **c)** *Đi đường phải luôn luôn... để tránh xảy ra tai nạn.*  (nhìn ngó, dòm ngó, **quan sát**, ngó nghiêng)  **d)***Ngoài... của bản thân, tôi còn được bạn bè, thầy cô thường xuyên động viên, khích lệ.*  (sức lực, tiềm lực, **nỗ lực**)  **3. Bài tập về lựa chọn cấu trúc câu**  **Bài tập 1. Thực hiện các yêu cầu sau:**  **a)** Chỉ ra ý nghĩa của cụm từ in đậm trong câu sau và cho biết, nếu bỏ thành phần đó, câu thay đổi như thế nào về cấu trúc.  **- Nhiều buổi trưa**, khi mọi người nghỉ cả, chú Nam lúi húi đẽo, gọt.  ->Từ in đậm trong câu được dùng để chỉ mốc thời gian của sự việc được nói đến trong câu. Nếu bỏ thành phần đó đi, câu sẽ không được diễn đạt rõ nghĩa. Người đọc chỉ biết hành động của chú Nam đẽo gọt chung chung, không rõ hành động cụ thể của sự việc đó như thế nào.  **b)** Văn bản *Tiếng cười không muốn nghe* có câu: *Nếu ai đó chế nhạo cái khác biệt của ta, ta có thấy dễ chịu không?* Giả sử câu này được viết lại thành: *Ta có thấy dễ chịu không nếu ai đó chế nhạo sự khác biệt của ta?* thì ý nghĩa sẽ thay đổi như thế nào?  -> Nếu đổi trật tự trong câu, sẽ không làm nổi bật được ý nghĩa chính của câu muốn nói đến. Ý nghĩa chính của câu ở đây là chế nhạo sự khác biệt, nên phải được đặt lên trước.  **c)** Câu*Ai chẳng muốn thông minh, giỏi giang?* có thể đổi cấu trúc: *Thông minh, giỏi giang thì ai chẳng muốn*. Chỉ ra sự khác nhau về ý nghĩa giữa câu gốc và câu biến đổi.  -> Ý nghĩa của câu gốc: Nhấn mạnh vào đối tượng "ai đó", "tất cả mọi người", bất cứ ai".  -> Ý nghĩa của câu biến đổi: Nhấn mạnh vào vấn đề thông minh, giỏi giang.  **4. Sau đây là những câu được thay đổi cấu trúc so với câu gốc trong văn bản đã học. Nghĩa của câu được thay đổi cấu trúc khác như thế nào so với nghĩa của câu gốc?**  - Câu trong văn bản: “Xem người ta kìa!” -  đó là câu mẹ tôi thường thốt lên mỗi khi không hài lòng với tôi về một điều gì đó.  -  Câu được thay đổi: Mỗi khi không hài lòng với tôi về một điều gì đó, mẹ tôi thường thốt lên: “Xem người ta kìa!”.  - Ý nghĩa của câu gốc: Nhấn mạnh vào câu nói "Xem người ta kìa!".  - Ý nghĩa của câu biến đổi: Nhấn mạnh vào vấn đề người mẹ không hài lòng với nhân vật tôi trước. Câu nói “Xem người ta kìa!” để giải thích thêm cho câu trước đó.  **b)**  - Câu trong văn bản: Khi nghe những tiếng “bật bông” ban đầu, ai cũng cười cợt.  - Câu được thay đổi: Ai cũng cười cợt khi nghe những tiếng “bật bông” ban đầu.  - Ý nghĩa của câu gốc: Nhấn mạnh vào tiếng "bật bông"  - Ý nghĩa của câu biến đổi: Nhấn mạnh vào đối tượng cười cợt, chế nhạo người khác, tiếng "bật bông" giải thích rõ hơn sự chế nhạo, cười cợt đó là gì.  **c)**  - Câu trong văn bản: Tuy nhiên, đây không phải là điều quá nghiêm trọng, và càng không phải là “căn bệnh” hết cách chữa.  - Câu được thay đổi: Tuy nhiên, đây không phải là “căn bệnh” hết cách chữa và càng không phải là điều quá nghiêm trọng.  -> Ý nghĩa của câu gốc: Câu nói có tính nhấn mạnh tăng dần, từ "không phải điều quá nghiêm trọng" đến "không phải là căn bệnh hết cách chữa".  -> Ý nghĩa của câu biến đổi: Câu nói có tính tăng dần ngược lại. Từ "không phải là căn bệnh hết cách chữa" đến "không phải điều quá nghiêm trọng" | |

**BTVN :**

* Học bài, nắm chắc kiến thức văn bản và kiến thức Tiếng Việt vừa ôn tập
* Chuẩn bị nội dung ôn tập buổi sau: Viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng ( vấn đề)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | Ngày dạy : |  |

**Tiết 58-59-60**

**RÈN KĨ NĂNG** **VIẾT BÀI VĂN**

**TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT HIỆN TƯỢNG (VẤN ĐỀ)**

**I- MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

- Các bước viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng ( vấn đề)

**2. Năng lực:**

- Năng lực chung: năng lực tự chủ và tự học; năng lực giao tiếp.

- Năng lực chuyên biệt:

+ Biết chọn một hiện tượng (vấn đề) để trình bày ý kiến của bản thân bằng một bài viết được thực hiện theo các bước của quy trình viết bài bản.

+ Biết viết bảo đảm các đặc trưng của kiểu bài nghị luận, dùng lí lẽ, bằng chứng, có phương thức biểu đạt phù hợp.

**3. Phẩm chất**: Có ý thức vận dụng kiến thức đời sống vào bài học.

**II- CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH:**

**1. Giáo viên:** SGK, Bài soạn

**2. Học sinh**: SGK, vở ghi, ôn tập các kiến thức có liên quan.

**III- CÁC HOẠT ĐỘNG TRÊN LỚP**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **GV hướng dẫn HS củng cố những kiến thức cơ bản về** bài văn nghị luận trình bày ý kiến về một hiện tượng ( vấn đề)  **- Hình thức vấn đáp.**  **- HS trả lời.**  **- GV chốt kiến thức** | **I. Yêu cầu đối với bài văn nghị luận trình bày ý kiến về một hiện tượng ( vấn đề)**  - Nêu được hiệ tượng, vấn đề cần bàn  - Thể hiện được ý kiến của người viết  - Dùng lý lẽ và dẫn chứng để thuyết phục người đọc.  **II. Các bước khi làm bài văn nghị luận về một hiện tượng (vấn đề) trong cuộc sống:**  **a. Trước khi viết**  - Lựa chọn đề tài: Đề tài có thể được ấn định ( Đề kiểm tra, đề thi) hoặc do người viết tự lựa chọn.  **- Tìm ý**  + Cần hiểu thế nào là hiện tượng vấn đề này  + Những khía cạnh cần bàn bạc  + Bài học cần rút ra từ vấn đề bàn luận.  **- Lập dàn ý**  Sắp xếp các ý vừa tìm được thành một dàn ý:  **\* Mở bài:** Giới thiệu hiện tượng, vấn đề cần bàn luận  **\* Thân bài:** Đưa ra ý kiến cần bàn luận:  + Nêu ý 1 ( Lý lẽ, bằng chứng)  + Nêu ý 2 ( Lý lẽ, bằng chứng)  + Nêu ý 3 ( Lý lẽ, bằng chứng)  ...  **\* Kết bài:** Khẳng định lại ý kiến của bản thân  **b. Viết bài**  Bám sát dàn ý để viết bài. Khi viết cần chú ý:  - Có thể mở bài trực tiếp: Nêu thẳng hiện tượng ( vấn đề), hoặc mở bài gián tiếp bằng cách kể một câu chuyện ngắn để giới thiệu hiện tượng ( vấn đề)  - Mỗi ý trong bài trình bày thành một đoạn văn, có lí lẽ và bằng chứng cụ thể.  **c. Chỉnh sửa bài viết**  Đọc lại bài viết, rà soát từng phần, từng đoạn để chỉnh sửa theo gợi ý sau đây:   * Nêu được hiện tượng, vấn đề cần bàn * Thể hiện được ý kiến, tình cảm, thái độ cách đánh giá của người viết về hiện tượng, vấn đề * Đưa ra được các lý lẽ và bằng chứng để bài viết có sức thuyết phục. * Đảm bảo các yêu cầu về chính tả và diễn đạt |
| GV HDHS luyện tập, vận dụng  GV giao bài tập, HDHS thực hiện. | **III. LUYỆN TẬP** |
| **Đề bài 1: Hiện tượng nghiện game ở học sinh hiện nay.**  **I. MỞ BÀI**  Dẫn dắt, giới thiệu hiện tượng nghiện game của học sinh trong xã hội hiện nay. Khái quát suy nghĩ, nhận định của bản thân về vấn đề này (nghiêm trọng, cấp thiết, mang tính xã hội,…)  **II.THÂN BÀI**  **1. Giải thích:**  + Game là gì? => Cách gọi chung của các trò chơi điện tử có thể tìm thấy trên các thiết bị như máy tính, điện thoại di động,… nhằm đáp ứng nhu cầu giải trí của con người ngày nay. + Nghiện là gì? =>Là trạng thái tâm lý tiêu cực gây ra do việc quá phụ thuộc hoặc sa đà quá mức vào một thứ gì đó có thể gây ảnh hưởng xấu đến người sử dụng hoặc thường xuyên tiếp xúc nó. + Nghiện game là gì? => Là hiện tượng tập trung quá mức vào trò chơi điện tử dẫn đến những tác hại không mong muốn. **2. Thực trạng:** + Nhiều học sinh, sinh viên dành phần lớn thời gian mỗi ngày cho việc chơi game. + Nhiều tiệm net vẫn hoạt động ngoài giờ cho phép do nhu cầu chơi game về đêm của học sinh. + Ngày càng nhiều hậu quả tiêu cực xảy ra trong xã hội có liên quan đến nghiện game **3. Nguyên nhân:** + Các trò chơi ngày càng đa dạng, phong phú và nhiều tính năng thu hút giới trẻ. + Lứa tuổi học sinh chưa được trang bị tâm lý vững vàng, dễ bị lạc mình trong thế giới ảo. + Nhu cầu chứng tỏ bản thân và ganh đua với bè bạn do tuổi nhỏ. + Phụ huynh và nhà trường chưa quản lý học sinh chặt chẽ. **4. Hậu quả:** + Học sinh bỏ bê việc học, thành tích học tập giảm sút. + Ảnh hưởng đến sức khỏe, tâm lí, hao tốn tiền của. + Dễ bị lôi kéo vào tệ nạn xã hội. - Lời khuyên: + Bản thân học sinh nên tự xây dựng ý thức học tập tốt, giải trí lành mạnh. + Cần có biện pháp giáo dục, nâng cao ý cho học sinh đồng thời tuyên truyền tác hại của việc nghiện game trong nhà trường, gia đình và xã hội. + Các cơ quan nên có biện pháp kiểm soát chặt chẽ vấn đề phát hành và phổ biến game. **III. KẾT BÀI**  - Khẳng định lại vấn đề (tác hại của nghiện game online, vấn đề nghiêm trọng cần giải quyết kịp thời,…). - Đúc kết bài học kinh nghiệm, đưa ra lời kêu gọi, nhắn nhủ.  **Đề bài 2: Suy nghĩ của em về hiện tượng nói chuyện riêng trong giờ học.**  **Hướng dẫn làm bài**  **A. MỞ BÀI:**  - Giới thiệu hiện tượng  - Nhấn mạnh hậu quả của bệnh -> Là một căn bệnh vô cùng khó chữa.  **B. THÂN BÀI:**  **1. Giải thích thế nào là nói chuyện riêng trong giờ học:**  Nói chuyện riêng trong giờ học tức là học sinh nói, bàn bạc và thảo luận về những vấn đề không liên quan đến những gì giáo viên đang giảng dạy trên lớp, chẳng hạn như: “bộ phim hôm qua kết thúc như thế nào”, “kiểu tóc mới của mình ra sao”...  **2. Thực trạng của hiện tượng:**  Tình trạng nói chuyện riêng trong các giờ học của học sinh hiện nay diễn ra nhiều và ngày càng gia tăng. Chúng ta không lạ gì với việc hai, ba bạn học sinh ngồi chung một bàn hay ngồi bàn trên bàn dưới thậm chí ngồi cách xa mấy bàn bàn tán với nhau một bạn, một sự việc nào đó, hay chỉ đơn giản nói về đôi giày của bạn nam, chiếc nơ buộc tóc của bạn nữ...Những câu chuyện không thành chuyện đó vẫn xảy ra hàng ngày trong các tiết học và dường như đã trở thành “chuyện thường ngày” ở hầu hết các trường học, lớp học ở nước ta.  **3. Nguyên nhân:**  - Hành vi này là sự kết hợp giữa những học sinh đã đánh mất đi lòng tự trọng, họ không tôn trọng người khác và chính bản thân mình.  - Thiếu tinh thần tự giác trong học tập, không hững thú say mê trong việc học, không xác định được mục đích đúng đắn của việc học tập: học để có kiến thức, với họ đến lớp chỉ là điểm danh có mặt, buôn chuyện...  - Do môn học, bài học, phương pháp dạy của giáo viên chưa hay, chưa cuốn hút học sinh, khiến học sinh không hứng thú với việc học...  **4. Tác hại:**  Nói chuyện – hiện tượng nhiều em coi đó là bình thường, lại ẩn chứa những tác hại nghiêm trọng, nó ảnh hưởng không nhỏ tới bản thân và những người xung quanh.  - Nói chuyện riêng trong lớp tác hại đầu tiên là các em đã đánh mất lợi ích của cá nhân mình, vì nó khiến các em không thể tiếp thu hết kiến thức trên lớp mà thầy cô giảng, các em sẽ bỏ lỡ một phần hoặc tất cả những kiến thức mà thầy cô giảng dạy. Bởi bộ não của con người chỉ hoạt động có mức độ và phạm vi nhất định, nên ta không thể vừa nghe giảng lại vừa hăng say nói chuyện riêng được. Nếu các em không hiểu bài trên lớp thì về nhà không làm bài tập được, vì thế lực học giảm sút, dần sẽ mất gốc kiến thức.  - Hơn nữa thói quen nói chuyện riêng trong lớp lại gây ảnh hưởng không tốt tới bạn bè và thầy cô. Các em thử nghĩ mà xem khi bạn mình đang chăm chú nghe giảng còn mình lại đang thao thao nói chuyện thì bạn ấy sẽ rất khó chịu, khó tập trung vào bài giảng. Thầy cô đang giảng bài mà phải dừng lại vì một số học sinh nói chuyện riêng thì không chỉ mất thời gian cho bài giảng mà còn gây ức chế, nản lòng và có ấn tượng không tốt với học sinh đó.  - Trên tất cả, hành vi nói chuyện riêng trong giờ học có thể nói là hành vi vô cùng vô văn hóa, thật khó có thể chấp nhận được khi nó được thực hiện bởi những người đã và đang học văn hóa trong trường lớp. Hành vi này vô văn hóa ở chỗ những người thực hiện nó không dành sự tôn trọng cho người đang truyền giảng kiến thức, cho những người xung quanh và cho chính bản thân mình.  **5. Hướng khắc phục:**  Vậy để loại bỏ hiện tượng nói chuyện riêng trong lớp chúng ta phải làm như thế nào?  - Xác định mục đích chính của người học sinh là học tập từ đó có ý thức tốt hơn trong giờ học.  - Chú ý nghe giảng, hăng hái phát biểu xây dựng bài, khi bị lôi cuốn vào bài giảng của thầy cô chúng ta sẽ mất dần thói quen nói chuyện.  - Các thầy cô cũng cần xem lại phương pháp giảng dạy để học sinh dễ hiểu bài, gây được sự hứng thú hơn với học sinh.  - Có biện pháp nhắc nhở xử phạt nghiêm khắc của cán bộ lớp, giáo viên chủ nhiệm và thái độ đấu tranh của các bạn học sinh trong lớp – những người không nói chuyện cũng sẽ khiến hiện tượng này dần biến mất trong lớp học.  **C. KẾT BÀI:**  - Khẳng định lại tác hại  - Liên hệ rút ra bài học cho bản thân.  **Đề bài 3: Trong nhiều năm trở lại đây, vấn đề tai nạn giao thông đang là điểm nóng thu hút nhiều sự quan tâm của dư luận bởi mức độ thiệt hại về vấn đề này gây ra. Em hãy viết một bài văn nghị luận nêu suy nghĩ của em về vấn đề này.**  **Hướng dẫn làm bài**  **A. MỞ BÀI:** Dẫn dắt giới thiệu vấn đề nghị luận  **B. THÂN BÀI:**  **1.Giải thích, nêu vấn đề:**   Tai nạn giao thông là các vụ tai nạn xảy ra trong quá trình tham gia giao thông của con người. Trong nhiều năm trở lại đây, vấn đề tai nạn giao thông là điểm nóng thu hút sự quan tâm của dư luận bởi mức độ thiệt hại mà vấn đề này gây ra.  2. Bàn luận:  - Tai nạn giao thông ở nước ta diễn ra hàng ngày hàng giờ trên cả nước, bình quân có khoảng 33 đến 34 người chết và bị thương/ 1ngày. Trong đó có không ít các bạn học sinh, sinh viên là lại nhân hoặc là thủ phạm gây ra các vụ tai nạn giao thông.  - Tai xảy ra nhiều là bởi ý thức tham gia giao thông của người dân còn hạn chế, thiếu hiểu biết và không chấp hành nghiêm chỉnh luật lệ giao thông (lạng lách, đánh võng, vượt đèn đỏ, coi thường việc đội mũ bảo hiểm...) ; thiếu hiểu biết về các quy định an toàn giao thông (lấy trộm ốc vít đường ray, chiếm dụng lòng đường ...)   - Tai nạn giao thông còn do những nguyên nhân khách quan như sự hạn chế về cơ sở vật chất ( chất lượng đường thấp, xe cộ không đảm bảo an toàn, do thiên tai khốc liệt ( lũ lụt, sạt lở đất ...)  - Hậu quả của tai nạn giao thông gây nên nhiều thiệt hại về người và của, để lại những thương tật vĩnh viễn cho các nạn nhân và hậu quả nặng nề cho cả cộng đồng; gây đau đớn, mất mát, thương tâm cho người thân, xã hội ...  - Là HS,cần tích cực tham gia học tập Luật giao thông đường bộ ở trường lớp. Ngoài ra, bản thân mỗi người phải tìm hiểu, nắm vững thêm các luật lệ và quy định đảm bảo an toàn giao thông; chấp hành nghiêm chỉnh quy định về an toàn giao thông : không lạng lách đánh võng trên đường đi, không đi xe máy khi chưa có bằng lái, không vượt đèn đỏ, đi đúng phần đường, dừng đỗ đúng quy định, khi rẽ ngang hoặc dừng phải quan sát cẩn thận và có tín hiệu báo hiệu cho người sau biết, đi chậm và quan sát cẩn thận khi qua ngã tư ...  3. Mở rộng: Khẳng định tai nạn giao thông là vấn đề đáng quan tâm của tất cả mọi người người; phán những người chỉ có ý thức tốt khi tham gia giao thông, chưa có ý thức tìm hiểu Luật giao thông đường bộ.  4. Bài học nhận thức và hành động:  Tuổi trẻ học đường với tư cách là chủ nhân tương lai của đất nước, là thế hệ tiên phong trong nhiều lĩnh vực, có sức khỏe, có tri thức... cần có những  suy nghĩ đúng đắn và gương mẫu thực hiện những giải pháp thiết thực để góp phần giảm thiểu tai nạn giao thông  **C. KẾT BÀI:** Rút ra bài học, liên hệ bản thân. | |

**BTVN :**

- Nắm vững các bước viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng ( vấn đề)

- Viết các bài tập trên thành bài văn hoàn chỉnh.

- Ôn tập về văn bản thông tin.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | Ngày dạy : |  |

**Tiết 61-62-63**

**ÔN TẬP VỀ VĂN BẢN THÔNG TIN**

**I- MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

- Văn bản, đoạn văn trong văn bản.

- Đặc điểm nổi bật của văn bản thông tin

**2. Năng lực:**

- Năng lực chung: năng lực tự chủ và tự học; năng lực giao tiếp.

- Năng lực chuyên biệt:

+ Nhận biết được các thành phần của VB thông tin gồm: nhan đề, sa pô, đề mục, đoạn (chứa đựng ý và dữ liệu), tranh ảnh,...

+ Nhận biết và phân tích được một cách triển khai VB: vừa theo trình tự thời gian, vừa theo quan hệ nhân quả.

**3. Phẩm chất**:

- Có ý thức ôn tập nghiêm túc.

**II- CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH:**

**1. Giáo viên:** SGK, Bài soạn

**2. Học sinh**: SGK, vở ghi, ôn tập các kiến thức có liên quan.

**III- CÁC HOẠT ĐỘNG TRÊN LỚP**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **GV hướng dẫn HS củng cố những kiến thức cơ bản về thể loại.**  **- Hình thức vấn đáp.**  **- HS trả lời.**  **- GV chốt kiến thức** | **I. TRI THỨC NGỮ VĂN**  **1. Văn bản**  - Văn bản là những cấu trúc ngôn từ hoàn chỉnh, chứa thông điệp và ý nghĩa. Văn bản được dùng để trao đổi thông tin, trình bày suy nghĩ, cảm xúc…  - Có nhiều tiêu chí phân loại văn bản:  + Dựa vào chức năng giao tiếp: VB văn học, VB nghị luận, VB thông tin  + Dựa vào tính đa dạng của các phương tiện, phương thức truyền tải thông tin: VB thông thường, VB đa phương thức.  + Dựa và hình thức: VB nói và VB viết  **2. Đoạn văn trong văn bản:** Là bộ phận quan trọng của văn bản, sự hoàn chỉnh tương đối về ý nghĩa và hình thức, gồm nhiều câu được tổ chức xoay quanh một ý nhỏ.  **3. Văn bản thông tin**  - Các yếu tố cấu thành: nhan đề, sa-pô, đề mục, đoạn chữ in đậm….  + Sa -pô là đoạn văn nằm giữa nhan đề và phần chính của bài báo hay văn bản thông tin nhằm mục đích giới thiệu, tóm tắt nội dung của văn bản.  + Nhan đề là tên của văn bản thể hiện nội dung chính của văn bản.  + Đề mục là tên của một chương, mục, hoạc phần của văn bản. Đề mục giúp cho bố cục văn bản mạch lạc và dễ tiếp nhận. Dưới mỗi đề mục là một hoặc vài đoạn văn tạo thành bộ phận của văn bản.  **4. Văn bản đa phương thức:** Là văn bản có sử dụng phối hợp phương tiện ngôn ngữ và các phương tiện phi ngôn ngữ như kí hiệu, sơ đồ, biểu đồ, hình ảnh…-> sinh động, hấp dẫn, tin cậy |
| **GV hướng dẫn HS nhắc lại kiến thức trọng tâm về văn bản.**  **- Hình thức vấn đáp.**  **- HS trả lời.**  **- GV chốt kiến thức** | **II. CÁC VĂN BẢN TRONG CHỦ ĐỀ**  **1. Trái đất- cái nôi của sự sống**  **a. Thể loại:** Văn bản thông tin.  **b. Các thành phần:** nhan đề, sa pô, đề mục, tranh ảnh.  **c. Yếu tố cấu thành**  + Trái đất là một trong tám hành tinh của hệ Mặt Trời.  + Nước chiếm 2/3 bề mặt Trái đất.  + Trái đất là nơi cư ngụ của muôn loài.  + Con người là đỉnh cao ỳ diệu của sự sống trên trái đất.  + Tình trạng của Trái đất đang từng ngày từng giờ bị tổn thương.  **d. Bố cục:** Văn bản chia làm 3 phần  + Phần 1 từ đầu đến “365,25 ngày”, giới thiệu về trái đất.  + Phần 2: Tiếp đến “sự sống trên trái đất” Vai trò của trái đất.  + Phần 3: còn lại Thực trạng của trái đất.  **e. Nghệ thuật**  - Nghệ thuật vừa theo trình tự thời gian vừa theo trình tự nhân quả giữa các phần trong văn bản. Cái trước làm nẩy sinh cho cái sau chúng có quan hệ rằng buộc với nhau  **f. Nội dung**  Trái đất là cái nôi của sự sống con người phải biết bảo vệ trái đất. Bảo trái đất là bảo vệ sự sống của chính mình.  **g. Ý nghĩa**  Kêu gọi mọi người luôn phải có ý thức bảo vệ trái đất. |
| **GV hướng dẫn HS nhắc lại kiến thức trọng tâm về văn bản.**  **- Hình thức vấn đáp.**  **- HS trả lời.**  **- GV chốt kiến thức.** | **2. Các loài chung sống với nhau như thế nào?**  **a. Thể loại:** Văn bản thông tin.  **b. Các thành phần:** nhan đề, sa pô, đề mục, tranh ảnh.  **c. Yếu tố cấu thành**  + Trái đất là một trong tám hành tinh của hệ Mặt Trời.  + Nước chiếm 2/3 bề mặt Trái đất.  + Trái đất là nơi cư ngụ của muôn loài.  + Con người là đỉnh cao ỳ diệu của sự sống trên trái đất.  + Tình trạng của Trái đất đang từng ngày từng giờ bị tổn thương.  **d. Bố cục:** Văn bản chia làm 3 phần  + Phần 1 từ đầu đến “365,25 ngày”, giới thiệu về trái đất.  + Phần 2: Tiếp đến “sự sống trên trái đất” Vai trò của trái đất.  + Phần 3: còn lại Thực trạng của trái đất.  **e. Nội dung**  Văn bản nêu lên sự đa dạng của sinh vật cũng như cách các loài chung sống với nhau. Đồng thời nhắc đến con người với tư cách chủ thể tác động tới tự nhiên. Nghệ thuật Văn bản đa phương tiện, kết cấu đầu cuối tương ứng, đặt vấn đề trong tương quan với bộ phim Vua sư tử. |
| GV HDHS luyện tập, vận dụng  GV giao bài tập, HDHS thực hiện. | **III. LUYỆN TẬP** |
| **ĐỀ SỐ 1: *Đọc ngữ liệu sau và thực hiện các yêu cầu 1,2,3,4:***  **LỄ HỘI RƯỚC MẪU**  **Lễ hội rước Mẫu đền Hạ, đền Thượng và đền Ỷ La ra đời và tồn tại từ lâu đời, gắn liền với tín ngưỡng thờ Mẫu tại ba ngôi đền này. Thánh Mẫu được thờ ở ba ngôi đền chính là tính “thiêng”, là hạt nhân của lễ hội. Tục thờ Mẫu xác lập một nhân sinh quan tín ngưỡng của người Việt hướng về đời sống trần thế, đó là cầu mong sức khỏe, phúc lộc, tiền tài...**  https://tuyenquang.gov.vn/noidung/tintuc/PublishingImages/mau.jpg (…) Lễ hội rước Mẫu đền Hạ, đền Thượng, đền Ỷ La là lễ hội truyền thống không chỉ riêng của người dân thành phố Tuyên Quang, mà còn là ngày hội của nhân dân trên địa bàn tỉnh và du khách thập phương. Do cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, lễ hội có thời kỳ bị gián đoạn, nhưng trong tâm thức, lễ hội vẫn được người dân bảo tồn và phát triển trong suốt chiều dài lịch sử của thành phố. Trải qua thời gian, Lễ hội rước Mẫu mặc dù có tiếp thu thêm yếu tố mới, nhưng về quy trình chuẩn bị, quang cảnh trang trí lễ hội, lộ trình rước Mẫu, lễ vật dâng cúng, lời văn tế, kiệu cờ, trang phục diễn diễu...vẫn mang đậm sắc thái cổ truyền của địa phương. Năm 2007, nhân dân thành phố khôi phục lại lễ hội rước Mẫu vẫn tuân thủ cách thức từ xưa. Hằng năm lễ hội rước Mẫu từ ngày 11 đến ngày 16 tháng Hai (âm lịch). Phần lễ, gồm lễ rước Mẫu từ đền Ỷ La, đền Thượng về đền Hạ hợp tế nhập cung; Khai mạc, lễ tế Thánh Mẫu và các vị Thần, gồm: lễ dâng hương, dâng rượu, lễ hiến sinh; lễ hoàn cung (lễ rước Thánh Mẫu hoàn cung tại đền Thượng và đền Ỷ La vào ngày 16 tháng Hai). Phần hội, gồm: màn múa lân mở đầu, tiếp đó là đấu vật dân tộc, đánh cờ người, kéo co, chọi gà, hát chầu văn...  Tháng 1-2017, Lễ hội rước Mẫu đền Hạ, đền Thượng, đền Ỷ La được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ghi danh vào Danh sách di sản văn hóa phi vật thể quốc gia. Việc vinh danh di sản văn hóa này, khẳng định những giá trị của lễ hội rước Mẫu về lịch sử, văn hóa, nghệ thuật, khoa học và tính cố kết cộng đồng. Đây là lễ hội với các nghi lễ tâm linh, thể hiện sự tôn kính, ngưỡng vọng của nhân dân thành phố Tuyên Quang và du khách thập phương với Thánh Mẫu và các vị Thần, cầu cho một năm mới có cuộc sống đủ đầy hơn, mưa thuận gió hòa, mùa màng tươi tốt, người dân khỏe mạnh, bình an, hạnh phúc.  *( Việt Thanh- 10/4/2020- Cổng thông tin điện tử tỉnh Tuyên Quang- https://tuyenquang.gov.vn)*  **Câu 1:** Lễ hội rước Mẫu được tổ chức vào thời gian nào? Ở đâu?  **Câu 2:** Lễ hội rước Mẫu gồm có mấy phần và diễn ra như thế nào?  **Câu 3:** Gọi tên phần chữ in đậm bên dưới nhan đề và nêu tác dụng của nó.  **Câu 4:** Tháng 1-2017, Lễ hội rước Mẫu đền Hạ, đền Thượng, đền Ỷ La được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ghi danh vào Danh sách di sản văn hóa phi vật thể quốc gia. Là một người dân địa phương, em sẽ làm gì để giữ gìn những nét đẹp văn hóa của quê hương mình?  **Hướng dẫn làm bài:**  **Câu 1:**  - Thời gian: từ ngày 11 đến ngày 16 tháng Hai (âm lịch) hằng năm.  - Địa điểm: trên địa bàn thành phố Tuyên Quang  **Câu 2:**  - Gồm hai phần:  + Phần lễ: gồm lễ rước Mẫu từ đền Ỷ La, đền Thượng về đền Hạ hợp tế nhập cung: Khai mạc, lễ tế Thánh Mẫu và các vị Thần, gồm: lễ dâng hương, dâng rượu, lễ hiến sinh; lễ hoàn cung (lễ rước Thánh Mẫu hoàn cung tại đền Thượng và đền Ỷ La vào ngày 16 tháng Hai).  + Phần hội: gồm màn múa lân mở đầu, tiếp đó là đấu vật dân tộc, đánh cờ người, kéo co, chọi gà, hát chầu văn...  **Câu 3:**  - Phần chữ in đậm bên dưới nhan đề là sa-pô.  - Tác dụng: giúp người đọc hình dung được chủ đề và các thông tin chính của văn bản.  **Câu 4:**  Đề xuất được những việc làm cụ thể, tích cực của mình để góp phần để giữ gìn những nét đẹp văn hóa của địa phương mình.  Gợi ý:  + Tích cực tìm hiểu về những giá trị văn hóa của địa phương để hiểu rõ việc giữ gìn nét đẹp văn hóa của quê hương là trách nhiệm của bản thân mình.  + Có ý thức tuyên truyền tới mọi người xung quanh nâng cao trách nhiệm trong việc giữ gìn nét đẹp văn hóa của quê hương mình.  + Lên án, phê phán những hành vi làm xấu, mai một đi nét đẹp văn hóa của quê hương…  **ĐỀ SỐ 2: *Đọc ngữ liệu sau và thực hiện các yêu cầu 1,2,3,4:***  **ĐẶC SẮC CÁC LỄ HỘI Ở TUYÊN QUANG**  ***Lễ hội thành Tuyên; Lễ hội rước Mẫu; Lễ hội Nhảy lửa; Lễ hội Lồng Tông... là các lễ hội đặc sắc ở Tuyên Quang.***  **Lễ hội thành Tuyên**  Được tổ chức lần đầu tiên năm 2004, Lễ hội thành Tuyên đã trở thành niềm tự hào của người Tuyên Quang. Lễ hội được tổ chức vào dịp Trung thu hằng năm, với điểm nhấn là màn rước đèn lồng khổng lồ mang hình các nhân vật dân gian hay các con vật qua các tuyến phố. Màn rước khiến cả thành phố Tuyên Quang tưng bừng không khí lễ hội, mang lại niềm vui cho cả trẻ con và người lớn. Lễ hội thành Tuyên đã được sách “Kỷ lục Guiness Việt Nam” xác nhận là “Lễ hội có nhiều mô hình đèn Trung thu độc đáo, lớn nhất Việt Nam”.  **Lễ hội rước Mẫu**  Lễ hội rước Mẫu là lễ hội lớn nhất trong năm của người dân thành phố Tuyên Quang, diễn ra từ ngày 10 đến 16 tháng Hai (âm lịch) hằng năm. Từ sớm ngày 11 tháng Hai, người dân đã tập trung tại đền Ỷ La (phường Ỷ La) để rước Phương Dung công chúa (người chị) về đền Hạ (phường Tân Quang). Ngày 12 tháng Hai là lễ rước Ngọc Lân công chúa (người em) từ đền Thượng (xã Tràng Đà) về đền Hạ để hợp tế. Nét đặc sắc nhất của lễ hội là tục chui qua kiệu Mẫu với niềm tin được Mẫu ban cho sức khỏe, hạnh phúc. Ngày 16 tháng Hai, khi lễ hội kết thúc, người dân làm lễ hoàn cung, đưa các Mẫu trở về đền thờ riêng. Năm 2017, Lễ hội đền Thượng, đền Hạ, đền Ỷ La đã được ghi danh là Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia.  **Lễ hội Nhảy lửa**  Nhảy lửa là lễ hội truyền thống lâu đời của đồng bào dân tộc Pà Thẻn (xã Hồng Quang, huyện Lâm Bình). Theo quan niệm của người Pà Thẻn, lửa là vị thần linh thiêng, mang lại sự ấm áp, no đủ cho người dân. Lễ hội Nhảy lửa thường được tổ chức vào dịp đầu năm, trong thời tiết lạnh giá, với niềm mong cầu về sức khỏe để xua đuổi tà ma, bệnh tật, có những vụ mùa bội thu.  http://www.hanoimoi.com.vn/Uploads/images/phananh/2021/08/12/Long-Tong.jpg**Lễ hội Lồng Tông**  Lễ hội Lồng Tông (hay Lễ hội xuống đồng) là lễ hội lớn nhất của đồng bào Tày ở Tuyên Quang, diễn ra từ mồng 4 đến 15 tháng Giêng hằng năm tại các huyện. Đây là lễ hội có lịch sử lâu đời, phản ánh ước mong mưa thuận gió hòa, mùa màng tươi tốt và sự biết ơn đối với các vị thánh thần của người dân. Kết thúc lễ hội là lễ Hạ điền, người dân xuống đồng cày với mong ước về mùa màng thuận lợi trong năm mới. Lễ hội Lồng Tông của người Tày ở Tuyên Quang đã được ghi danh là Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia năm 2012.  *( Báo Tuyên Quang-11/11/2021-https://tuyenquang.gov.vn)*  **Câu 1:** Hãy liệt kê các thông tin chính của văn bản.  **Câu 2:** Chỉ ra trình tự triển khai của đoạn văn Lễ hội rước mẫu.  **Câu 3:** Gọi tên phần chữ in đậm bên dưới nhan đề và nêu tác dụng của nó.  **Câu 4:** Tuyên Quang là một địa phương có nhiều lễ hội đặc sắc thể hiện bản sắc văn hóa riêng của người dân nơi đây. Là một người dân địa phương, em sẽ làm gì để giữ gìn những nét đẹp văn hóa của quê hương mình?  **Hướng dẫn làm bài:**  **Câu 1:** Thông tin chính của văn bản: **Lễ hội thành Tuyên; Lễ hội rước Mẫu; Lễ hội Nhảy lửa; Lễ hội Lồng Tông**  **Câu 2:**  - Đoạn văn Lễ hội rước mẫu được triển khai theo trình tự thời gian: từ ngày 11 tháng Hai đến ngày 16 tháng Hai ( âm lịch)  **Câu 3:**  - Phần chữ in đậm bên dưới nhan đề là sa-pô.  - Tác dụng: giúp người đọc hình dung được chủ đề và các thông tin chính của văn bản.  **Câu 4:**    Đề xuất được những việc làm cụ thể, tích cực của mình để góp phần để giữ gìn những nét đẹp văn hóa của địa phương mình.  Gợi ý:  + Tích cực tìm hiểu về những giá trị văn hóa của địa phương để hiểu rõ việc giữ gìn nét đẹp văn hóa của quê hương là trách nhiệm của bản thân mình.  + Có ý thức tuyên truyền tới mọi người xung quanh nâng cao trách nhiệm trong việc giữ gìn nét đẹp văn hóa của quê hương mình.  + Lên án, phê phán những hành vi làm xấu, mai một đi nét đẹp văn hóa của quê hương… | |

**BTVN :**

- GV lưu ý HS: nhận biết được các các yếu tố của văn bản thông tin ( nhan đề, sa pô, đề mục, đoạn (chứa đựng ý và dữ liệu), tranh ảnh,... )

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | Ngày dạy : |  |

**Tiết 64-65-66**

**ÔN TẬP VỀ VĂN BẢN, ĐOẠN VĂN TRONG VĂN BẢN**

**I- MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:** Đặc điểm, chức năng của văn bản và đoạn văn bản.

**2. Năng lực:**

- Năng lực chung: năng lực tự chủ và tự học; năng lực giao tiếp.

- Năng lực chuyên biệt:

+ Nhận biết được đặc điểm, chức năng của văn bản và đoạn văn vản.

+ HS thực hiện được một số thao tác, yêu cầu (như *nhận diện, phân tích, tóm tắt, sơ đồ hoá,...)* khi đối diện với đoạn văn hay VB.

**3. Phẩm chất**: Có ý thức ôn tập nghiêm túc.

**II- CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH:**

**1. Giáo viên:** SGK, Bài soạn

**2. Học sinh**: SGK, vở ghi, ôn tập các kiến thức có liên quan.

**III- CÁC HOẠT ĐỘNG TRÊN LỚP**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **GV hướng dẫn HS củng cố những kiến thức cơ bản về văn bản và đoạn văn**  **- Hình thức vấn đáp.**  **- HS trả lời.**  **- GV chốt kiến thức** | **I. LÍ THUYẾT**  **1. Văn bản:**  Văn bản là một đơn vị giao tiếp, có tính hoàn chỉnh về nội dung và hình thức, tồn tại ở dạng viết hoặc dạng nói. Văn bản được dùng để trao đổi thông tin, trình bày suy nghĩ, cảm xúc…  **2. Đoạn văn:**  **a. Khái niệm:** *Đoạn văn* là một bộ phận cấu thành quan trọng của VB, gồm một tập hợp câu có sự thống nhất vê' chủ đề. Trong VB viết, đoạn văn thường được trình bày thành một khối dễ nhận biết bằng mắt: chữ đầu tiên được viết lùi đầu dòng; sau chữ cuối cùng có dấu ngắt xuống dòng.  **b. Từ ngữ và câu trong đoạn văn.**  **\*  *Từ ngữ chủ đề***  - Từ ngữ chủ đề:Là các từ ngữ được dùng làm các đề mục hoặc các từ ngữ được lặp lại nhiều lần nhằm duy trì đối tượng được biểu đạt.  - Dấu hiệu nhận biết:  + Lặp lại nhiều lần trong đoạn văn.  + Có tác dụng duy trì đối tượng được nói đến.  + Xét về mặt từ loại, hình thức: Thường là những đại từ, chỉ từ.  **b. Câu chủ đề:**  **-** Câu chủ đề là câu mang ý khái quát, lời lẽ trong sáng, ngắn gọn, thường có đủ 2 thành phần chính và đứng đầu đoạn văn hoặc cuối đoạn.  - Dấu hiệu nhận biết:  + Nội dung: Nêu khái quát được cả nội dung đoạn văn.  + Hình thức: Câu chủ đề thường ngắn gọn có đủ C- V.  + Vị trí xuất hiện: Thường ở đầu đoạn hoặc cuối đoạn. |
| GV HDHS luyện tập, vận dụng  GV giao bài tập, HDHS thực hiện. | **II. LUYỆN TẬP** |
| **Bài tập 1:**  **Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:**  “Trong xã hội Truyện Kiều, đồng tiền đã trở thành một sức mạnh tác quái rất ghê. Quan lại vì tiền mà bất chấp công lý.Sai nha vì tiền mà tra tấn cha con Vương Ông. Tú bà, Mã Giám Sinh vì tiền mà làm nghề buôn thịt bán người.Sở Khanh vì tiền mà táng tận lương tâm.Khuyển , Ưng vì tiền mà làm những điều ác.”  *(Sưu tầm)*  **a.** Đoạn văn trên có câu chủ đề không? Nếu có thì nó ở vị trí nào?  **b.** Chủ đề của đoạn văn trên là gì ? Qua đó em có hiểu biết gì về số phận của người dân trong xã hội phong kiến.  **Hướng dẫn làm bài**  **a.**  - Có câu chủ đề.  - Đoạn văn trên có câu chủ đề nằm ở vị trí đầu đoạn văn.  **b.** Chủ đề của đoạn văn trên là *Sức mạnh của đồng tiền có thể làm thay đổi nhân cách của con người…*  -Những người dân trong xã hội xưa bị vùi dập, chà đạp, trở thành nô lệ cho đồng tiền…XHPK đầy bất công  **Bài tập 2:**  Viết đoạn văn có câu chủ đề : ***Nhân dân ta có một lòng yêu nước nồng nàn.***  **Hướng dẫn làm bài**  HS triển khai được câu chủ đề; có thể có nhiều suy nghĩ khác nhau, miễn hợp lí, đúng đắn. Các câu triển khai làm sáng tỏ việc “*Nhân dân ta có một lòng yêu nước nồng nàn ».* ***Về cơ bản nêu bật được nội dung sau :***  + Mọi người dân Việt Nam đều có tinh thần yêu nước. Từ già đến trẻ…..  + Tất cả đều sẵn sàng hi sinh mỗi khi tổ quốc bị xâm lăng.  Đoạn văn tham khảo:  Nhân dân ta có một lòng yêu nước nồng nàn. Từ già đến trẻ, tất cả đều sẵn sàng hy sinh vì đất nước Việt Nam. Những cô gái trẻ độ tuôi đôi mươi, cũng chấp nhận từ bỏ lứa tuổi đẹp nhất của đời người để ra trận. Những người mẹ tần tảo đã đau khổ biết mấy khi để những người con mà họ hết lòng yêu thương ra trận. Những người phụ nữ, bất chấp tất cả, cũng cùng các thanh niên trang bị cho cuộc chiến tranh sắp đến... Tất cả những công dân Việt Nam, họ biết họ đang đối mặt với sự sống và cái chết... nhưng họ gạt bỏ tất cả nỗi sợ hãi bị tật nguyền, bị mất đi đôi chân hoặc cánh tay, tệ hơn nữa, họ sẽ chết chìm trong biển lửa tàn khốc của chiến tranh. Nhưng lý do gì đã không ngừng thôi thúc họ không được từ bỏ, rằng dù có bị tật nguyền cũng phải dũng cảm chiến đấu vì tương lai sau này? Đó là vì tinh thần yêu nước của nhân dân ta quá sâu đậm. Dường như trong dòng máu của mỗi công dân Việt Nam đều đã có sẵn tinh thần bất khuất ầy. Nó sẽ không bao giờ chịu khuất phục bởi chiến tranh, luôn sống mãi trong tim mỗi con người, mỗi công dân Việt Nam. Bài tập 3:Hãy viết đoạn văn (khoảng 5 - 7 câu) với chủ đề: *Trên hành tinh đẹp đẽ này, muôn loài đều cần thiết cho nhau.* **Hướng dẫn làm bài**  Trên hành tinh đẹp đẽ này, muôn loài đều cần thiết cho nhau. Vì thế, một trong những vấn đề nóng được quan tâm là cách để giúp trẻ có nhận thức của riêng mình về những thảm họa môi trường và việc bảo vệ các loài sinh vật mà trái đất đang phải đối diện.  Hàng ngày, bố mẹ cùng trò chuyện và thực hành với trẻ các hoạt động nho nhỏ và ý nghĩa. Đối với trẻ nhỏ, tiếp cận bằng hình ảnh và câu chuyện luôn là một cách hiệu quả để giúp trẻ có ấn tượng và ghi nhớ sâu sắc về cuộc sống muôn màu muôn vẻ của các loài sinh vật trên Trái Đất. Vì thế, những bộ phim ngắn hay những cuốn sách về các loài sinh vật chính là công cụ hỗ trợ đắc lực cho các bố mẹ khi trò chuyện và thực hành cùng con. | |

**BTVN :**

- GV lưu ý HS: cách trình bày đoạn văn trong văn bản.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | Ngày dạy : |  |

**Tiết 67-68-69**

**ÔN TẬP VỀ TỪ MƯỢN VÀ HIỆN TƯỢNG VAY MƯỢN TỪ**

**I- MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:** Hiện tượng vay mượn từ, đặc điểm của từ mượn và thực tế sử dụng từ mượn hiện nay.

**2. Năng lực:**

- Năng lực chung: năng lực tự chủ và tự học; năng lực giao tiếp.

- Năng lực chuyên biệt: Nhận biết, phân tích được hiện tượng vay mượn từ, đặc điểm của từ mượn và thực tế sử dụng từ mượn hiện nay.

**3. Phẩm chất**: Hình thành được nguyên tắc ứng xử thích hợp đối với việc mượn từ, sử dụng từ mượn trong nói, viết và rộng ra là trong giao tiếp xã hội.

**II- CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH:**

**1. Giáo viên:** SGK, Bài soạn

**2. Học sinh**: SGK, vở ghi, ôn tập các kiến thức có liên quan.

**III- CÁC HOẠT ĐỘNG TRÊN LỚP**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **GV hướng dẫn HS củng cố những kiến thức cơ bản về từ mượn.**  **- Hình thức vấn đáp.**  **- HS trả lời.**  **- GV chốt kiến thức** | **1.Từ tiếng Việt :**  + Từ thuần Việt (do ông cha ta sáng tạo ra, đọc lên có thể hiểu ngay)  + Từ mượn (là các từ có nguồn gốc từ ngôn ngữ khác như Hán, Âu – Mỹ, Nga và các nước khác, biểu thị những sự vật, hiện tượng, đặc điểm… mà từ TV chưa có từ thích hợp để biểu thị.)  **2. Từ mượn** có thể có cấu tạo từ đơn hoặc từ phức  Từ mượn được Việt hóa hoàn toàn: Được dùng phổ biến, nhiều người rõ nghĩa, viết giống từ thuần Việt. Từ mượn chưa được Việt hóa cao: Có dấu gạch nối hoặc giữ nguyên nguyên dạng trong ngôn ngữ gốc. Tùy quy định ở mỗi hoàn cảnh sử dụng mà chọn cách viết cho phù hợp.  - Từ mượn có ý nghĩa quan trọng, là quy luật tự nhiên trong quá trình tiếp xúc giao lưu giữa các dân tộc và làm giàu ngôn ngữ dân tộc mình.  Tránh lạm dụng từ mượn |
| GV HDHS luyện tập, vận dụng  GV giao bài tập, HDHS thực hiện. | **III. LUYỆN TẬP** |
| **Bài tập 1:**  **Em có nhận xét gì về cách dùng các từ in đậm dưới đây? Theo em, nên dùng thế nào?**  - **Hê lô** (chào), đi đâu đấy?  - Đi ra chợ một chút.  ...  - Thôi, **bai** (chào) nhé**, si ơ ghên**( gặp nhau sau)  **Hướng dẫn làm bài**  Cách dùng các từ in đậm như đã cho trong bài tập là lạm dụng từ nước ngoài một cách thái quá. Việc học ngoại ngữ là cần thiết nhưng không nên dùng kèm vào tiếng Việt. Một mặt làm mất sự trong sáng của tiếng Việt. Mặt khác, làm cho mọi người tưởng đang “khoe chữ”. Chỉ nên sử dụng những từ mượn đã quen dùng trong cộng đồng và khi thật cần thiết.  **Bài tập 2:**  **Chọn từ ngữ điền vào chỗ trống sao cho thích hợp:**  a. báu vật/của quý  - Tinh thần yêu nước cũng giống như các thứ khác...  - Lê Lợi cầm gươm lên xem và thấy hai chữ “Thuận Thiên” khắc sâu vào lưỡi gươm. Song tất cả mọi người không biết đó là...  b. chết/từ trần  - Ông của Lan đã... đêm qua.  - Con chó nhà tớ ăn phải bả, đã... từ tuần trước.  c. phôn/gọi điện  - Sao cậu không... cho tớ để tớ đón cậu?  - Sao ông không... cho cháu để cháu đón ông?  **Hướng dẫn làm bài**  a.  - Tinh thần yêu nước cũng giống như các thứ của quý.  - Lê Lợi cầm gươm lên xem và thấy hai chữ “Thuận Thiên” khắc sâu vào lưỡi gươm. Song tất cả mọi người không biết đó là báu vật.  b.  - Ông của Lan đã từ trần đêm qua.  - Con chó nhà tớ ăn phải bả, đã chết từ tuần trước.  c.  - Sao cậu không phôn cho tớ để tớ đón cậu?  - Sao ông không gọi điện cho cháu để cháu đón ông?  **Bài tập 3:**  **Tìm những từ ghép thuần Việt tương ứng với các từ Hán Việt sau:**  Phụ mẫu, huynh đệ, thiên địa , giang sơn, quốc kì, tiền hậu, thi nhân, sinh tử, sinh nhật, phụ tử, mẫu tử.  **Hướng dẫn làm bài**   |  |  | | --- | --- | | Từ Hán Việt | Từ thuần Việt | | Phụ mẫu | Cha mẹ | | Huynh đệ | Anh em | | Thiên địa | Trời đất | | Giang sơn | Sông núi | | Sinh tử | Sống chết | | Tiền hậu | Trước sau | | Thi nhân | Nhà thơ | | Phụ tử | Cha con | | Nhật dạ | Ngày đêm | | Mẫu tử | Mẹ con |   **Bài tập 4:**  **Ghi lại các từ mượn có trong những câu dưới đây. Cho biết các từ ấy được mượn của tiếng (ngôn ngữ) nào?**  a) Đúng ngày hẹn, bà mẹ vô cùng ngạc nhiên vì trong nhà tự nhiên có bao nhiêu sính lễ.  b) Ngày cưới, trong nhà Sọ Dừa cỗ bàn thật linh đình, gia nhân chạy ra, chạy vào tấp nập.  ([Sọ Dừa](https://vndoc.com/soan-bai-lop-6-so-dua-113606))  c) Ông vua nhạc pốp Mai-cơn Giắc-xơn đã quyết định nhảy vào lãnh địa in-tơ-nét với việc mở một trang chủ riêng.  **Hướng dẫn làm bài**  + Các từ mượn của các câu trên được mượn từ ngôn ngữ tiếng Hán và ngôn ngữ Anh, Pháp, Nga:  • Từ mượn của ngôn ngữ Hán: Sính lễ, cỗ bàn, gia nhân.  • Từ mượn của ngôn ngữ khác: pốp, Mai-cơn Giắc-xơn, in-tơ-nét, trang chủ, lãnh địa.  **Bài tập 5:**  **Những từ nào trong các cặp từ dưới đây là từ mượn? Có thể dùng chúng trong hoàn cảnh nào, với những đối tượng giao tiếp nào?**  a) Bạn bè tới tấp phôn/gọi điện đến  b) Ngọc Linh là một fan / người say mê bóng đá cuồng nhiệt  c) Anh đã hạ nốc ao /đo ván võ sĩ nước chủ nhà  **Hướng dẫn làm bài**  + Từ vay mượn trong các ví dụ trên là: phôn, fan, say mê.  + Các từ: Gọi điện, người say mê, nốc ao dùng trong trường hợp giao tiếp có tính chất nghiêm túc, trước đám đông, hay người lớn tuổi.  + Các từ: Phôn, fan, đo ván dùng trong những trường hợp bạn bè nói với nhau.  **Bài tập 6:**  **Hãy kể một số từ mượn thuộc những nội dung sau:**  a) Từ mượn là đơn vị đo lường.  b) Từ mượn là tên một số bộ phận của xe đạp.  e) Từ mượn là tên một số đồ vật.  **Hướng dẫn làm bài**  a) Từ mượn là đơn vị đo lường: Mét, ki-lô-mét, héc-tô-mét; hải lí, dặm, v.v...  b) Từ mượn là tên một số bộ phận của xe đạp: Ốc vít, bu loong, gác-ba-ga, phanh, nan hoa, ghi đông  e) Từ mượn là tên một số đồ vật: Ra-đi-ô, ti vi, cát-sét, sơ mi, pi-a-nô, mì chính v.v... | |

**BTVN :**

- Học bài

- Hoàn thiện các bài tập

- Chuẩn bị nội dung buổi học sau:Rèn kĩ năng viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống gợi ra từ cuốn sách đã đọc.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | Ngày dạy : |  |

**Tiết 70-71-72**

**RÈN KĨ NĂNG** **VIẾT BÀI VĂN**

**TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT HIỆN TƯỢNG ĐỜI SỐNG**

**GỢI RA TỪ CUỐN SÁCH ĐÃ ĐỌC**

**I- MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**  Yêu cầu đối với bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống gợi ra từ cuốn sách đã đọc.

**2. Năng lực:**

- Năng lực chung: năng lực tự chủ và tự học; năng lực giao tiếp.

- Năng lực chuyên biệt: - Viết được bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống gợi ra từ cuốn sách đã đọc.

**3. Phẩm chất**: Có ý thức vận dụng kiến thức đời sống vào bài học.

**II- CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH:**

**1. Giáo viên:** SGK, Bài soạn

**2. Học sinh**: SGK, vở ghi, ôn tập các kiến thức có liên quan.

**III- CÁC HOẠT ĐỘNG TRÊN LỚP**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **GV hướng dẫn HS củng cố những kiến thức cơ bản về cách viết** bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống được gợi ra từ cuốn sách đã đọc**.**  **- Hình thức vấn đáp.**  **- HS trả lời.**  **- GV chốt kiến thức** | **I. Yêu cầu đối với bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống được gợi ra từ cuốn sách đã đọc**  - Kiểu văn bản: nghị luận văn học  - Các yếu tố chủ yếu: lí lẽ và dẫn chứng  - Nêu được tên sách và tác giả  - Nêu được hiện tượng đời sống gợi ra từ cuốn sách và nêu ý kiến của em về hiện tượng đó  - Sử dụng được lí lẽ và bằng chứng để làm rõ hiện tượng.  **II. Các bước làm bài**  **1. Trước khi viết**  **a) Lựa chọn đề tài**  **b) Tìm ý**   |  |  | | --- | --- | | Điều em muốn viết liên quan đến cuốn sách nào? Ai là tác giả của cuốn sách đó? |  | | Chi tiết, sự việc, nhân vật nào trong sách để lại cho em ấn tượng sâu sắc nhất? |  | | Chi tiết, sự việc, nhân vật đó khiến em suy nghĩ đến hiện tượng đời sống nào? |  | | Em có ý kiến như thế nào về hiện tượng đó |  |   **c) Lập dàn ý**  - *Mở bài*: Giới thiệu tên sách, tác giả, hiện tượng đời sống mà cuốn sách gợi ra.  - *Thân bài*:  + Nêu ý kiến (suy nghĩ) về hiện tượng).  + Nêu lí lẽ và bằng chứng để làm rõ ý kiến cá nhân về hiện tượng cần bàn luận.  + Trình bày cụ thể về chi tiết, sự việc, nhân vật gợi lên hiện tượng cần bàn.  - *Kết bài*: Nêu tầm quan trọng, ý nghĩa thực tế của hiện tượng đời sống được gợi ra từ cuốn sách.  **2. Viết bài**  - Triển khai cụ thể các ý đã nêu trong dàn ý.  - Phân biệt mở bài, thân bài, kết bài.  - Có thể tách các ý trong phần thân bài thành các đoạn văn.  - Quan điểm (ý kiến) về hiện tượng phải rõ ràng, nhất quán.  - Các câu văn, đoạn văn có sự liên kết, mạch lạc.  **3. Chỉnh sửa bài viết**  Đọc lại bài văn đã viết để đảm bảo:  - Tính chính xác của tên sách, tên tác giả và các chi tiết, sự việc, nhân vật.  - Viết đúng chính tả, dùng từ ngữ và câu phù hợp, sắp xếp các ý chặt chẽ. |
| GV HDHS luyện tập, vận dụng  GV giao bài tập, HDHS thực hiện. | **III. LUYỆN TẬP** |
| **Bài số 1: bài học được rút ra từ truyện ngụ ngôn Đeo nhạc cho mèo** DÀN Ý1. Mở bài Giới thiệu câu chuyện ngụ ngôn *Đeo nhạc cho mèo*: Truyện ngụ ngôn “Đeo nhạc cho mèo” là một câu chuyện hay mang ý nghĩa phê phán xã hội phong kiến mục nát đương thời. Bên cạnh việc mang lại tiếng cười hài hước cho người đọc, câu chuyện còn để lại những bài học sâu sắc. 2. Thân bài – Giới thiệu nội dung và giá trị hiện thực của truyện: Trong truyện “Đeo nhạc cho mèo”, tác giả dân gian đã mượn chuyện của họ hàng nhà chuột để nói về chuyện con người.  –> Có thể thấy trong tác phẩm, nghệ thuật nhân hóa đã được sử dụng rất khéo léo, lột tả rất chân thực bản chất của các con vật  – Bài học về những điều kiện cần thiết khi thực hiện kế hoạch: Trong cuộc sống của con người cũng vậy, có thể có rất nhiều kế hoạch được vạch ra, dù cho kế hoạch ấy có hoàn hảo đến mức nào nhưng nếu không dựa trên những điều kiện nhất định thì sẽ không bao giờ có thể thực hiện được  – Bài học về nhân tố người thực hiện kế hoạch: Là một kế hoạch có thể hay, có thể dể nhưng vẫn luôn cần quan tâm tới người thực hiện kế hoạch, người đó phải có đủ phẩm chất và năng lực, phù hợp với trách nhiệm và đặc thù của kế hoạch đề ra  – Bài học về tinh thần đoàn kết và tinh thần trách nhiệm trong công việc: Trong một tập thể, toàn những cá nhân chỉ biết nói mà không biết làm thì đồng nghĩa với việc họ có những kế hoạch và quyết định thiếu thực tiễn, ảo tưởng 3. Kết bài Khẳng định giá trị ý nghĩa của câu chuyện: Như vậy, qua câu chuyện ngụ ngôn “Đeo nhạc cho mèo” chúng ta đã rút ra được những bài học quý báu và đã được thấy rõ dẫn chứng từ chính họ hàng nhà chuột.  **Bài số 2: bài học được rút ra từ truyện cười: Thầy bói xem voi**  **DÀN Ý**  **1. Mở bài**  – Nhân dân ta thường lấy tiếng cười để mua vui giải trí, để chế giễu châm biếm những thói hư tật xấu hoặc để phê phán đả kích những gì xảy ra trong cuộc sống hằng ngày.  – Truyện “Thầy bói xem voi” là một trong những truyện cười hay, chứa đựng một bài học giáo dục sâu sắc đối với mọi người.  **2. Thân bài**  **a. Nội dung câu chuyện**  – Câu chuyện kể về việc 5 ông thầy bói ngồi chuyện gẫu với nhau nhân buổi ế hàng. Cá 5 ông đều mù. Ông nào cũng phàn nàn không biết hình thù con voi như thế nào. Thế là khi nghe có voi đi qua, năm ông chung nhau liền biếu người quản voi xin cho voi dừng lại để cùng xem.  – Điều đặc biệt là cả 5 ông đều xem voi bằng “tay”. Người thì sờ vòi, người thì sờ ngà, người thì sờ tai, người thì sờ chân còn người thì lại sờ đuôi.  – Mỗi thầy chỉ “quan sát” một bộ phận của cơ thể con voi chứ không thể quan sát được toàn bộ cơ thể của nó.  – Vì quan sát bằng “tay” nên mỗi thầy đưa ra một nhận xét khác nhau về con voi.  + Thầy sờ vòi thì bảo “Tưởng con voi như thế nào, hóa ra nó sun sun như con đĩa”. Sự so sánh cái vòi con voi với con đĩa rất hay vì cái vòi voi và con đỉa cũng có nét tương đồng.  + Thầy sờ ngà thì lại cho rằng con voi “nó chằn chẳn như cái đòn càn”. Sự so sánh và đưa ra nhận xét của thầy bói thứ hai này cũng thật lí thú. Cái ngà voi và cái đòn càn cũng có nét tương đồng.  + Thầy sờ tai thì khẳng định con voi “bè bè như cái quạt thóc”. Tai voi cũng to và bè bè như cái quạt ngày xưa người nông dân thường dùng để quạt thóc. Sự so sánh này cũng rất hay.  + Thầy sờ chân thì nhất quyết cho rằng con voi “sừng sững như cái cột đình”. Sự so sánh này rất đúng và rất hay. Chân voi to như cây cột người xưa thường dùng làm cột đình của làng xã.  + Thầy sờ đuôi cũng chẳng chịu thua. Thầy cứ một hai khẳng định rằng con voi “tun tủn như cái chổi sể cùn”.  – Thầy bói nào cũng nói đúng về con voi như mình đã sờ được. Năm thầy đều nhận xét một cách hóm hỉnh và cho rằng ý kiến của mình là đúng tuyệt đối. Như vậy là thầy nào cũng có lí, nhưng cộng cả năm ý kiến lại thì thật là vô lí vì chẳng ý kiến của thầy nào đúng với con voi thật ngoài đời.  **b. Bài học rút ra từ câu chuyện**  Câu chuyện cho em những bài học sâu sắc:  – Khi nhận xét đánh giá về sự vật, sự việc,… ta không được nhìn nhận, đánh giá một cách phiến diện. Muốn hiểu biết sự vật, sự việc, ta phải xem xét chúng một cách toàn diện.  – Ta không nên tin vào những điều mê tín dị đoan. Cha ông ta đã nhắc nhở con cháu “thầy bói nói mò”. Nếu ta tin thầy bói, khác nào ta tin con voi giống như con voi của mỗi thầy đã định nghĩa.  – Không vì bảo vệ cái vô lí của mình mà dẫn đến gây gỗ mất đoàn kết như 5 ông thầy bói trong truyện. Trong cuộc sống, ta cần phải lắng nghe, biết phân biệt cái đúng cái sai để từ đó ta rút ra được một nhận xét đúng nhất.  **3. Kết bài**  – Truyện “Thầy bói xem voi” có nội dung phê phán một cách nhẹ nhàng và thâm thúy. Người xưa đã nhắc nhở con cháu phải biết nhìn sự vật, sự việc một cách toàn diện không nên đánh giá sự vật, sự việc bằng sự nhìn nhận phiến diện chủ quan.  – Truyện còn gây cười bằng cách đưa ra những yếu tố riêng lẻ có lí đê rồi hợp lại tạo thành một điều hoàn toàn phi lí.  **Bài số 3: bài học được rút ra từ Đoạn trích Bài học đường đời đầu tiên ( Trích Dế Mèn phiêu lưu kí) của tác giả Tô Hoài.**  **DÀN Ý**  **1. Mở bài**  – “Dế Mèn phiêu lưu kí” là tác phẩm đặc sắc và nổi tiếng nhất của Tô Hoài viết về loài vật, dành cho lứa tuổi thiếu nhi. Truyện được in lần đầu năm 1941. Truyện gồm mười chương, kể về những cuộc phiêu lưu của Dế Mèn qua thế giới những loài vật nhỏ bé.  – “Bài học đường đời đầu tiên” được trích từ chương 1 của truyện “Dế Mèn phiêu lưu kí”. Đoạn trích nói về sự hung hăng, hống hách một cách ngu dại và sự ân hận của Dế Mèn.  – Đoạn trích đã cho em những bài học quý giá.  **2. Thân bài**  **a. Nội dung của đoạn trích**  **\* Đoạn trích miêu tả vẻ đẹp khỏe mạnh có phần hung tợn của Dế Mèn**  – Dế Mèn hiện lên trong đoạn trích quả thực là một “anh chàng” đẹp trai và khỏe mạnh. Đôi càng mẫm bóng, những cái vuốt ở chân, ở kheo nhọn hoắt. Đôi cánh dài xuống đến tận đuôi. Đầu to và nổi từng tảng rất bướng. Hai cái răng đen nhánh lúc nào cũng nhai ngoàm ngoạp như hai lưỡi liềm máy làm việc. Râu dài và uốn cong trông rất hùng dũng…  – Dế Mèn đi đứng thật oai vệ. Khi đi thì dún dẩy các khoeo chân. Những sợi râu thì rung rung lên xuống. Tính tình thì dữ tợn. Lúc thì Dê Mèn quát mấy chị cào cào ngoài đầu bờ. Lúc thì ngứa chân đá ghẹo anh gọng vó…  – Vẻ đẹp của Dế Mèn là vẻ đẹp của một “anh chàng” ngông nghênh, luôn cho mình là giỏi, là nhất thiên hạ.  **\* Thái độ của Dế Mèn đối với Dế Choắt**  – Dế Choắt là hàng xóm nhưng Dế Mèn lại rất coi thường Dế Choắt.  + Dế Mèn tự mình đặt tên cho Dế Choắt: “Dê Choắt là tên tôi đặt cho nó một cách chế giễu và trịch thượng thế. Choắt nó có lẽ cũng trạc tuổi tôi. Nhưng vì Choắt bẩm sinh yếu đuối nên tôi coi thường và gã cũng sợ lôi lắm”.  + Dê Mèn luôn chê bai, dè bỉu Dế Choắt: “Cái chàng Dế Choắt người gầy gò và dài lêu nghêu như một gã nghiện thuốc phiện. Đã thanh niên rồi mà cánh chỉ ngắn củn đến giữa lưng, hở cả mạng sườn như người cởi trần mặc áo gi-lê. Đôi càng bè bè, nặng nề, trông đến xấu. Râu ria gì mà cụt có một mấu và mặt mũi thì lúc nào cũng ngẩn ngẩn ngơ ngơ…  + Thấy Dế Choắt ốm yếu, không giúp thì thôi, Dế Mèn còn tỏ vẻ coi thường: “Sao chú mày sinh sống cẩu thả quá như thế! Nhà cửa đâu mà tuềnh toàng..”  + Khi Dế Choắt nhờ Dế Mèn đào giúp mình một cái ngách thông sang nhà Dế Mèn để phòng khi có kẻ đến bắt nạt, Dế Choắt sẽ chạy sang nhà Dế Mèn thì thái độ của Dế Mèn thật quá đáng. Dế Mèn chưa nghe hết câu Dế Choắt nói đã hếch răng lên, xì một hơi dài, với điệu bộ khinh khinh, Dế Mèn đã mắng dế Choắt: “Muốn thông ngách sang nhà ta? Dễ nghe nhỉ! Chú mày hôi như cú mèo thế này, ta nào chịu được. Thôi, im cái điệu hát mưa dầm sùi sụt ấy đi. Đào tổ nông thì cho chết!”  – Dế Mèn thật đáng trách. Là hàng xóm của nhau phải giúp đỡ nhau lúc gặp khó khăn hoạn nạn. Vậy mà khi Dế Choắt có lời nhờ vả, Dế Mèn không giúp thì thôi còn mắng bạn sa sả.  **\* Trò đùa ngu dại của Dế Mèn**  – Thấy chị Cốc đứng chổ mát rỉa lông, rỉa cánh, chùi mép. Dế Mèn rủ Dế Choắt trêu chọc. Dế Choắt vái lạy van xin. Dế Mèn liền mắng Dế Choắt. Một mình Dế Mèn trêu chọc chị Cốc.  – Dế Mèn đã đem tai họa đến cho Dế Ghoắt. Không trông thấy Dế Mèn, kẻ đã trêu mình nhưng chị Cốc lại nhìn thấy Dế Choắt. Thế là nổi trận lôi đình, chị Cốc cho Dế Choắt một trận đòn chí tử. Dế Choắt chết oan vì trò đùa ngu dại của Dế Mèn.  **\* Sự ân hận của Dế Mèn**  – Thấy Dế Choắt không dậy được, Dế Mèn mới hốt hoảng, quỳ xuống, nâng đầu Choắt lên mà than: “Nào tôi đâu biết cơ sự lại ra nông nỗi này! Tôi hối lắm! Tôi hối hận lắm. Anh mà chết là chỉ tại cái tội ngông cuồng dại dột của tôi. Tôi biết làm thế nào bây giờ?”.  – Dế Choắt tắt thở. Dế Mèn thương và ân hận lắm nhưng đã quá muộn. Trò đùa ngu dại của một kẻ ngông cuồng như Dế Mèn đã đem đến tai họa cho người hàng xóm yếu ớt. Dầu có ân hận bao nhiêu chăng nữa thì Dế Choắt cũng không sống lại được. Nỗi ân hận này nhất định sẽ dai dẳng theo Dế Mèn trong suốt cuộc đời.  **b. Bài học rút ra từ đoạn trích**  Một đoạn trích thôi nhưng đã cho em những bài học sâu sắc:  – Hàng xóm láng giềng của nhau thì nhớ phải “tối lửa tắt đèn có nhau” và không nên “Cháy nhà hàn xóm mà bình chân như vại”.  – Không nên khinh thường những người yếu hơn mình. Khi họ cần giúp đỡ hãy vui lòng giúp họ trong khả năng của mình.  – “Ở đời mà có thói hung hăng bậy bạ, có óc mà không biết nghĩ, sớm muộn rồi cũng mang vạ vào mình”.  – Cần suy nghĩ chín chắn trước khi nói và làm bất cứ việc gì.  **3. Phần Kết bài**  – Cám ơn nhà văn Tô Hoài vì bằng biện pháp nhân hóa, nhà văn đã giúp em có được những bài học bổ ích qua các nhân vật.  – Từ bài học đã rút ra, em sẽ sống tốt hơn để sau lớn lên không phải ân hận. | |

**BTVN :**

- Học bài, nắm chắc kiến thức về cách là dạng bài trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống được gợi ra từ cuốn sách đã đọc